

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

Tiếng Pháp

NGOẠI NGỮ 2

Le français

LANGUE VIVANTE 2

1



NHÀ XUẤT BẢN GIÁO DỤC VIỆT NAM

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

NGUYỄN QUANG THUẦN (Tổng chủ biên kiêm chủ biên)

NGUYỄN HỮU HẢI – NGUYỄN THỊ HUỆ – HOÀNG THỊ HỒNG LÊ

PHẠM THỊ ANH NGA – NGUYỄN VIỆT QUANG – NGUYỄN THỊ NGỌC SƯƠNG

Tiếng Pháp

NGOẠI NGỮ 2

Le français

LANGUE VIVANTE 2

1



NHÀ XUẤT BẢN GIÁO DỤC VIỆT NAM

baitap365.com

SOMMAIRE

L'ŒIL NŒI D'ŒIL	3
MODE D'EMPLOI	4
TABLEAU DES CONTENUS	6
Unité 0	10
Unité 1 : PREMIÈRES RENCONTRES	15
Unité 2 : VISITE DU COLLÈGE	31
Unité 3 : PREMIÈRES DÉCOUVERTES	47
Unité 4 : MON EMPLOI DU TEMPS	63
Unité 5 : EN FAMILLE	79
Unité 6 : EN VILLE	95
ACTES DE COMMUNICATION	111
RÉSUMÉ GRAMMATICAL	114
LEXIQUE PLURILINGUE	116
TRANSCRIPTIONS	122

LỜI NÓI ĐẦU

Các em học sinh thân mến,

Tiếng Pháp ngoại ngữ 2, Quyển Một được Đề án Ngoại ngữ Quốc gia và Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam tổ chức biên soạn theo Chương trình Giáo dục phổ thông môn Tiếng Pháp ban hành theo Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26 tháng 12 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo dành cho học sinh trung học cơ sở và trung học phổ thông.

Với Tiếng Pháp ngoại ngữ 2, Quyển Một, các em sẽ được phát triển năng lực giao tiếp bằng tiếng Pháp thông qua các hoạt động nghe, nói, đọc, viết, trong đó ưu tiên nghe và nói, đồng thời được phát triển các năng lực ngôn ngữ (ngữ âm, từ vựng, ngữ pháp), năng lực văn hoá và liên văn hoá để có thể thực hiện các nhiệm vụ giao tiếp và hành động như một thành viên của xã hội.

Tiếng Pháp ngoại ngữ 2, Quyển Một sẽ đưa các em tới những thế giới gần gũi với cuộc sống hằng ngày của chính mình và các em sẽ được trải nghiệm những cuộc phiêu lưu của các bạn học sinh Việt Nam và Pháp, các em có thể nhận ra mình là một trong các nhân vật đó. Các em sẽ có cơ hội sử dụng các kiến thức và kỹ năng đã được lĩnh hội và sức sáng tạo của mình để thực hiện các dự án học tập với các bạn cùng lớp.

Tiếng Pháp ngoại ngữ 2, Quyển Một mở ra thế giới Pháp ngữ cho phép các em khám phá văn hoá của các nước nói tiếng Pháp đặc biệt văn hoá Pháp, đồng thời khuyến khích các em tìm hiểu văn hoá của các nước khác để hiểu thêm văn hoá của đất nước mình.

Tiếng Pháp ngoại ngữ 2, Quyển Một tạo cơ hội cho các em vận dụng các kiến thức, kỹ năng và các chiến lược học ngoại ngữ mà các em đã lĩnh hội được khi học các ngôn ngữ khác để học tiếng Pháp hiệu quả hơn.

Tiếng Pháp ngoại ngữ 2, Quyển Một kết hợp đánh giá tổng kết và đánh giá quá trình, trong đó ưu tiên đánh giá quá trình, khuyến khích và tạo điều kiện cho các em tự đánh giá năng lực và tiến bộ học tập của mình.

Sách bài tập, đi kèm sách học sinh này, cho phép các em củng cố, hệ thống các kiến thức, kỹ năng đã được học ở trên lớp và hiểu sâu các nội dung trong sách giáo khoa.

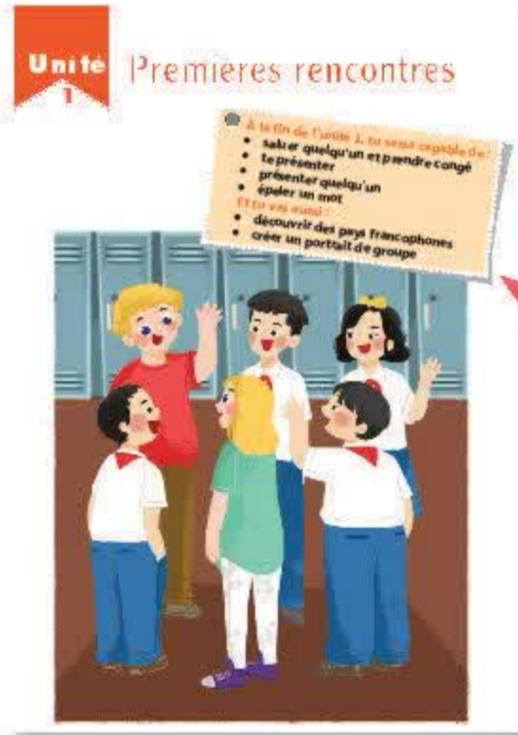
Chúc các em thành công!

Các tác giả

MODE D'EMPLOI

1 page d'ouverture

BAITAP365.COM



Contrat d'apprentissage :
- Objectifs fonctionnels
- Tâches correspondantes

4 leçons de 2 doubles pages

Document déclencheur

Compréhension globale et détaillée des documents

Leçon 1 : SALUT !

1 Observe le dessin. Imagine qui est ce adolescent et où il se trouve et.

Grammaire
4 Relie le dialogue et ce qu'il y a écrit.
a. Salut! Tu française?
b. Oui, je française.
c. Et moi, je Minh.
d. Il sympas, le collège!

Lexique
5 Écoute. Entoure les lettres que tu es sûr de.

Phonétique
6 ? Lexique. Écoute et répète.
a. Miam...miam sympas.
b. Miam...miam sympas?

Communication
7 Écoute et ce qu'il y a écrit.
a. Lise, Minh, j'ai vu Lise.
b. Tu es française?
c. Oui, je suis française.
d. Miam...
e. Minh.

Grammaire

Lexique

Phonétique

Communication

1 double page de culture

Différents types de documents centrés sur la réalité française ou francophone, dans une optique interculturelle

CULTURE : EN ROUTE POUR LA FRANCOPHONIE !

1 Qu'est-ce que ces pays ont en commun et pourquoi les appelles-tu ainsi ?

2 Les nations de la route.
a. Observe et décris les gestes de salutation.
b. Au Vietnam, comment est-ce qu'on se salue ? (Quels(s) gestes(s) ?) Écris les Vietnamiens ?
c. En France, comment est-ce qu'on se salue ? (Quels(s) gestes(s) ?) Écris les Français ?

3 Associe chaque photo à une ville correspondante.

4 Le Vietnam et ses grandes villes.
a. Quelles sont les cinq grandes villes du Vietnam?
b. Quels sont les symboles de ces villes?

5 Associe chaque drapeau à un pays et une capitale.

Activités de découvertes, de compréhension des documents et de réflexion interculturelle

1 double page "Entrainement"

Cette double page permet la vérification et la systématisation des acquis grammaticaux, lexicaux et communicatifs

Grammaire

Lexique

ENTRAINEMENT

GRAMMAIRE

1. Complète avec le verbe *être*.

a. Elle française, Lisa.

b. Moi, je An.

c. Tu super, Maxime.

d. Il marseillais.

2. Mets les verbes en bonne forme.

a. Le professeur (appeler) Nam. Il (être) Nina Trang.

b. Tu (être) cambodgien? Moi, je (être) marseillais.

c. Elle (être) française et elle (appeler) Jany!

d. Tu (appeler) Bouraphone? Et tu (être) Louang Prabang?

PHONETIQUE

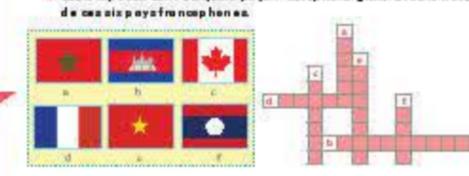
5. Écoute et coche ce que tu entends. Fais répéter les phrases entendues.

a. Claude est canadien. b. Alice est française. c. Lina est cambodgien?
 Claude est canadienne. Alice est française. Lina est cambodgien.

LEXIQUE

2. Écoute et écris les lettres que tu entends.

4. Ça drapeaux sont de quels pays? Remplis la grille avec le nom de ces six pays francophones.



COMMUNICATION

4. Imagine un personnage et complète la fiche.

Nom: _____

Prénom: _____

Sexe: _____

Adresse électronique: _____

5. Appelle ton prénom, ton nom et ton adresse électronique.

7. Associe et mets dans le bon ordre pour obtenir les séquences d'un dialogue.

a. Salut! J'ai vu Lisa. 1. Q-U-A-N-T.

b. Comment ça va? 2. Salut Lisa.

c. Et toi, comment tu s'appelles? 3. Moi, je m'appelle Quang.

→ 1 → 2 → 3 → ... → ... → ...

8. À deux, invente un personnage. Donne des informations (son prénom et sa ville) à ton ou ta partenaire. Il ou elle devine la nationalité du personnage.

Elle s'appelle Nina et elle est de Montréal.
 Elle est française!



Phonétique

Communication

1 Page "Interdisciplinarité" et 1 page "Projet"

Une discipline scolaire étudiée en français pour une approche interdisciplinaire

MON COURS DE GÉOGRAPHIE



1. Regarde le document : y es-tu ou faux?

	Oui	Non
a. Paris est dans le nord de la France.		
b. Lyon est dans le sud-est de la France.		
c. Marseille est dans le sud-ouest de la France.		
d. Strasbourg est dans le nord-est de la France.		
e. Toulouse est dans le sud-est de la France.		

2. Tu habites en France. Associe.

a. La Belgique est	1 au nord.
b. La mer Méditerranée est	2 est à l'est.
c. L'océan Atlantique est	3 au sud-ouest.
d. L'Espagne est	4 au nord-ouest.
e. La Suisse est	5 au sud.
f. Le Royaume-Uni est	6 à l'ouest.

3. Regarde à nouveau et réponds.

a. Quels sont les pays frontaliers de la France?

b. Dans quels pays frontaliers parle-t-on français?

c. Quel fleuve va de l'est au sud?

d. Quel fleuve va du sud à l'ouest?

e. Quelles sont les trois plus grandes villes de France?

f. Quelle est la ville frontalière avec l'Allemagne?

PROJET : CRÉER UN PORTRAIT DE GROUPE

Các em làm việc nhóm và thực hiện theo các bước sau:



Bước 1: Chuẩn bị

- Mỗi nhóm chuẩn bị 1 tờ giấy A4 và hồ dán.
- Mỗi em mang đến lớp 1 ảnh cá nhân của mình.

Bước 2: Thuyết trình

- Dán ảnh cá nhân lên trên tờ giấy A4.
- Viết họ tên dưới ảnh của từng người.
- Thêm vào tờ A4 1 hay 2 biểu tượng của Việt Nam hay của Pháp.
- Ghi thêm vào tờ A4 1 từ tiếng Pháp đã học trong đơn vị bài học này.

Bước 3: Gấp hình và dán giấy

- Treo chân dung của nhóm lên tường lớp học.
- Dùng giấy băng dính để quyên chọn chân dung in tường nhất.

Un projet par unité, à réaliser en groupes

1 page "Bilan"

BILAN

1. Souligne la bonne forme des verbes.

a. Je s'appelle / m'appelle / j'appelle Huy.

b. Tu t'appelles / t'appelle / m'appelle Lisa.

c. Je es / suis / est français.

d. Marie est / es / suis canadienne.

2. Complète avec *s'appeler* et *être*.

a. Je Lisa et je française.

b. Pierre de Paris. Moi, je de Lyon.

c. Il sympa, Paul.

d. Tu français? Comment tu?

3. Associe les phrases dans les deux colonnes.

1. Bonjour je m'appelle Paul.	1. C'est le professeur de français.
2. Elle est française?	2. Salut, à tout à l'heure.
3. Au revoir.	3. Oui, elle est de Lyon.
4. C'est qui?	4. Bonjour, Moi, je suis Minh.

1 2 3 4

4. Salutations ou présentations? Coche la bonne case.

	Salutation	Présentation
a. Salut Lisa.	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
b. Elle s'appelle Sophie.	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
c. Moi, je m'appelle Paul.	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
d. Bonjour Lisa.	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>

5. Présente-toi comme dans l'exemple.

Exemple : Bonjour. Je m'appelle Marie. Je suis française. Je suis de Paris.

La page "Bilan" permet une première autoévaluation des acquisitions de l'unité.

Tableau des contenus

	Actes de communication	Grammaire	
U0	<ul style="list-style-type: none"> Comprendre des consignes de classe 		<ul style="list-style-type: none"> L'a
U1	<ul style="list-style-type: none"> Saluer quelqu'un / Prendre congé Se présenter Présenter quelqu'un (1) Épeler un mot 	<ul style="list-style-type: none"> Le verbe être (1) Être de + ville Le verbe <i>s'appeler</i> (1) 	<ul style="list-style-type: none"> Les Les Les
U2	<ul style="list-style-type: none"> Situer dans l'espace Parler de son collègue Décrire un lieu (ex: c'est grand/ petit/ beau, etc.) (1) Dire ce qu'on aime et ce qu'on n'aime pas 	<ul style="list-style-type: none"> Les articles définis Les articles indéfinis Opposition articles définis/ indéfinis Quelques prépositions et adverbess de lieu 	<ul style="list-style-type: none"> Les Qu carac Les
U3	<ul style="list-style-type: none"> Identifier quelqu'un (Qui est-ce ?) Identifier quelque chose (Qu'est-ce que c'est?) Décrire un objet (1) Présenter quelqu'un (2) Poser des questions (1) (<i>Est-ce que...</i>) 	<ul style="list-style-type: none"> Le verbe être (2) Le verbe avoir (1) Les présentatifs C'est / Ce sont Le féminin des adjectifs (-e) Le pluriel des adjectifs (-s) La forme interrogative avec <i>Est-ce que...</i> 	<ul style="list-style-type: none"> Les Les Qu pour objet Les 69
U4	<ul style="list-style-type: none"> Parler de son emploi du temps Poser des questions (2) et y répondre avec (Quand et Pourquoi) Demander et dire l'heure (1) 	<ul style="list-style-type: none"> La conjugaison des verbes en - er Le verbe avoir (2) Les mots interrogatifs Quand et Pourquoi Le pronom <i>on</i> 	<ul style="list-style-type: none"> Les Les laires Les Les née Les
U5	<ul style="list-style-type: none"> Présenter et parler de sa famille Décrire une personne physiquement Parler d'un animal domestique Demander et dire la date 	<ul style="list-style-type: none"> Les adjectifs possessifs (1) La négation avec ne... pas Les verbes pronominaux 	<ul style="list-style-type: none"> La La Les tique Les
U6	<ul style="list-style-type: none"> Parler des lieux de sa ville Parler de ses déplacements et des autres Poser des questions (3) avec (Où / Comment) 	<ul style="list-style-type: none"> Le verbe « aller » La question avec Où / Comment Les prépositions de lieu avec "à" et "chez" Les prépositions en, à (+ moyen de transport) Le verbe <i>prendre</i> (+ moyen de transport) 	<ul style="list-style-type: none"> Les Les

Lexique	Phonétique	Culture	Interdisciplinarité	Projet
Alphabet				
Quelques pays Quelques nationalités Quelques nombres de 0 à 9	<ul style="list-style-type: none"> • La prononciation de quelques adjectifs de nationalité • L'intonation (1) • L'enchaînement 	<ul style="list-style-type: none"> • Quelques pays francophones • Les salutations • Découverte de la France et de la francophonie 	<ul style="list-style-type: none"> • Mon cours de géographie 	<ul style="list-style-type: none"> • Créer un portrait de groupe
Quelques lieux du collège Quelques adjectifs pour caractériser un lieu Quelques nombres de 10 à 19	<ul style="list-style-type: none"> • La prononciation des sons nasaux • La liaison avec [z] 	<ul style="list-style-type: none"> • La présentation d'un collège français + système scolaire 	<ul style="list-style-type: none"> • Mon cours d'éducation physique 	<ul style="list-style-type: none"> • Imaginer son collège idéal (les lieux)
Quelques objets de la classe Quelques couleurs Quelques adjectifs pour caractériser un objet Quelques nombres de 20 à 29	<ul style="list-style-type: none"> • L'accentuation de la dernière syllabe (accent tonique) • Marques orales du féminin et du pluriel 	<ul style="list-style-type: none"> • La présentation d'objets, symboles de la France / pays francophones 	<ul style="list-style-type: none"> • Mon cours de maths 	<ul style="list-style-type: none"> • Créer un blason de classe
Quelques matières scolaires Quelques activités extrascolaires Quelques jours de la semaine Quelques moments de la journée Quelques nombres de 70 à 100	<ul style="list-style-type: none"> • Le "e" final muet • Différenciation • "je" – "j'ai" – "j'aime" • Différenciation • [y] – [u] 	<ul style="list-style-type: none"> • Les activités extrascolaires préférées des adolescents (en France) 	<ul style="list-style-type: none"> • Mon cours de musique 	<ul style="list-style-type: none"> • Créer un emploi du temps idéal
Quelques membres de la famille Quelques descriptions physiques Quelques animaux domestiques Quelques mois de l'année	<ul style="list-style-type: none"> • Le groupe rythmique • Les sons [ɔ] et [ɔ̃] • Les consonnes finales muettes (1) 	<ul style="list-style-type: none"> • Les fêtes familiales en France et dans les pays francophones 	<ul style="list-style-type: none"> • Mon cours d'instruction civique 	<ul style="list-style-type: none"> • Réaliser un calendrier des fêtes
Quelques lieux de la ville Quelques moyens de transport	<ul style="list-style-type: none"> • Opposition • [s] / [Z] • Opposition • [s] / [f] • Différenciation • [a] - [ã] 	<ul style="list-style-type: none"> • Les moyens de transport en France et dans les pays francophones 	<ul style="list-style-type: none"> • Mon cours d'informatique 	<ul style="list-style-type: none"> • Réaliser un programme de visite

Présentation

Dans ton livre, tu vas rencontrer...

Des ados de ton âge



Bonjour, je suis An. Je suis en 6^e au collège Nguyen Trai. J'adore la littérature et la peinture.



Salut, je m'appelle Nam. Je suis en 6^e au collège Tran Phu. J'adore le sport, tous les sports.



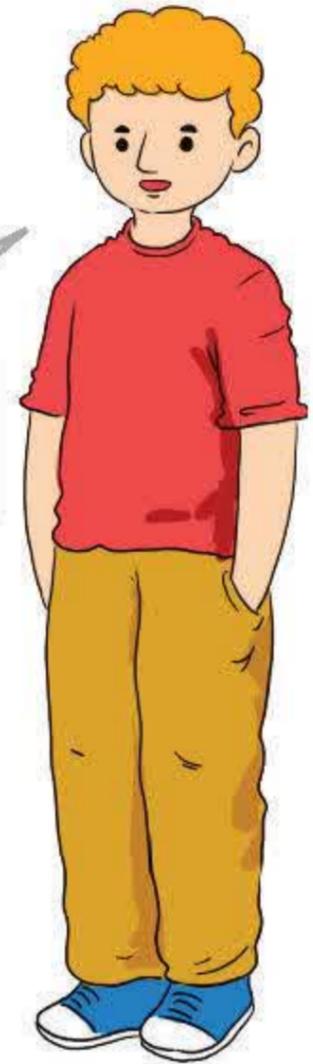
Moi, je m'appelle Trang. Je suis de Hue. J'adore la gastronomie. J'aime faire la cuisine.



Salut, je m'appelle Léa. Je suis née à Paris, en France. J'adore la musique.



Salut! Je m'appelle Huy. Je suis né à Da Nang. Je suis en 6^e au collège Phan Chu Trinh. Ma passion, c'est le foot.



Moi Je m'appelle Nicolas. Je suis de Toulouse. J'adore les animaux.

Salut, je m'appelle Minh. Je suis en 6^e au collège Quang Trung. J'adore la musique et le français.



Bonjour, je suis Maxime. Je suis né à Lyon. J'adore le foot. J'aime découvrir de nouvelles choses.



Bonjour, je suis Lan. Je suis née à Hue. J'adore la musique et la danse.



Salut ! Comment tu t'appelles ?...

1 Écoute et répète.



2 Réécoute et remets les phrases du dialogue dans le bon ordre.

Hugo				Alice			
1	2	3	4	1	2	3	4

3 Joue avec ton voisin ou ta voisine devant la classe.



L'alphabet, les noms et prénoms français

4 L'alphabet français. Écoute et répète.



5 Écoute l'alphabet associé à des prénoms. Complète à l'aide de la liste.

A	comme		N	comme	Anna
B	comme		O	comme	
C	comme		P	comme	
D	comme		Q	comme	
E	comme		R	comme	
F	comme		S	comme	
G	comme		T	comme	
H	comme		U	comme	
I	comme		V	comme	
J	comme		W	comme	
K	comme		X	comme	
L	comme		Y	comme	
M	comme		Z	comme	

Anna, Camille, Bernard, Dubois, Emma, Fabien, François, Paul, Gérard, Chloé, Hugo, William, Jules, Léa, Ophélie, Noémie, Pierre, Karine, Quentin, Simone, Robert, Thomas, Ulysse, Véronique, Yves, Xavier, Olivier, Mila, Igor, Théo, Zoé

6 Observe ces mots français.

- | | | | |
|----------------------------------|----------------------------------|-----------------------------------|-------------------------------------|
| <input type="checkbox"/> affiche | <input type="checkbox"/> collège | <input type="checkbox"/> salade | <input type="checkbox"/> piano |
| <input type="checkbox"/> beurre | <input type="checkbox"/> bus | <input type="checkbox"/> sauce | <input type="checkbox"/> savon |
| <input type="checkbox"/> café | <input type="checkbox"/> moto | <input type="checkbox"/> chocolat | <input type="checkbox"/> université |
| <input type="checkbox"/> cantine | <input type="checkbox"/> fromage | <input type="checkbox"/> film | <input type="checkbox"/> pharmacie |
| <input type="checkbox"/> hôpital | <input type="checkbox"/> musée | <input type="checkbox"/> cinéma | <input type="checkbox"/> théâtre |

a Coche les mots que tu connais.

b Connais-tu d'autres mots français ?

7 Les noms et prénoms français ?

a Voici quelques prénoms français les plus tendance. Lesquels aimes-tu ?

Masculins : Gabriel, Raphaël, Louis, Léo, Lucas, Adam, Hugo, Jules, Maël
Féminins : Emma, Jadem, Alice, Chloé, Linq, Rose, Anna, Mila...

b Tu connais les noms de famille français ? Écoute et écris les noms.

1) Bernard

2) T_____

3) R_____

4) D_____

5) M_____

6) M_____

7) P_____

8) R_____

9) D_____

Les nombres de 0 à 20

8 Identifie un nombre, compte.



a Écoute et répète.



b Écoute et choisis le nombre entendu.

a) 2 - 3 - 5

b) 2 - 3 - 5

c) 2 - 3 - 5

d) 2 - 3 - 5

e) 2 - 3 - 5

f) 2 - 3 - 5

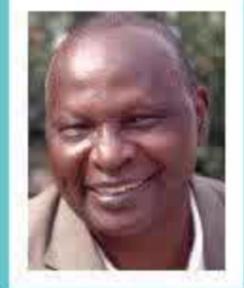
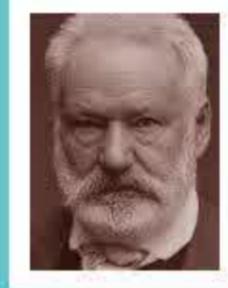
g) 2 - 3 - 5

h) 2 - 3 - 5

La France et la Francophonie

9 Quelles personnalités français ou francophones connaissez-vous ?

- a En petits groupes, faites une liste. Comparez-les : quel groupe connaît le plus de personnalités.
- b Associe un nom à chaque personnalité.



a. Victor Hugo

b. To Hoai

c. Aminata Sow Fall

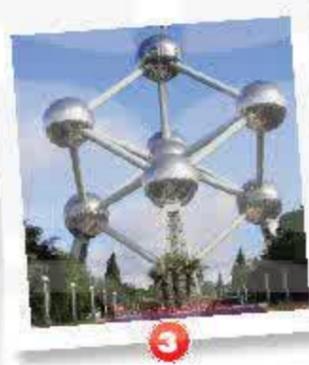
d. Marie Curie

e. Céline Dion

f. Amadou Kourouma

9 La France, c'est...

- a Observe et dis quelles photos représentent la France.
- b Associe les photos aux légendes correspondantes.



La Tour Eiffel : 2

Manneken pis : ...

Le Tour de France : ...

La baguette : ...

Les fromages : ...

Tintin : ...

- c Présente trois photos qui représentent le Vietnam

La communication en classe

10 Les mots de la classe.



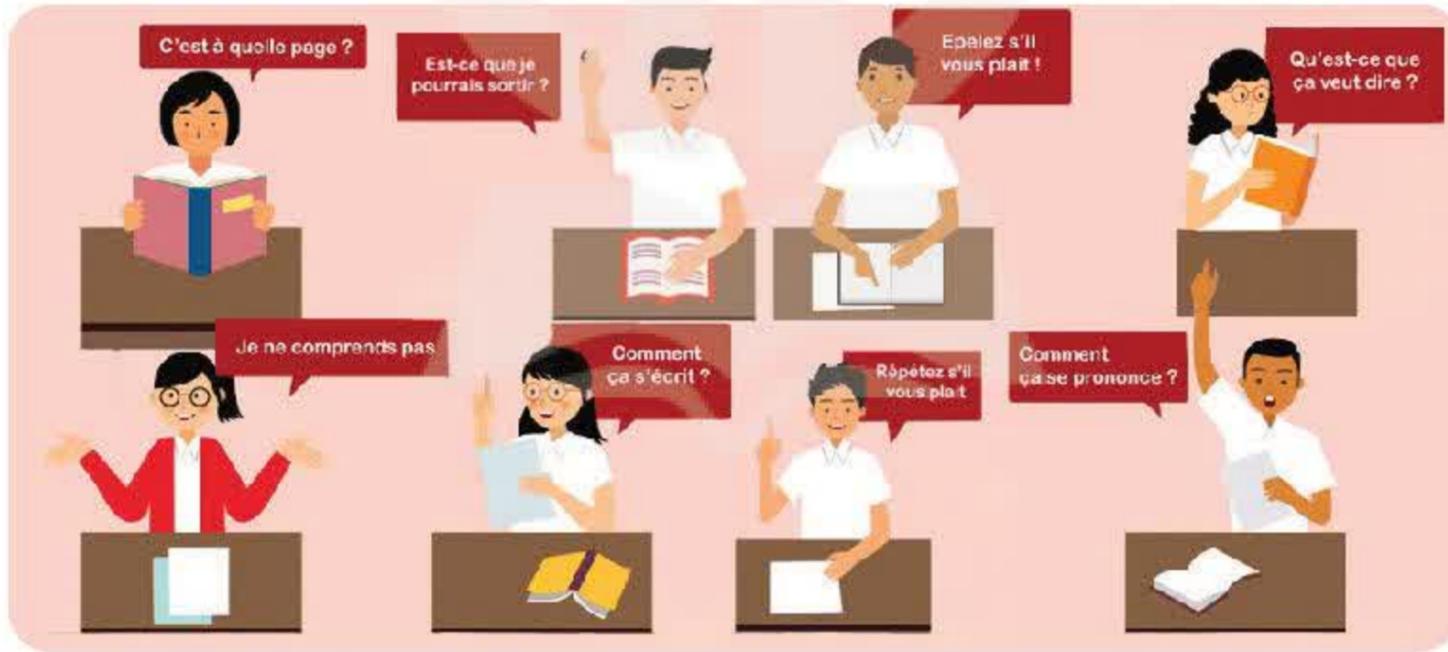
a Que dit le professeur ? Observe, écoute et complète.



1. Écoutez.
2. Écrivez.
3. Ouvrez vos livres.
4. Observez le dessin.
5. Répondez.
6. lisez.
7. Répétez.
8. Travaillez en groupe.



b Qu'est-ce que les élèves disent ? Observe, écoute et complète.



1. Épelez s'il vous plaît.
2. Comment ça se prononce ?
3. C'est à quelle page ?
4. Comment ça s'écrit ?
5. Qu'est-ce que ça veut dire ?
6. Répétez s'il vous plaît.
7. Je ne comprends pas.
8. Est-ce que je pourrais sortir ?



c Qui dit quoi ? Prof ou élève ? Écoute et dis, pour chaque phrase, qui parle.

Prof	Élève
.....
.....

Premières rencontres

● À la fin de l'unité 1, tu seras capable de :

- saluer quelqu'un et prendre congé
- te présenter
- présenter quelqu'un
- épeler un mot

Et tu vas aussi :

- découvrir des pays francophones
- créer un portrait de groupe



Leçon 1 : SALUT !

1 Observe le dessin. Imagine qui sont ces adolescents et où ils se trouvent.



AN : Salut ! Tu es française ?
LÉA : Salut. Oui, je suis française.
AN : Super ! Comment tu t'appelles ?
LÉA : Léa. Et toi ?
AN : Moi, je m'appelle An.
MINH : Et moi, je suis Minh.
LÉA : Comment ça s'écrit ?
MINH : M-I-N-H.
LÉA : D'accord, Minh. (...) Wouah !
Il est sympa, le collègue !
[...]
AN : C'est l'heure ! Au revoir Léa.
LÉA : Au revoir.

Compréhension

2 Cache le dialogue. Écoute et coche la bonne réponse.

a Combien d'adolescents parlent ?

2. 3. 4.

b Comment s'appelle la jeune Française ?

Anne. Léonne. Léa.

3 Lis le dialogue et coche.

	VRAI	FAUX
a. C'est Minh qui salue en premier.		
b. An demande à Léa son prénom.		
c. Léa ne répond pas quand An prend congé.		

Grammaire

4 Relis le dialogue et complète.

- a Salut ! Tu française ?
- b Oui, je française.
- c Et moi, je Minh.
- d Il sympa, le collège !

Être
Je suis ...
Tu es ...
Il est .../ Elle est ...

Lexique

5 Écoute. Entoure les lettres que tu entends.



6 Phonétique. Écoute et répète.

- a Maxime est sympa.
- b Maxime est sympa ?

Communication

7 Écoute et complète.

- a - Léa. Moi, je suis Lan.
- Lan.
- b - Tu es français ?
- Oui, je suis français.
- c -, Maxime.
-, Minh.



Pour saluer et prendre congé

- | | |
|------------|--------------|
| - Salut. | - Salut. |
| - Bonjour. | - Au revoir. |

Leçon 2 : JE SUIS FRANÇAISE

1 Observe les documents A et B et devine qui sont ces adolescents.

A



B

JUMELAGE FRANCOPHONE

Liste des élèves

	Pays	Ville	Collège	Élèves		
1	Le Cambodge	Battambang	Anne-Frank	SOK Nitha	NY Lim	(...)
2	Le Canada	Québec	Lasalle	Véronique SIMARD	Patrick PETIT	(...)
3	La France	Lyon	Jean Rostand	Léa LAMBERT	Maxime DESFORGES	(...)
4	Le Laos	Louang Prabang	Lao-Top	Kinsoukhone PHOMMACHANH	Bounphone PHANAV-ANH	(...)
5	Le Maroc	Rabat	Anatole France	Nadia LALAMI	Karim EL MNASFI	(...)
6	Le Vietnam	Hué	Quang Trung	VI Thi Thu Trang	PHAN ANH HUY	(...)

Compréhension

2 Lis les documents ci-dessus. Dis le prénom et le pays de chaque élève du document A.

Exemple : a. Lim - le Cambodge

3 Ces drapeaux représentent quels pays ? Relis le document B et écris les numéros correspondants.



a: ...



b: ...



c: ...



d: ...



e: 6



f: ...

Lexique

4 Quelle est la nationalité de chaque élève ? Écoute et complète.

a Maxime est

b Anh Huy est

c Véronique est

d Karim est

e Lim est

	Les adjectifs de nationalité	
	Masculin Il est ...	Féminin Elle est ...
Le Cambodge	cambodgien	cambodgienne
Le Canada	canadien	canadienne
La France	français	française
Le Laos	laotien	laotienne
Le Maroc	marocain	marocaine
Le Vietnam	vietnamien	vietnamienne

5 Phonétique. Écoute et répète.

a Maxime est français. Léa est française.

b Véronique est canadienne. Patrick est canadien.

c Karim est marocain. Nadia est marocaine.

Masculin et féminin	
[ɛ] français	[ɛz] française
[é] marocain	[ɛn] marocaine
[jé] vietnamien canadien	[jɛn] vietnamienne canadienne

6 Écoute et coche ce que tu entends.

a cambodgien

b laotien

c français

cambodgienne

laotienne

française

Communication

7 Tu rencontres un nouveau camarade de classe. Tu le salues et tu te présentes (prénom, nationalité).

Salut. Je m'appelle Léa.
Je suis française.



Pour se présenter

- Je m'appelle Minh.
Je suis Minh.
Moi, c'est Minh.
- Je suis vietnamien.

Leçon 3 : JE SUIS DE LYON

1 Observe le dessin et réponds.

- a** Où se trouvent les adolescents ?
b Qui sont-ils ?



- MAXIME :** Lui, c'est qui ?
TRANG : C'est le prof de français.
MAXIME : Chouette ! Il est jeune !
TRANG : Et il est très sympa. Il n'est pas de Hué. Il est de Hanoï.
MAXIME : Tu es de Hué, toi ?
TRANG : Oui, Minh, Lan et moi, on est tous de Hué. Huy, lui, est de Danang.
MAXIME : Moi, je suis de Lyon.
TRANG : Léa aussi ?
MAXIME : Non, Léa est de Paris.

Compréhension

2 Cache le dialogue. Écoute et coche.

	VRAI	FAUX
a. Le garçon est vietnamien.		
b. La jeune fille ne pose pas de question.		

3 Réécoute et coche la bonne réponse.

- a** Les deux élèves parlent du professeur
 de maths. de français. d'anglais.
- b** Ce professeur est
 de Hué. de Hanoï. de Danang.
- c** Le garçon est
 de Lyon. de Paris. de Hanoï.

Grammaire

4 Complète comme dans l'exemple.

Exemple : *Emma est française, elle est de Lyon.*

- a Quyên est vietnamienne,
(Nha Trang)
- b Je suis français,
(Annecy)
- c Tu es cambodgien,
(Phnom Penh)

Être + de

- Je suis de Rabat.
- Tu es de Paris ?
- Julien est de Paris.
- Élise est d'Avignon.

Lexique

5 Épelle ton prénom. Puis épelle les prénoms suivants.



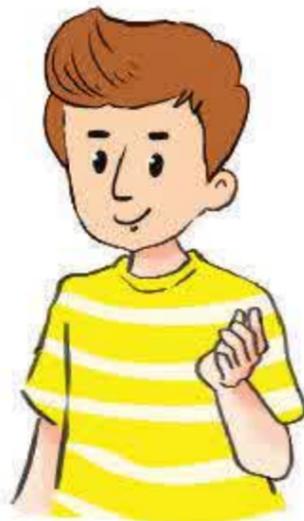
6 Phonétique. Écoute et répète.

- a Il est de Rabat.
- b Elle est de Lyon.

Communication

7 Revois les documents A et B, page 16. Imagine ce que chaque élève dit pour se présenter (prénom, nationalité, lieu d'origine).

Moi, c'est Maxime.
Je suis français.
Je suis de Lyon.



8 Dis ton adresse mail à ton voisin ou ta voisine. Il ou elle écrit.



Leçon 4 : JE VOUS PRÉSENTE EMMA

1 Observe le dessin. Que font les adolescents ? Coche la bonne réponse.

Ils présentent

un collègue.

un pays.

un ou une ami(e).

a. Bonjour. Je m'appelle Trang. Je suis vietnamienne. Je vous présente Hoa. Elle est de Hanoï.

b. Salut ! Je suis français. Je m'appelle Maxime. Là, c'est une amie. Elle est marocaine. Elle s'appelle Netty.

c. Moi, je suis Léa. Je vous présente Emma, une amie. Elle est de Paris.



Compréhension

2 Cache les textes. Écoute et réponds.

a Combien de personnes parlent ? Coche.

2.

3.

4.

b Combien de garçons ? Combien de filles ? Complète avec des chiffres.s.

Garçons	Filles
.....

3 Réécoute.

a Qui présente qui ? Associe-les à l'aide d'une flèche.

b Souligne la bonne réponse.

- Hoa est de Hué / de Hanoï.
- Netty est française / marocaine.
- L'amie de Léa est lyonnaise / parisienne.



Grammaire

4 Relis les mini-dialogues de l'activité 3 et associe.

- a Bonjour. Je **1** s'appelle Netty.
b Je suis français. Je **2** m'appelle Trang. Je suis vietnamienne.
c Elle **3** m'appelle Maxime.

S'appeler

Je m'appelle
Tu t'appelles
Il/Elle s'appelle

5 Entoure la bonne option.

- a Comment tu *s'appelle / t'appelles* ?
b Je te présente une amie. Elle *s'appelle / t'appelles* Lana.
c Je *m'appelle / t'appelles* Sophie. Je suis canadienne.
d Il *s'appelle / t'appelles* Karim ?

Lexique

6 Écoute et répète.

0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

0 zéro 1 un 2 deux 3 trois 4 quatre
5 cinq 6 six 7 sept 8 huit 9 neuf

Communication

7 Un ami français ou une amie française vient dans ta classe dans le cadre du jumelage francophone. Tu le ou la présentes à tes camarades de classe.



Pour présenter quelqu'un

- Je te présente Trang.
- C'est Léa, une amie française.
- Je vous présente un ami. Il s'appelle Noah.

CULTURE : EN ROUTE POUR LA FRANCOPHONIE !

1 Qu'est-ce que ces personnes disent pour se saluer ou pour prendre congé ? Complète les bulles.



1 Deux collégiens se rencontrent à l'école.



2 Un professeur entre dans le bureau de la directrice.



3 Le professeur quitte la salle de classe après son cours.

2 Les manières de saluer

a Observe et décris les gestes de salutation.



b Au Vietnam, comment est-ce qu'on se salue ? Quel(s) geste(s) font les Vietnamiens ?

c Et en France, comment est-ce qu'on se salue ? Quel(s) geste(s) font les Français ?



1



2



3

3 Associe chaque photo à une ville correspondante.



4 Le Vietnam et ses grandes villes

- a Quelles sont les cinq grandes villes du Vietnam ?
- b Quels sont les symboles de ces villes ?

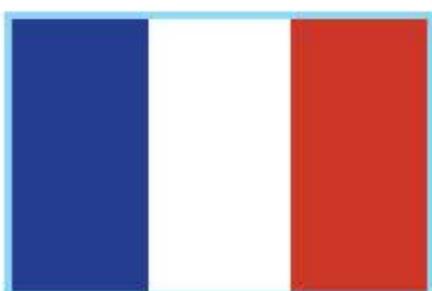
5 Associe chaque drapeau à un pays et une capitale.



a



b



c

le Canada

la France



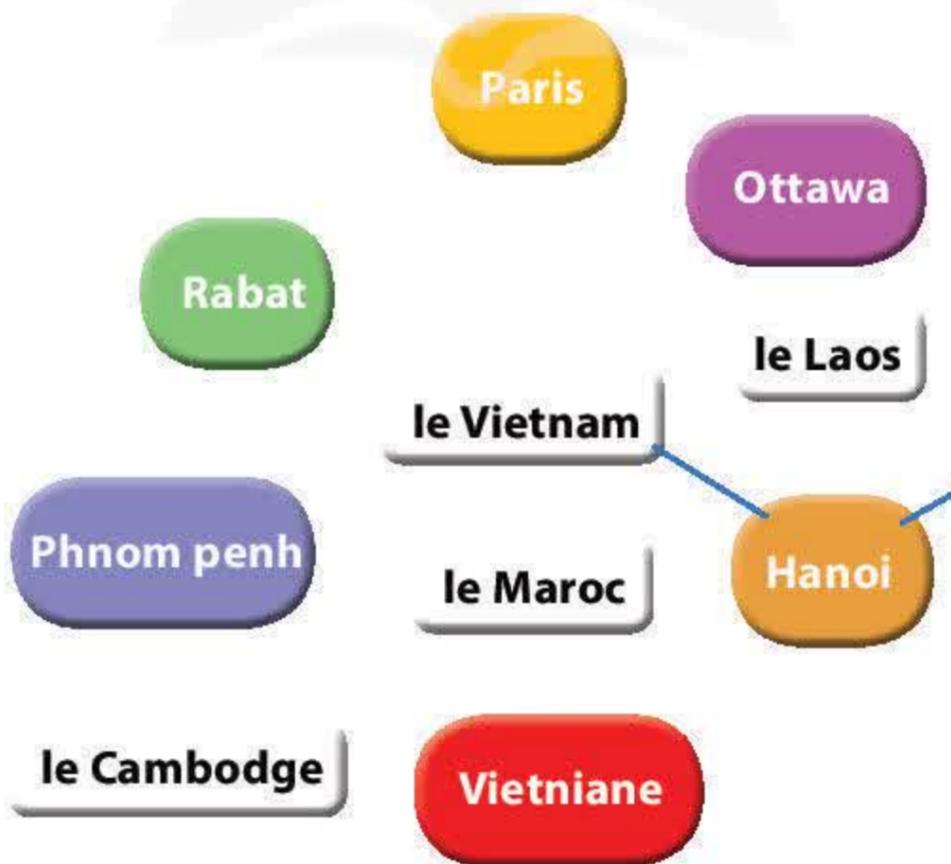
d



e



f



ENTRAÎNEMENT

GRAMMAIRE

1 Complète avec le verbe *être*.

- a Elle française, Léa.
- b Moi, je An.
- c Tu super, Maxime.
- d Il marocain.

2 Mets les verbes en bonne forme.

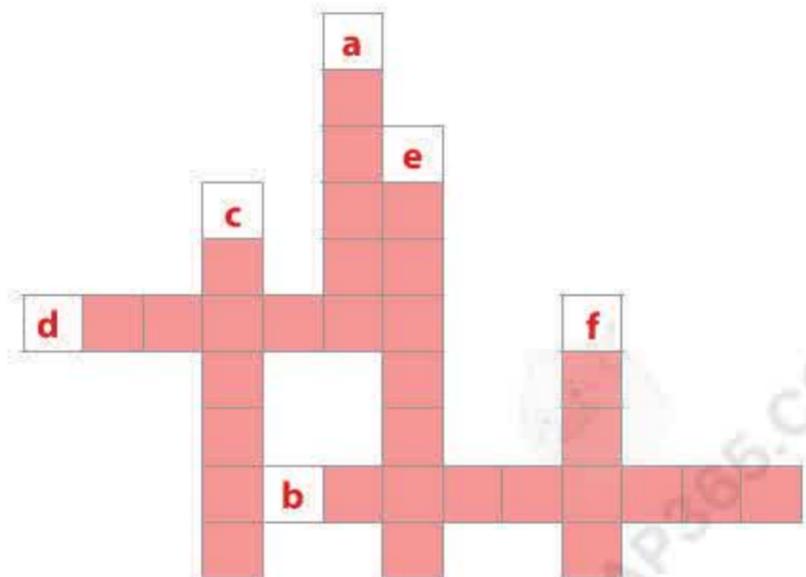
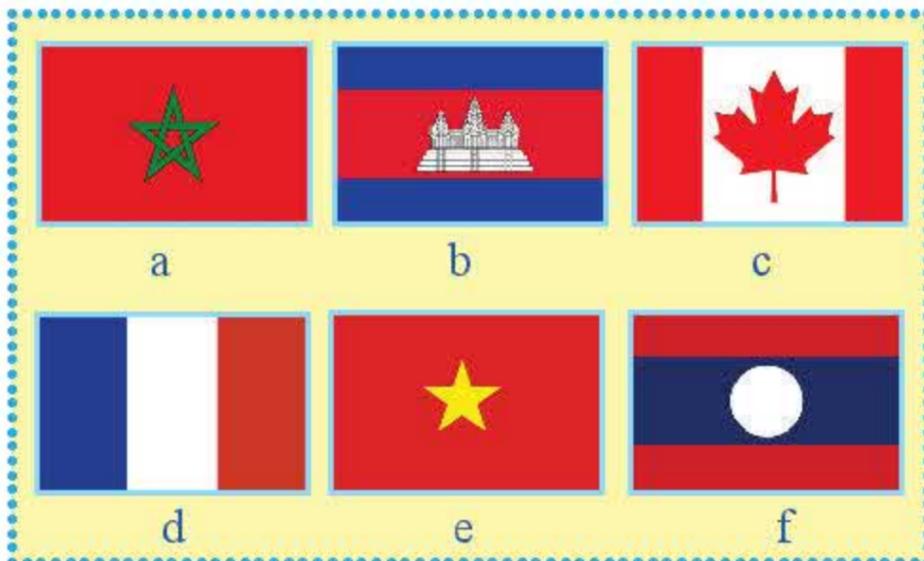
- a Le professeur (s'appeler) Nam. Il (être de) Nha Trang.
- b Tu (être) cambodgien ? Moi, je (être) marocaine.
- c Elle (être) française et elle (s'appeler) Jenny !
- d Tu (s'appeler) Bounphone ? Et tu (être de) Louang Prabang ?

LEXIQUE

3 Écoute et écris les lettres que tu entends.

.....

4 Ces drapeaux sont de quels pays ? Remplis la grille avec le nom de ces six pays francophones.



PHONÉTIQUE

5 Écoute et coche ce que tu entends. Puis répète les phrases entendues.

- a** Claude est canadien. **b** Alex est français. **c** Lim est cambodgien ?
Claude est canadienne. Alex est française. Lim est cambodgien.

COMMUNICATION

6 a. Imagine un personnage et complète la fiche.

	Prénom	
	Nom	
	Ville	
	Nationalité	
Adresse électronique		

b. Épelle son prénom, son nom et son adresse électronique.

7 Associe et remets dans le bon ordre pour obtenir les répliques d'un dialogue.

- a.** Salut ! Je suis Lana. **1.** Q-U-A-N-G.
- b.** Comment ça s'écrit ? **2.** Salut Lana.
- c.** Et toi, comment tu t'appelles ? **3.** Moi, je m'appelle Quang.

a → **2** → → → →

8 À deux. Invente un personnage. Donne des informations (son prénom et sa ville) à ton ou ta camarade. Il ou elle devine la nationalité du personnage.



MON COURS DE GÉOGRAPHIE



1 Regarde le document : vrai ou faux ?

	Vrai	Faux
a Paris est dans nord de la France.		
b Lyon est dans le sud-est de la France		
c Marseille est dans le sud-ouest de la France.		
d Strasbourg est dans le nord-est de la France.		
e Toulouse est dans le sud-est de la France.		

2 Tu habites en France. Associe.

- | | |
|---------------------------|------------------|
| a La Belgique est | 1 au nord. |
| b La mer Méditerranée est | 2 à l'est. |
| c L'océan Atlantique est | 3 au sud-ouest. |
| d L'Espagne est | 4 au nord-ouest. |
| e La Suisse est | 5 au sud. |
| f Le Royaume-Uni est | 6 à l'ouest. |

3 Regarde à nouveaux et réponds.

- Quels sont les pays frontaliers de la France ?
- Dans quels pays frontaliers parle-t-on français ?
- Quel fleuve va de l'est au sud ?
- Quel fleuve va du sud à l'ouest ?
- Quelles sont les trois plus grandes villes de France ?
- Quelle est la ville frontalière avec l'Allemagne ?

PROJET : CRÉER UN PORTRAIT DE GROUPE

Các em làm việc nhóm và thực hiện theo các bước sau:



Bước 1: Chuẩn bị

- Mỗi nhóm chuẩn bị 1 tờ giấy A4 và hồ dán.
- Mỗi em mang đến lớp 1 ảnh cá nhân của mình.

Bước 2: Thực hiện

- Dán ảnh cá nhân lên trên tờ giấy A4.
- Viết họ tên dưới ảnh của từng người.
- Thêm vào tờ A4 1 hay 2 biểu tượng của Việt Nam hay của Pháp.
- Ghi thêm vào tờ A4 1 từ tiếng Pháp đã học trong đơn vị bài học này.

Bước 3: Giới thiệu và đánh giá

- Treo chân dung của nhóm lên tường lớp học.
- Đánh giá bằng cách biểu quyết chọn chân dung ấn tượng nhất.

BILAN

1 Souligne la bonne forme des verbes.

- a Je t'appelles / m'appelle / s'appelle Huy.
- b Tu t'appelles / s'appelle / m'appelle Léa.
- c Je es / suis / est français.
- d Marie est / es / suis canadienne.

2 Complète avec *s'appeler* et *être*.

- a Je Léa et je française.
- b Pierre de Paris. Moi, je de Lyon.
- c Il sympa, Paul.
- d Tu français ? Comment tu ?

3 Associe les phrases dans les deux colonnes.

1. Bonjour, je m'appelle Paul.	a. C'est le professeur de français.
2. Elle est française ?	b. Salut, à tout à l'heure.
3. Au revoir.	c. Oui, elle est de Lyon.
4. C'est qui ?	d. Bonjour. Moi, je suis Minh.

1 2 3 4

4 Salutation ou présentation ? Coche la bonne case.

	Salutation	Présentation
a. Salut Léa.		
b. Elle s'appelle Sophie.		
c. Moi, je m'appelle Paul.		
d. Bonjour Lise.		

5 Présente-toi comme dans l'exemple.

Exemple : *Bonjour. Je m'appelle Marie. Je suis française. Je suis de Paris.*

Visite du collège

- À la fin de l'unité 2, tu seras capable de :
- situer dans l'espace
 - parler de ton collège
 - décrire un lieu (ex: c'est grand/ petit/beau, etc.)
 - dire ce que tu aimes et ce que tu n'aimes pas
- Et tu vas aussi :
- découvrir le système scolaire et le calendrier scolaire en France
 - imaginer ton collège idéal (les lieux)



Leçon 1 : ON VISITE LE COLLÈGE ?

1 Avant d'écouter, observe le dessin. À ton avis, qui sont ces adolescents ? Et qu'est-ce qu'ils font là ?



- TRANG : On visite le collège ?
MAXIME : Oui, avec plaisir.
TRANG : Ici, c'est la salle de classe de sixième.
LÉA : Oh ! C'est grand.
TRANG : Au collège, il y a une cantine.
LÉA : Vous avez aussi un gymnase ?
TRANG : Oui, bien sûr.
MAXIME : Et la salle d'informatique, c'est où ?
TRANG : Elle est là-bas.

Compréhension

2 Cache le dialogue. Écoute et coche.

a Combien d'adolescents parlent ?

2

3

4

b Ces adolescents visitent

une école.

une salle de gymnastique.

une piscine.

3 Lis le dialogue et coche.

	VRAI	FAUX
a. Trang présente son collège à ses amis.		
b. La salle de classe de sixième est grande.		
c. Au collège, il n'y a pas de gymnase.		
d. Il y a une cantine.		

Grammaire

4 Écoute. Classe et recopie les mots dans le tableau.

un ...	une ...	des...
un collègue
.....

Les articles indéfinis		
	masculin	féminin
singulier	un nom	une adresse
pluriel	des noms, des adresses	

Lexique

5 Associe.

1. une cantine

2. une salle d'informatique

3. un gymnase

4. une salle de classe



6 Écoute et répète.

10 dix	11 onze	12 douze	13 treize	14 quatorze
15 quinze	16 seize	17 dix-sept	18 dix-huit	20 dix-neuf

Communication

7 Tu es élève au collège Quang Trung. Ton copain ou ta copine est dans un autre collège. À deux, vous parlez de votre école.

Pour parler de son collège

Mon collègue s'appelle Anne-Frank.
Il est grand.
Dans mon collège, il y a dix-huit salles de classe, une cantine, un gymnase et deux salles d'informatique.

Leçon 2 : J'AIME LE GYMNASSE !

1 Observe le document. C'est

- un mail. une carte postale. une affiche.

De : maximedef@gmail.com
À : pierre.girardet@free.fr
Date : 9 septembre 2016
Objet : Salut !

Salut Pierre !

Comment ça va ?

Moi, je vais bien. Je suis au Vietnam avec Léa. Le collège Quang Trung est grand. Il y a un parking avec des vélos et des vélos, c'est étonnant ! Les toilettes, c'est propre. Je n'aime pas la bibliothèque, mais j'aime bien le gymnase, il est super ! Et les élèves vietnamiens sont sympas.

À bientôt,

Maxime

(Photo jointe : le parking à vélos)



Compréhension

2 Lis le document et coche.

a L'auteur du mail, c'est

- Pierre. Léa. Maxime.

b Il présente

- un voyage au Vietnam.
 une école au Vietnam.
 une page Web au Vietnam.

3 Lis le dialogue et coche.

	VRAI	FAUX
a. Le collège Quang Trung est petit.		
b. Maxime aime bien la bibliothèque.		
c. Maxime n'aime pas le gymnase.		

Grammaire

4 Relis le document et complète.

- a collège Quang Trung est grand ?
 b Il n'aime pas bibliothèque de ce collège.
 c toilettes de l'école, c'est propre ?
 d gymnase de l'école, c'est bien.

Les articles définis		
	masculin	féminin
singulier	le gymnase l'élève	la bibliothèque l'école
pluriel	les gymnases les élèves	les bibliothèques les écoles

5 Souligne la bonne réponse.

- a *Un / Le* nom de ton collègue, comment ça s'écrit ?
 b La classe de Lan, c'est *une / la* classe 6C ?
 c Il y a *des / les* adresses électroniques sur la liste des élèves de sixième.
 d Il y a *une / la* bibliothèque au collège.

Lexique

6 Comment ça se dit en français ?



1. a gymnasium 2. a canteen 3. a classroom 4. an informatic room 5. a library

Communication

- 7 Réponds à l'enquête en cochant une case. Puis écris un texte de 20 mots environ pour dire ce que tu aimes / n'aimes pas.

ENQUÊTE "Tu aimes ton collège ?"		
Ta classe :	Ton prénom :	
	J'aime	Je n'aime pas
les professeurs	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
la salle d'informatique	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
le gymnase	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
la bibliothèque	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
la salle de classe	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
la cour de récréation	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>

Pour dire ce qu'on aime / ce qu'on n'aime pas

J'aime les amis.
 mon collègue.
 l'informatique.

Je n'aime pas Jacques.
 le gymnase.
 le sport.

Leçon 3 : C'EST PROPRE, LA CANTINE !

1 Avant d'écouter, observe le dessin. À ton avis, la scène se passe où ?

- HUY : La cantine, elle est là.
LÉA : Oh ! C'est petit. Mais c'est propre.
HUY : Oh oui ! Ce n'est pas très moderne mais ça va.
LÉA : Et les plats, c'est bon ?
HUY : Bien sûr. On entre et on mange un *phở* ?
LÉA : C'est quoi ?
HUY : Le *phở*, c'est une spécialité vietnamienne. C'est très bon.
LÉA : Oui, avec plaisir ! Avec un coca, s'il te plaît.



Compréhension

2 Cache le dialogue. Écoute : vrai ou faux ?

	VRAI	FAUX
a. Huy et Léa sont devant la cantine de l'école.		
b. Huy présente un plat vietnamien à Léa.		

3 Réécoute le dialogue et coche.

- a Pour Léa, la cantine du collège est
 grande. moderne. propre.
- b Pour Huy, les plats de la cantine, c'est
 spécial. bon. mauvais.
- c Léa
 veut un *phở*. ne veut pas de *phở*.

Grammaire

4 Écoute à nouveau le dialogue

- a La cantine du collège, petit mais propre.
- b La cantine du collège, moderne ?
- c Et les plats à la cantine, bon ?

C'est + adjectif

Le gymnase, c'est grand.
La bibliothèque, c'est grand.
Les salles de classe, c'est grand.

Lexique

5 Observe les images et souligne la bonne réponse.

- a Ce collège est *ancien* / *moderne*. Il a 100 ans.



- b Oh ! je n'aime pas ce parking, *c'est beau* / *laid*.



- c Les toilettes du collège, c'est bien. *C'est sale* / *propre*.



Des adjectifs pour caractériser un lieu ou un objet

La cantine du collège est propre.
Ce parking est sale.
Ha Long, c'est beau.
Ce gymnase, c'est laid.
Mon école est moderne.
Ma maison est ancienne.
Les nems vietnamiens, c'est bon.
Ce film est mauvais.

6 Phonétique. Écoute et souligne quand tu entends [z].

- a Je suis Marion.
- b Elle dit bonjour à ses élèves.
- c Il s'appelle Maxime.
- d Lucie a deux ordinateurs.

La liaison avec [z]

les écoles
des ordinateurs
dix amis
vous avez

Communication

7 Présente à ton voisin ou ta voisine trois lieux de ta ville que tu connais bien. Il ou Elle te pose des questions. Tu lui réponds.

Exemple : La ville de Paris, c'est beau.



Pour caractériser un lieu ou un objet

La cantine du collège, elle est petite.
La cantine du collège, c'est petit.
Les plats de la cantine sont bons.
Les plats de la cantine, c'est bon.

Leçon 4 : C'EST OÙ, LA SALLE D'INFORMATIQUE ?

1 Observe le dessin. À ton avis, qu'est-ce que les deux adolescents cherchent ?

- MONSIEUR VINH : Vous cherchez ?
MAXIME : S'il vous plaît, monsieur. C'est où, la salle d'informatique ?
MONSIEUR VINH : Eh bien ! C'est à 20 mètres d'ici. Regardez là-bas, devant vous.
NICOLAS : C'est la salle derrière les bancs ?
MONSIEUR VINH : Oui. Elle est entre la bibliothèque et la salle des professeurs.
NICOLAS : Merci, monsieur.



Compréhension

2 Cache le dialogue. Écoute et coche.

- a Maxime et Nicolas parlent à
 un élève. un monsieur. une dame.
- b Ils cherchent
 la salle des professeurs. la bibliothèque. la salle d'informatique.

3 Réécoute le dialogue : vrai ou faux ? Souligne la bonne réponse.

- a La salle demandée est à 20 mètres de la bibliothèque. vrai / faux
b Cette salle se trouve derrière les bancs. vrai / faux
c Cette salle est entre la salle des professeurs et la bibliothèque. vrai / faux

Grammaire

4 **Observe les images. Écoute et remets les phrases dans l'ordre énoncé.**



a. devant



b. derrière



c. sur



d. sous



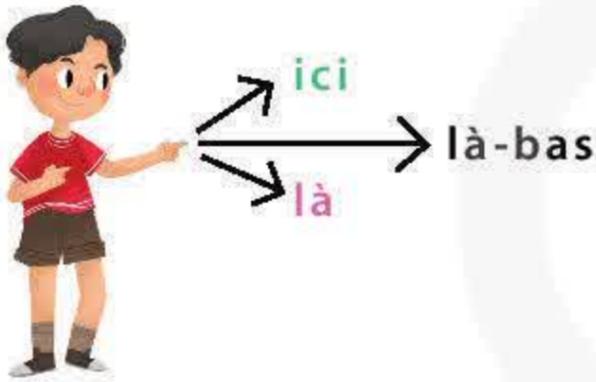
e. dans



f. entre

1	2	3	4	5	6
a					

5 **Souligne la bonne réponse.**



Des prépositions de lieu	Des adverbes de lieu
devant	ici / là
dans	là-bas
sous	
sur	
derrière	
entre	

- a Regardez *ici / là-bas* devant vous. C'est à 20 mètres d'ici.
- b Tu vas *ici / là-bas* avec Laura ?
- c Camille, viens *là / là-bas* à côté de moi.
- d Je suis *ici / là-bas* dans ce bureau.

6 **Phonétique. Écoute et souligne quand tu entends [z].**

- a Léon est à la cantine.
- b Évan est sympa.
- c Florin est du Cambodge.

[ã] - [õ] - [ẽ]
[ã] <i>cantine</i> - <i>Évan</i> - <i>Cambodge</i>
[õ] <i>bonjour</i> - <i>prénom</i> - <i>Léon</i>
[ẽ] <i>Florin</i> - <i>informatique</i> - <i>sympa</i>

Communication

7 **Desine ta salle de classe où il y a quelques élèves, des meubles et des objets. Puis décris la salle à ton voisin ou ta coisine. Il ou Elle écoute et reproduit le dessin. À deux, comparez les deux dessins.**

Pour situer dans l'espace

Le professeur est *devant* le tableau.
 Les élèves sont *derrière* leur ordinateur.
 Laura et Clara sont *sur* un banc *dans* le parc.
 Ne regardez pas *là-bas*. Je suis *ici*.
 Viens *là / ici*, à côté de moi.

CULTURE : LE SYSTÈME SCOLAIRE EN FRANCE

1 Observe le document et réponds.

- Quelles sont les classes au collège en France ? Et au Vietnam ?
- Comment s'appelle la première classe du lycée en France ?

Les systèmes scolaires français et vietnamien

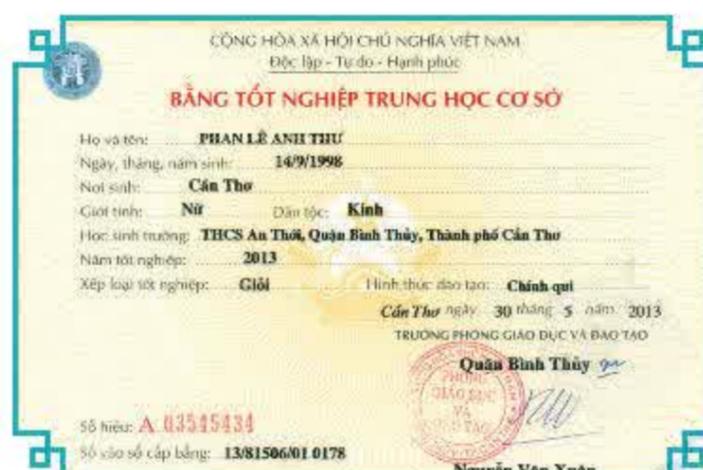
Âge	Cycles	Classes	
		France	Vietnam
17 ans	Lycée (Secondaire)	Terminale (11e)	Douzième (12e)
16ans		Première (1re)	Onzième (11e)
15ans		Seconde (2de)	Dixième (10e)
14ans	Collège (Secondaire)	Troisième (3e)	Neuvième (9e)
13ans		Quatrième (4e)	Huitième (8e)
12ans		Cinquième (5e)	Septième (7e)
11ans		Sixième (6e)	Sixième (6e)
10ans	École (Primaire)	Cours moyen 2 (CM2)	Cinquième (5e)
9ans		Cours moyen 1 (CM1)	Quatrième (4e)
8ans		Cours élémentaire 2(CE2)	Troisième (3e)
7ans		Cours élémentaire 1 (CE1)	Deuxième (2e)
6ans		Cours préparatoire (CP)	Première (1re)

2 Quelle classe pour quel âge ? Complète.

- Elsa est française. Quand elle a 15 ans elle est en.....
- Gabriel est en terminale au lycée Voltaire à Paris. Il a ans.

3 Observe et lis les documents. Vrai ou faux ?

- En France, le diplôme du collège est un diplôme national. vrai / faux
- Au Vietnam, l'obtention du diplôme du collège est validée sur la base des résultats scolaires de la classe de 9^e. vrai / faux



4 Observe et lis le calendrier scolaire français. Coche la bonne réponse.

Le calendrier scolaire 2019-2020

	zone A	zone B	zone C
PRÉRENTÉE DES ENSEIGNANTS	Vendredi 30 août 2019		
RENTÉE SCOLAIRE DES ÉLÈVES	Lundi 2 septembre		
VACANCES DE LA TOUSSAINT	Fin des cours : samedi 19 octobre Reprise des cours : lundi 4 novembre		
VACANCES DE NOËL	Fin des cours : samedi 21 décembre Reprise des cours : lundi 6 janvier 2020		
VACANCES D'HIVER	Fin des cours : samedi 22 février 2020 Reprise des cours : lundi 9 mars	Fin des cours : samedi 15 février Reprise des cours : lundi 2 mars	Fin des cours : samedi 8 février Reprise des cours : lundi 24 février
VACANCES DE PRINTEMPS	Fin des cours : samedi 18 avril Reprise des cours : lundi 4 mai	Fin des cours : samedi 11 avril Reprise des cours : lundi 27 avril	Fin des cours : samedi 4 avril Reprise des cours : lundi 20 avril
VACANCES D'ÉTÉ	Fin des cours : samedi 4 juillet 2020		



- La rentrée scolaire, c'est le 30 août 2019.
 Vrai Faux
- Les vacances de la Toussaint sont les mêmes pour tous les élèves en France.
 Vrai Faux
- Le début des vacances de Noël, c'est le 21 décembre.
 Vrai Faux
- Les dates de vacances d'hiver et de printemps sont différentes selon les zones scolaires.
 Vrai Faux
- Les vacances d'été durent deux mois environ.
 Vrai Faux

c Compare le calendrier scolaire français et le calendrier scolaire vietnamien : quelles différences ?

.....

.....

ENTRAÎNEMENT

GRAMMAIRE

1 Entoure la bonne réponse.

- a** - Dominique est *une / la* fille ?
- Oui. C'est *une / la* fille de madame Dupont.
- b** - Qu'est-ce que c'est ? *Les / Des* livres ?
- Non, ce sont *les / des* cahiers.
- c** - Qu'est-ce qu'il y a sur *un / le* bureau du professeur ?
- Il y a *un / le* téléphone. C'est *un / le* téléphone de monsieur Dupré.

2 Complète avec un article indéfini ou un article défini.

- a** On visite collège au Vietnam. C'est collège Quang Trung.
- b** Ici, il y a salles de classe. Ce sont salles de la classe de sixième.
- c** Au collège Quang Trung, il y a un gymnase et cantine. gymnase est grand, cantine est grande aussi.

LEXIQUE

3 Observe le dessin. Complète les phrases avec *derrière, dans, entre, devant*.

- a** Les élèves sont le parc.
- b** Marie est Lara.
- c** Lara est Marie.
- d** Nicolas est Marie et Sam.



4 Associe.



1. la salle de classe
2. la cour de récréation
3. la salle des professeurs
4. la bibliothèque



5 Complète avec un ou des adjectif(s) utilisés pour caractériser un lieu : *petit, grand, beau, laid, étonnant, sympathique, moderne, ancien, propre, sale.*



PHONÉTIQUE

6 Lis et écoute pour vérifier.

- a Robin a cinq amis très sympas.
- b Yvan est sur un banc devant la cantine.
- c Simon dit bonjour à Gaston et à Ombelyne.

7 Écoute et entoure les nombres énoncés.

9		13	19	8	4	
16	11	7		1	15	3
	6	14	2		10	12

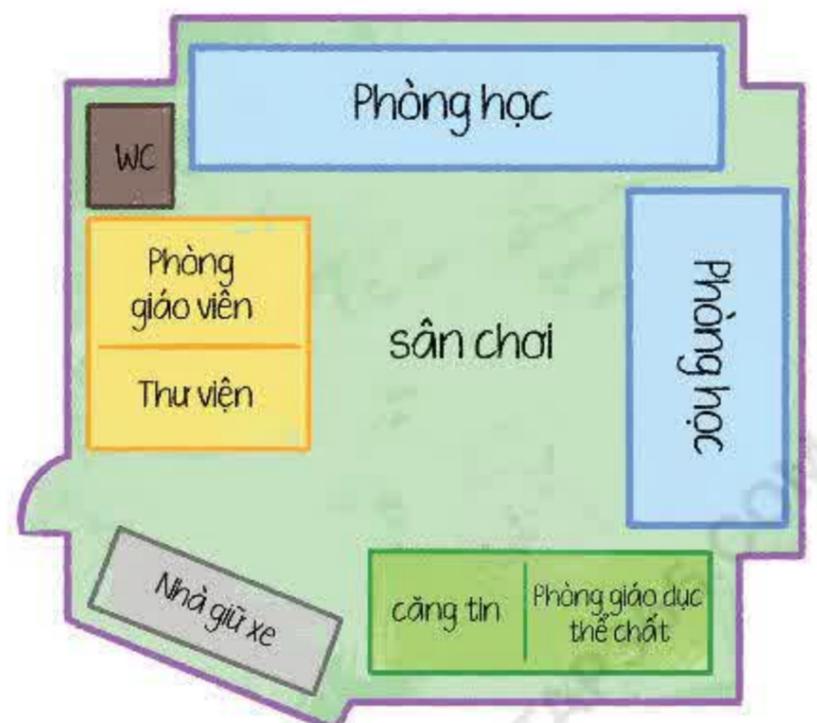
	7	14		4	8	12
11		17	9	15	1	
16	5	3	18	13		19

COMMUNICATION

8 Voici le plan du collège de Nam. Pose-lui des questions sur son école. Il répond. Joue la scène avec ton voisin ou ta voisine.

Exemples :

1. - La cantine, c'est où ?
- Elle est devant le gymnase.
2. - La cantine, c'est comment ?
- C'est propre.



MON COURS D'ÉDUCATION PHYSIQUE

1 Associe le nom du sport à chaque image correspondante.

le football



le basket-ball

le badminton



la natation

la boxe



le tennis

2 Classe ces sports en fonction de leur type dans la bonne colonne.

Sports individuels	Sports collectifs
.....

3 L'éducation physique: tu la trouves comment? Entoure.

- a L'éducation physique se distingue des autres matières scolaires. vrai / faux
- b Le cours d'éducation physique permet de mieux développer ton corps. vrai / faux
- c L'activité physique améliore les performances scolaires. vrai / faux
- d L'éducation physique, c'est bon pour la santé, mais surtout c'est amusant! vrai / faux



4 Trouve le nom des sports. Complète.

- a se pratique par 2 équipes de 6 joueurs qui jouent avec un ballon.
- b est le seul sport où les joueurs peuvent se déplacer derrière les buts.
- c est un sport collectif qui se joue principalement au pied avec un ballon sphérique et oppose deux équipes de onze joueurs dans un stade.
- d oppose soit deux joueurs (simples) soit quatre joueurs (doubles) qui jouent avec une balle en caoutchouc, remplie d'air et recouverte de feutre.

PROJET : IMAGINER VOTRE COLLÈGE IDÉAL

Các em làm việc nhóm và thực hiện theo các bước sau:



Bước 1: Chuẩn bị

- Mỗi nhóm chuẩn bị 1 tờ giấy vẽ, băng dính, hồ dán, giấy màu, bút vẽ và màu vẽ.
- Từng nhóm trao đổi về tiêu chí một ngôi trường trung học cơ sở lý tưởng (ví dụ, trường phải lớn, thật sự hiện đại, có nhiều lớp học, có phòng tin học, có sân chơi rộng, đẹp, có căng tin rộng và sạch, có nhiều không gian xanh...)

Bước 2: Thực hiện

- Cắt dán các ảnh hoặc tranh, hoặc vẽ ngôi trường trung học cơ sở lý tưởng do nhóm tưởng tượng.
- Có thể tìm kiếm ảnh hoặc tranh một ngôi trường trung học cơ sở lý tưởng trên Internet.

Bước 3: Giới thiệu và đánh giá

- Giới thiệu với lớp ngôi trường trung học cơ sở lý tưởng do nhóm tưởng tượng.
- Đánh giá bằng cách biểu quyết chọn ba trường được xem là lý tưởng nhất.

BILAN

1 Associe des éléments dans la grille pour former 5 mots qui sont des lieux du collège.

BIB	TES	CLA	TOI	AN
NE	BAB	GYM	CAN	LET
ON	SSE	THÈ	TEL	SE
QUE	LIV	TI	NA	LIO

2 Souligne la bonne solution.

- a C'est une *grand / grande* salle.
- b C'est *petit / petite*, la salle des professeurs.
- c La cantine du collège, c'est *beau / belle*.
- d La cantine du collège est *ancien / ancienne*.

3 Complète avec le, la, l' ou les.

- a Ici, c'est Paul, ami français de Hoa. Il est devant cantine du collège. Et là, c'est Marie.
- b Dans collège de Hoa, salles de classe sont grandes, mais parking est petit.



4 Écoute et coche la bonne réponse.

	VRAI	FAUX
a. Nicolas cherche Minh.		
b. Nicolas est derrière la bibliothèque.		
b. Minh est dans le gymnase du collège.		
c. Le gymnase est derrière la bibliothèque.		

3 Présente oralement ton collège en suivant les indications suivantes.

- Le nom du collège ?
- Le collège, il est grand ou petit ? Il est ancien ou moderne ? il est beau ou laid ? Il est sympa ou pas ?
- Et la cour du collège ? Le gymnase du collège ? La cantine ? La bibliothèque ?
- Les professeurs sont bons, sympas, supers ? Les amis sont bons, sympas, supers ?
- Tu aimes ton collège ?

À la fin de l'unité 3, tu seras capable de :

- identifier quelqu'un (Qui est-ce ?)
- identifier quelque chose (Qu'est-ce que c'est?)
- décrire un objet (1)
- présenter quelqu'un (2)
- poser des questions (1) (Est-ce que...)

Et tu vas aussi :

- découvrir des objets de la classe en France
- découvrir des symboles de la France et d'autres pays francophones
- créer un blason pour la classe



Leçon 1 : QU'EST-CE QUE C'EST ?

1 Observe le dessin. À ton avis, que font les élèves français et vietnamiens ?

MAXIME : La salle est grande !

MINH : Oui, nous sommes quarante dans la classe.

MAXIME : Oh, vous êtes nombreux ! Et les tables, elles sont longues !

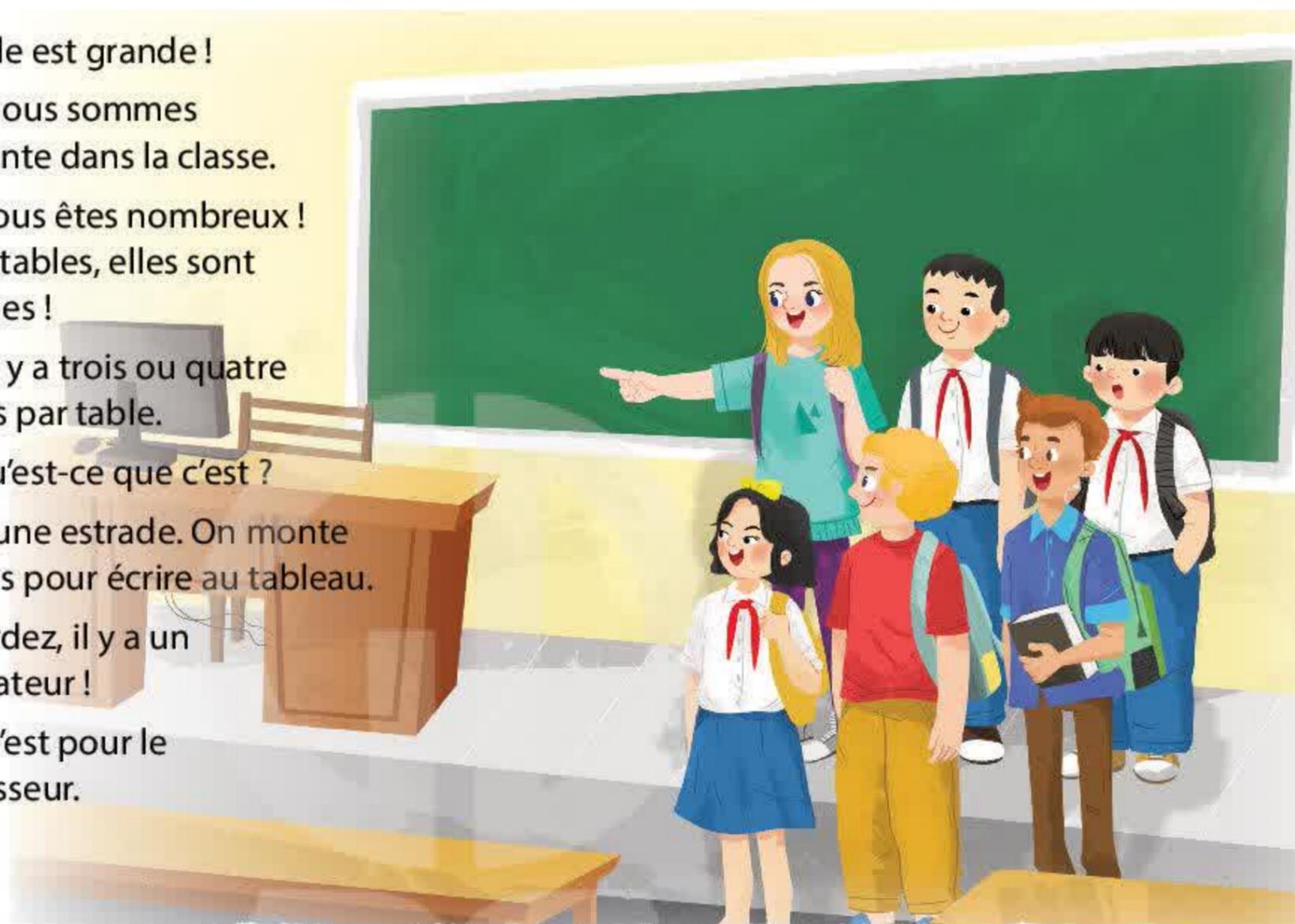
TRANG : Oui, il y a trois ou quatre élèves par table.

NICOLAS : Ça, qu'est-ce que c'est ?

MINH : C'est une estrade. On monte dessus pour écrire au tableau.

LÉA : Regardez, il y a un ordinateur !

MINH : Oui, c'est pour le professeur.



Compréhension

2 Cache le dialogue. Écoute et coche la ou les bonne(s) réponse(s).

a Où sont les élèves ?

- Dans une salle de classe.
- Dans la salle des professeurs.

b De quoi parlent les élèves ?

- Des tables.
- Des livres.
- Des chaises.
- De l'ordinateur.
- De l'estrade.
- Du tableau.

3 Lis le dialogue et entoure la bonne réponse.

- a** La salle de classe est *petite* / *grande*.
- b** Les tables sont *grandes* / *longues*.
- c** L'ordinateur est pour *les élèves* / *le professeur*.

Grammaire

4 Relis le dialogue et associe.

- a Nous **1** sont longues !
 b Vous **2** sommes quarante dans la classe.
 c Elles **3** est grande !
 d La salle **4** êtes nombreux !

Être	
Je suis	Nous sommes
Tu es	Vous êtes
Il/Elle est	Ils/Elles sont

5 Complète avec *C'est* ou *Ce sont*.

- a une table. c un tableau.
 b des stylos. d des livres.

C'est ... / Ce sont ...	
C'est un cahier.	Ce sont des cahiers.
C'est une chaise.	Ce sont des chaises.

Lexique

6 Observe les objets de la classe et écris le nom de l'objet sous image.

un bureau un cahier un ordinateur une chaise un crayon
 un livre un stylo une table un tableau



a



b



c



d



e



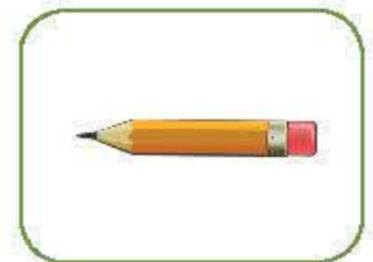
f



g



h



i

7 Phonétique. Écoute et répète.

- a C'est une **estrade**.
 b Nous sommes **quarante** dans la **classe**.
 c Et les **tables**, elles sont **longues** !

Communication

- 8 Montre un ou des objets à ton voisin ou ta voisine et pose une question. Il ou elle répond.

Pour identifier quelque chose

- Qu'est-ce que c'est ?
- C'est un livre.
- Ce sont des stylos.

Leçon 2 : UNE GRANDE TOMBOLA

1 Observe le document. À ton avis, qu'est-ce qu'une tombola ?

Jumelage entre le collège Quang Trung et le collège Jean Rostand

GRANDE TOMBOLA

de la classe de 6^e

Pour financer notre projet de voyage en France

Vous avez une chance de gagner de nombreux lots

1^{er} prix : une tablette noire

2^e prix : un téléphone portable blanc

3^e prix : un sac à dos rose

et 25 dictionnaires, 40 clés USB et 60 tickets de cinéma !

Amis vietnamiens, français ou francophones, venez nombreux !

Vente en salle 17A

5000 vnd
le ticket

Tirage le 20 mars



Compréhension

2 Lis le document et coche.

a Qui organise la tombola ?

- Seulement les élèves français.
- Seulement les élèves vietnamiens.
- Les élèves français et vietnamiens.

b Il y a combien de lots ?

- Un lot.
- Trois lots.
- Beaucoup de lots.

3 Relis le document et coche.

	VRAI	FAUX
a. Le 1 ^{er} prix est une tablette noire.		
b. Le 3 ^e prix est un téléphone portable blanc.		
c. Le tirage a lieu le 20 mars.		

Grammaire

4 Relis le document et complète.

- a un grand prix – une tombola
 b un tableau noir – une tablette
 c une clé USB rose – un sac à dos

Le féminin des adjectifs

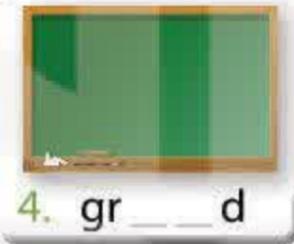
masculin	féminin
vert	verte
petit	petite
épais	épaisse
long	longue
blanc	blanche

Lexique

5 Écoute et répète.



6 Quelle est la taille des objets ? Observe le tableau et complète.



Quelques adjectifs pour décrire un objet

Les couleurs

vert – orange – rose – jaune – brun –
bleu – rouge – blanc – noir

La taille

petit – grand
court – long
mince – épais

7 Phonétique. Écoute et répète.

vert	grand	brun	long	épais
verte	grande	brune	longue	épaisse

Communication

8 Décris un objet de la classe et ton voisin ou ta voisine devine de quel objet il s'agit

Exemple : – Il est vert et grand. Qu'est-ce que c'est ?
– C'est un tableau.

Pour décrire un objet

La couleur	La taille
– Le tableau est noir.	– La table est longue.
– La chaise est bleue.	– Le collège est grand.

Leçon 3 : QUI EST-CE ?

1 Observe le dessin. Où se trouvent les élèves ?



TRANG : Regardez. Nous avons ici une belle statue !

NICOLAS : Elle est grande ! Qui est-ce ?

TRANG : C'est Quang Trung, un empereur vietnamien.

LÉA : Les vêtements sont originaux !

NICOLAS : Et ils sont très beaux.

LÉA : Vous avez des documents sur Quang Trung ?

TRANG : Oui, à la bibliothèque.

Compréhension

2 Cache le dialogue. Écoute et coche.

a Combien d'élèves parlent ?

Deux.

Trois.

Quatre.

b Ils parlent de quoi ?

De la statue de Quang Trung.

De la visite du collège Quang Trung.

Des salles de classe du collège Quang Trung.

3 Réécoute le dialogue et souligne la bonne option.

a Pour Léa, les vêtements de l'empereur sont *anciens* / *originaux*.

b Pour Nicolas, les vêtements de l'empereur sont *beaux* / *étonnants*.

c Léa pose une question sur *les documents sur Quang Trung* / *les vêtements de Quang Trung*.

Grammaire

4 Relie.

- a. Vous **1.** avons des livres à la bibliothèque.
 b. Nous **2.** avez des documents sur Quang Trung ?

Avoir

J'ai
 Tu as
 Il/Elle a
 Nous avons
 Vous avez
 Ils/Elles ont

5 Souligne la bonne forme.

- a. Tu *ai / as* un stylo rouge ?
 b. Léa, elle *a / ai* une tablette blanche.
 c. Ludo et Léon, ils *ont / a* des clés USB.
 d. *J'ai / avons* un sac à dos orange.

6 Choisis la bonne forme.

- a. J'ai des crayons *vert / verts*.
 b. Dans ma classe, le tableau est *long / longs*.
 c. Nous avons des objets *original / originaux*.
 d. Regardez, la photo est *belle / belles* !

Le pluriel des adjectifs

singulier	pluriel
vert	verts
longue	longues
épais	épais
beau / belle	beaux / belles
original / originale	originaux / originales

7 Phonétique. Écoute et répète.

une statue
des statues

magnifique
magnifiques

beau
beaux

original
originaux

Communication

8 Pose la question pour identifier les personnes. Ton voisin ou ta voisine répond.



1. Quang Hai / footballeur / vietnamien



2. Céline Dion / chanteuse / canadienne



3. Napoléon Bonaparte / empereur / français

Pour identifier quelqu'un

- Qui est-ce?
 – C'est un empereur.
 Il s'appelle Quang Trung.
 Il est vietnamien.
 – C'est Léa Lampert.
 Elle est française.

Leçon 4 : EST-CE QUE VOUS AVEZ UN SITE INTERNET ?

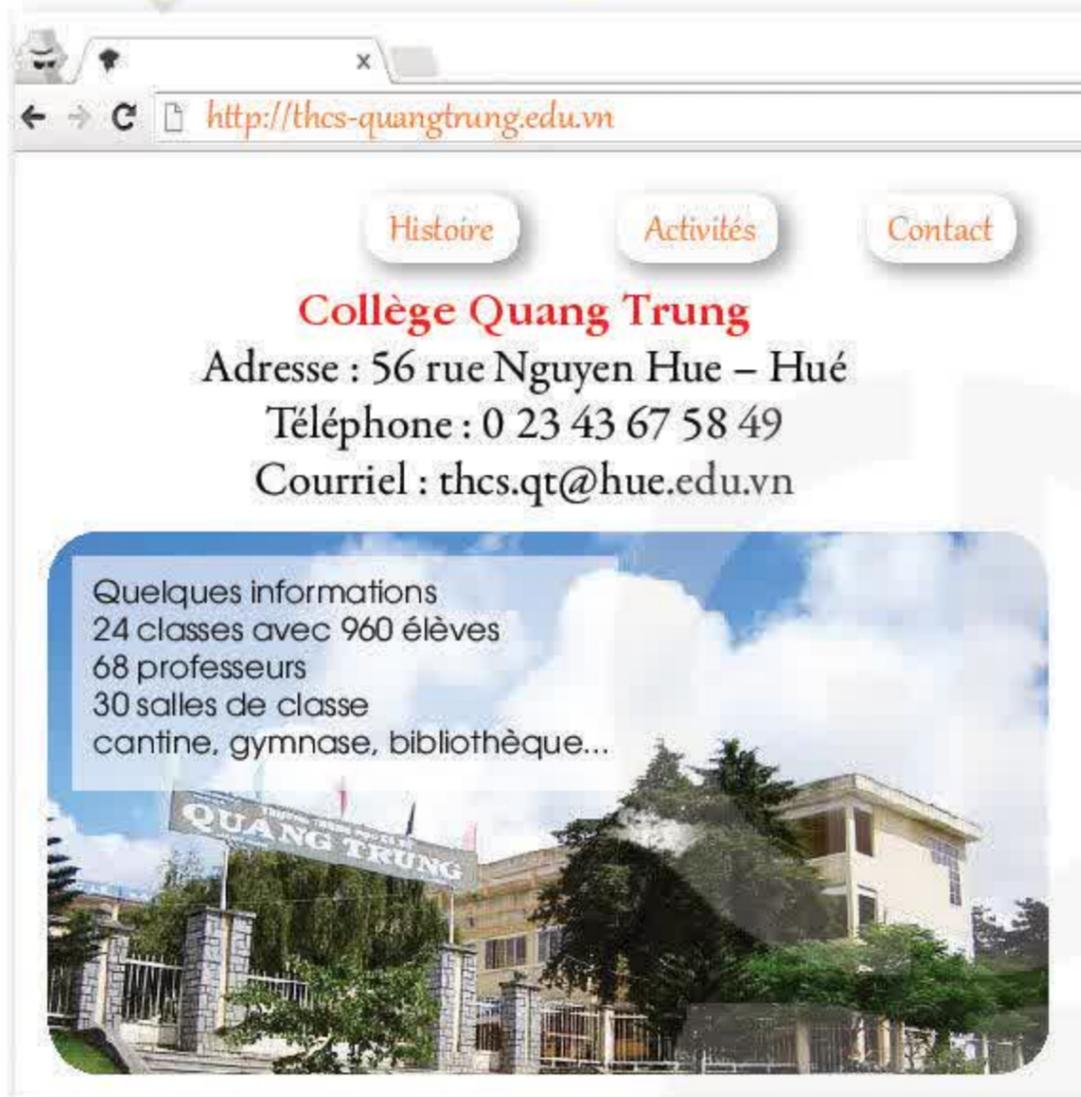
1 Observe le document et coche.

Il s'agit

d'un livre.

d'une affiche.

d'une page Web.



NICOLAS : Est-ce que vous avez un site Internet ?

TRANG : Oui, attendez ... Voilà le site du collège Quang Trung.

MAXIME : Oh, c'est très beau ! Alors, vous avez vingt-quatre classes, soixante-huit professeurs, ...

NICOLAS : C'est presque comme dans mon collège Jean Rostand !

TRANG : Ah bon ! Vous avez combien de classes ?

MAXIME : Vingt-deux. Et nous avons aussi un site Internet.

Compréhension

2 Cache le dialogue. Écoute et coche.

a Combien d'élèves parlent ?

Deux.

Trois.

Quatre.

b Ils parlent du site Internet et d'autres informations

du collège Quang Trung seulement.

du collège Jean Rostand seulement.

du collège Quang Trung et du collège Jean Rostand.

3 Réécoute et coche.

a. Le collège Quang Trung a vingt-quatre classes.

b. Le collège Quang Trung a trente professeurs.

c. Le collège Jean Rostand a vingt classes.

VRAI	FAUX

Grammaire

4 Transforme les questions avec *Est-ce que*.

- Il y a un ordinateur dans la classe ?
- C'est une clé USB ?
- La statue est originale ?

Est-ce que...

- *Est-ce que* vous avez un site Internet ?
- = Vous avez un site Internet ?
- Oui.

Lexique

5 Écoute et répète.

20 vingt 21 vingt et un 22 vingt-deux

23 vingt-trois 24 vingt-quatre 25 vingt-cinq

26 vingt-six 27 vingt-sept 28 vingt-huit 29 vingt-neuf

30 trente

40 quarante

50 cinquante

60 soixante

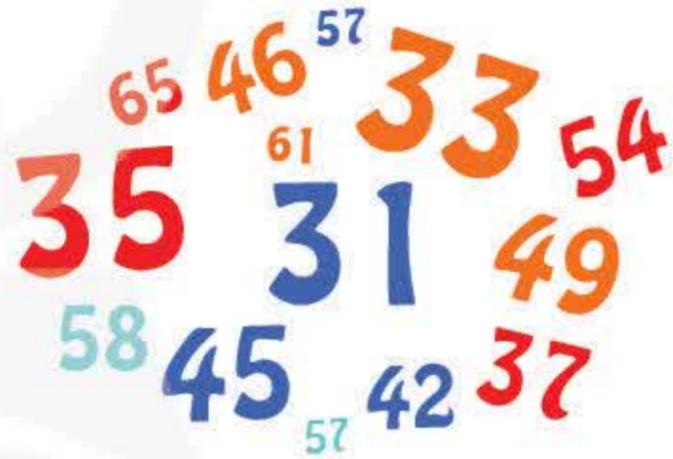
6 Complète puis lis les nombres à ton voisin ou ta voisine.

30 trente • trente et un • trente-deux • ...

40 quarante • quarante et un • ...

50 cinquante • ...

60 soixante • ...



Communication

7 Pose des questions avec *Est-ce que*. Ton voisin ou ta voisine répond.

- un ordinateur
- une tablette
- un téléphone portable
- un dictionnaire
- ...

Est-ce que tu as un ordinateur ?

Oui. Et toi, est-ce que tu as un ordinateur ?



CULTURE : DES OBJETS ET DES SYMBOLES

1 Observe les dessins.



A

Le bureau
La chaise
Le tableau
La table
Le banc



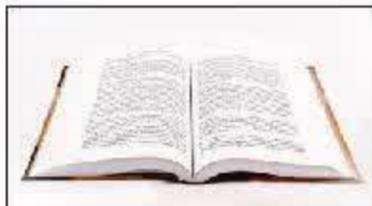
B

- Associe les mots aux objets de la classe avec des flèches.
- À ton avis, quel dessin illustre une salle de classe en France ? Au Vietnam ?
- Quelles sont les différences entre les deux salles de classe ?

2 Observe ces objets et lis les textes.



a



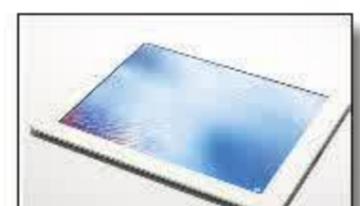
b



c



d



e

- Associe les descriptions aux images. Écris les chiffres correspondants.

Qu'est-ce que c'est ?

- C'est rond avec des aiguilles. Ça sert à indiquer l'heure. / C'est
- C'est rectangulaire. Ça sert à écouter de la musique. / C'est
- C'est rectangulaire. Ça sert à téléphoner et à surfer sur internet. / C'est
- C'est rectangulaire. Ça sert à apprendre et à lire des histoires. / C'est
- C'est long avec deux roues rondes. Ça sert à se déplacer. / C'est

- Quel est ton objet préféré ? Pourquoi ?

.....
.....

3 Observe les photos. Connais-tu ces symboles ?

- a La Tour Eiffel
- b L'hexagone
- c La 2 CV
- d La Marianne
- e Le drapeau français
- f Le coq français



a Relie les photos aux légendes.

b Connais-tu d'autres symboles qui représentent la France ?

4 Observe les photos.



a A ton avis, ces symboles représentent quels pays ?

b Pour toi, quel(s) autre(s) symbole(s) représente(nt) le Vietnam ?

ENTRAÎNEMENT

GRAMMAIRE

1 Mets les verbes à la bonne forme.

- a Moi, je (être) marocain. Et toi, tu (être) vietnamienne ?
- b J'..... (avoir) beaucoup d'amis français.
- c Ils (être) nombreux dans la classe.
- d Nous (avoir) des téléphones. Vous..... (avoir) des tablettes ?

2 Mets les adjectifs à la forme correcte.

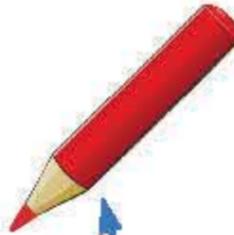
- a Ils ont des dictionnaires (épais).
- b Pour les élèves français, les parkings à vélos sont (étonnant).
- c Cette statue est très (beau) !
- d Dans la bibliothèque, il y a des tables et des chaises (blanc).

LEXIQUE

3 Écoute et complète avec le nom des objets de la classe.

Dans cette salle de classe, il y a douze (1) et trente-six(2). Sur le bureau du professeur, il y a un (3). Le (4) est très grand. Sur les tables, on voit beaucoup de (5), de cahiers, de (6) et de crayons.

4 Retrouve les couleurs des objets suivants.

				
a	b	c	d	e
→ Un crayon rouge	→ Un sac	→ Un cahier	→ Un stylo	→ Un livre

5 Écris ces nombres en lettres.

32 → trente-deux	56 →
41 →	27 →
69 →	44 →
35 →	38 →

PHONÉTIQUE

6 Écoute : masculin ou féminin ? Coche.

	a	b	c	d	e	f
Masculin						
Féminin						

COMMUNICATION

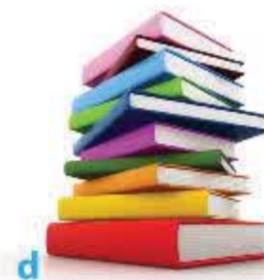
7 Remets le dialogue dans l'ordre.

- a Qu'est-ce que c'est ?
- b Non, c'est le dictionnaire de monsieur Vinh.
- c C'est mon professeur de français.
- d C'est un dictionnaire français-vietnamien.
- e Qui est-ce ?
- f Oh, il est épais ! Est-ce que c'est ton dictionnaire ?

1	2	3	4	5	6
a					

8 Décris les objets ci-dessous. Ton voisin ou ta voisine devine de quel(s) objet(s) il s'agit.

Exemple : – Elle est jaune et petite. Qu'est-ce que c'est ?
– C'est la clé USB.



1 Les opérations et leurs signes. Observe, puis écoute et répète.

une addition	une soustraction	une division	une multiplication
$1 + 2 = 3$ plus égale	$20 - 10 = 10$ moins	$18 \div 2 = 9$ divisé par	$4 \times 3 = 12$ multiplié

2 De quelle opération s'agit-il? Écoute et complète.

- a Neuf divisé par trois égale trois. → C'est une division.
- b Vingt moins cinq égale quinze. →
- c Deux plus deux égale quatre. →
- d Trois multiplié par quatre égale douze. →

3 Calcule. Complète.

- a Dans ma classe, nous sommes 30. Il y a 12 garçons et filles.
- b Luc a 3 stylos et Léa a aussi 3 stylos. Ils ont donc stylos.
- c Dans un paquet de gâteaux, il y a 15 gâteaux. Il y a gâteaux dans 4 paquets.
- d Minh achète 5 livres pour 75 euros. Donc, un livre coûte euros.

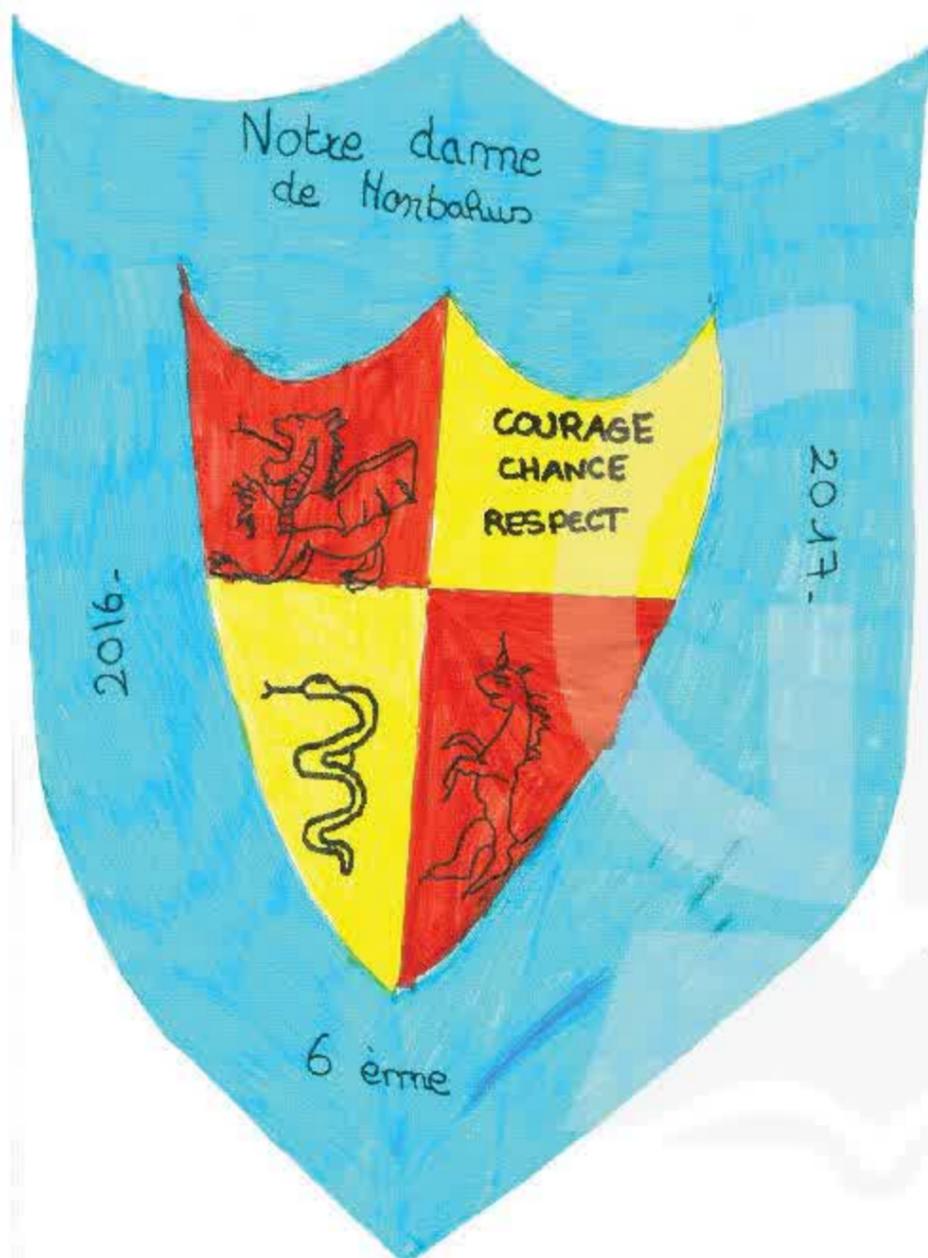
4 Dans chaque cas ci-dessous, quelle opération permet de résoudre le problème ?

1. Léa achète un pull à 65,5 €. Le commerçant lui fait une remise de 15,5 €. Combien va-t-elle payer le pull ?
a. $54,50 + 15,50$ b. $54,50 - 15,50$ c. $54,50 \times 15,50$ d. $54,50 \div 15,50$
2. Maxime commande un roman sur Internet. Son prix est de 44,40 € et les frais sont de port sont de 3,40 €. Combien va-t-il payer ?
a. $42,40 + 4,60$ b. $42,40 - 4,60$ c. $42,40 \times 4,60$ d. $42,40 \div 4,60$
3. Lucas a acheté 4,5 kg de pommes qui coûte 2 € le kg. Combien a-t-il payé ?
a. $4,5 + 2$ b. $4,5 - 2$ c. $4,5 \times 2$ d. $4,5 \div 2$
4. Mila vend un bouquet de 20 roses pour 30 €. Combien coûte une rose ?
a. $20 + 30$ b. $30 - 20$ c. 30×20 d. $30 \div 20$

PROJET : CRÉER UN BLASON POUR LA CLASSE

Các em làm việc nhóm và thực hiện theo các bước sau:

Bước 1: Chuẩn bị



- Chọn hình ảnh (con vật, cây, hoa, đồ vật...) có khả năng biểu đạt các giá trị của biểu tượng (tình bạn, sự đoàn kết, sự dũng cảm...).
- Chọn một câu ngắn hay một từ, ngữ làm sáng tỏ ý nghĩa của hình ảnh.
- Chọn màu sắc của biểu tượng.

Bước 2: Thực hiện

- Vẽ hay tìm kiếm một hình ảnh.
- Viết một câu ngắn hay một từ, ngữ.
- Thiết kế và trình bày biểu tượng (bố trí hình ảnh, các từ, ngữ hay câu đã chọn và hiệu ứng của hình ảnh, của màu sắc).

Bước 3: Giới thiệu và đánh giá

- Dán biểu tượng của nhóm lên tường của lớp học.
 - Giới thiệu với lớp biểu tượng của nhóm.
- Đánh giá bằng cách biểu quyết chọn biểu tượng đẹp nhất.

BILAN

1 Barre l'intrus dans chaque liste.

- a beau, noir, joli, magnifique
- b noir, bleu, vert, couleur
- c livre, collègue, crayon, stylo
- d table, chaise, banc, cantine
- e classe, grande, petite, belle

2 Pose des questions avec Est-ce que.

- a - ?
- Oui, je suis de Lyon.
- b - ?
- Oui, j'aime le chocolat.
- c - ?
- Oui, nous sommes à Paris.
- d - ?
- Oui, nous avons un grand tableau.

3 Écoute et coche la bonne réponse.

	VRAI	FAUX
a. Pierre a un vélo vietnamien.		
b. Paul a un vélo vietnamien.		
c. Le vélo de Paul est beau.		
d. Le vélo de Paul est rouge.		

4 Tu décris des objets de ta classe (le tableau, les tables, les chaises ou les bancs, l'estrade,...) comme dans l'exemple.

Exemple : *C'est le tableau. Il est noir. Il est grand.*

- À la fin de l'unité 4, tu seras capable de :
 - parler de ton emploi du temps
 - poser des questions (2) y répondre avec (Quand et Pourquoi)
 - demander et dire l'heure (1)

Et tu vas aussi :

- découvrir des activités extrascolaires préférées des adolescents français
- créer un emploi du temps idéal



Leçon 1 : QUAND EST-CE QUE TU AS COURS DE FRANÇAIS ?

1 Observe le dessin. À ton avis, que font les deux adolescentes ?



TRANG : Entre, Léa. Voici ma chambre.
LÉA : Oh ! Elle est magnifique ! (...) C'est ton emploi du temps ?
TRANG : Oui !
LÉA : C'est quoi, 2, 3, 4, 5, 6, 7 ? Ce sont les jours de la semaine ?
TRANG : Oui, 2, c'est lundi, c'est le deuxième jour de la semaine. 3, c'est mardi. Et 4, c'est mercredi ...
LÉA : Oh, c'est intéressant ! Quand est-ce que tu as cours de français ?
TRANG : Le lundi, le jeudi et le vendredi.

Compréhension

2 Cache le dialogue. Écoute et entoure la bonne réponse.

- a Les deux adolescentes sont dans la chambre *de Léa / de Trang*.
- b Elles parlent de *la famille / l'emploi du temps* de Trang.

3 Lis le dialogue et coche la bonne réponse.

- a Sur l'emploi du temps de Trang, les jours de la semaine sont écrits
 - seulement en chiffres.
 - seulement en lettres.
 - en chiffres et en lettres.
- b Léa trouve la façon de nommer les jours de la semaine en vietnamien
 - difficile.
 - intéressante.
 - ennuyeuse.
- c Trang a cours de français (3 réponses)
 - le lundi.
 - le mardi.
 - le mercredi.
 - le jeudi.
 - le vendredi.
 - le samedi.

Grammaire

4 Associe.

- 1 Quand est-ce que tu as cours de vietnamien ? **a** Le samedi. On va chanter, et en français !
- 2 Quand est-ce qu'on va à la piscine ? **b** Le mardi et le vendredi.
- 3 Quand est-ce qu'il y a cours de musique ? **c** Dimanche, d'accord ?

Lexique

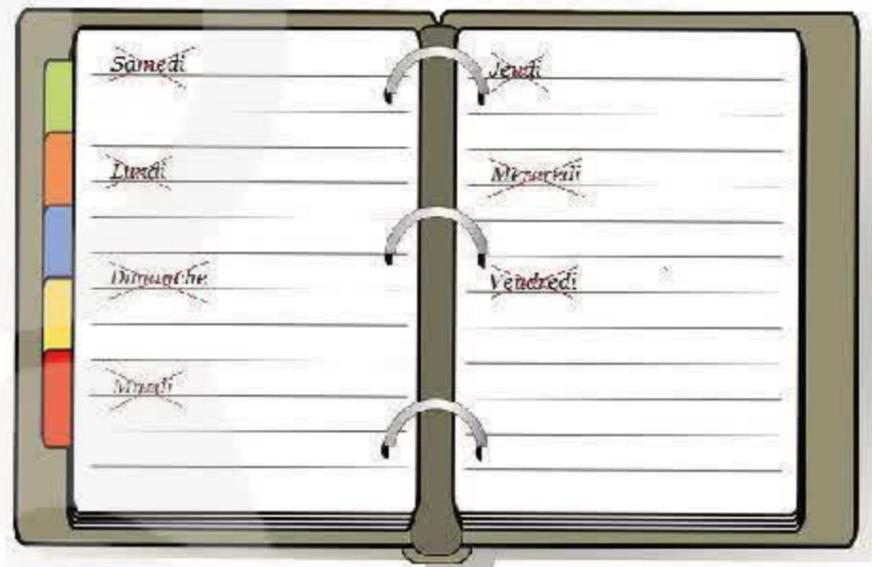
5 Complète le tableau avec les jours de la semaine en français.

MONDAY	TUESDAY	WENESDAY	THURSDAY	FRIDAY	SATURDAY	SUNDAY

Les jours de la semaine

Lundi
Mardi
Mercredi
Jeudi
Vendredi
Samedi
Dimanche

6 Observe ces pages d'agenda : les jours de la semaine sont en désordre ! Remets-les dans l'ordre.



7 Phonétique. Observe les mots. Écoute et répète.

musique semaine dimanche magnifique seize

Communication

8 Tu oublies ton emploi du temps ! Pose des questions à un ou une camarade de classe pour te renseigner.



Pour poser des questions avec Quand et répondre

- Quand est-ce que tu as français ?
- Le lundi, le jeudi et le vendredi.

Leçon 2 : QUELLE JOURNÉE !

1 Observe le document ci-dessous et coche.

Il s'agit

d'un mail.

d'une petite annonce.

d'un SMS.

Salut Anne !

Ça va ?

Moi, je suis toujours au Vietnam.

Le samedi, je suis à la bibliothèque du collège de 8 h à 11 h et Trang a cours d'histoire et de français.

À midi, on déjeune ensemble à la cantine du collège. L'après-midi, on fait des visites. Le soir, nous dînons en famille. Puis j'écoute de la musique et Trang regarde la télé. À 22 h, je vais au lit. Quelle journée !

Bisous,

Léa

De : léa.lambert@hotmail.com

À : anne.6av@gmail.com

Date : Samedi 12 mars

Objet : Une longue journée !

Compréhension

2 Lis le document et coche.

	VRAI	FAUX
a. Léa écrit ce message à Patrick.		
b. Léa raconte sa journée.		

3 Lis le dialogue et entoure la bonne réponse.

- a Léa est depuis un certain temps / vient d'arriver au Vietnam.
- b Le soir, après le dîner, Léa regarde la télé / écoute de la musique.
- c Léa va au lit avant / après 21 heures.
- d Pour Léa, la journée du samedi est longue / sympa.

Grammaire

4 Coche la bonne case.

	On = nous	On = les gens	On
a. Dans mon collège, on a cours le samedi.	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	On = nous On = les gens en général ⚠ Avec on , le verbe est toujours à la 3 ^e personne du singulier.
b. On organise une tombola pour l'école.	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	
c. Au Vietnam, on aime les spécialités françaises.	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	

Lexique

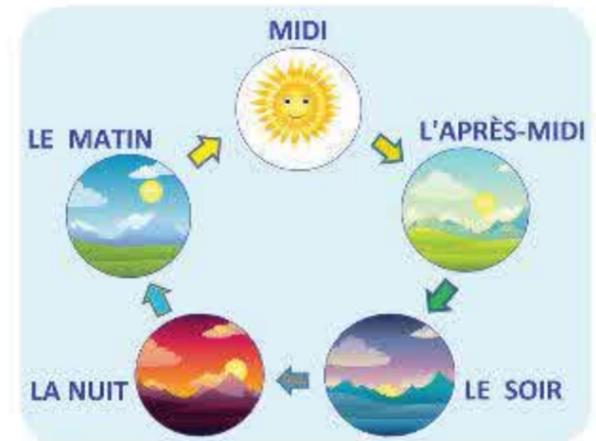
5 Relis le message de Léa et associe.

Activités

- a. Léa est à la bibliothèque.
- b. Trang regarde la télé.
- c. Elles font des visites.
- d. Elles déjeunent à la cantine.

Moments de la journée

- Le matin
- L'après-midi
- À midi
- Le soir



6 Phonétique. Écoute et répète.

- a J'ai cours.
- b Salut!
- c Super!
- d C'est court.
- e Bonjour.
- f Bien sûr!

Les sons [y] et [u]

- [y] : tu, sur
- [u] : tout, sous

Communication

7 Forum des ados ! Tu passes une journée spéciale, longue mais sympa. Comme Léa, écris un petit texte pour présenter l'emploi du temps de ta journée.

	Léa	<i>Aujourd'hui, le matin, on a 3 heures de cours. L'après-midi, pour le cours d'histoire, nous regardons un très beau film. Et le soir, j'ai une visite : c'est un acteur du film ! C'est une longue journée, mais c'est super !</i>
(Ton avatar)	(Ton prénom)

Leçon 3 : IL EST QUELLE HEURE ?

1 Observe le dessin et coche.

Léa et Trang sont

dans une salle de classe. à la cantine. chez Trang.

TRANG : Regarde, Léa.

LÉA : Qu'est-ce que c'est ?

TRANG : Une invitation de l'Institut français !

LÉA : Ah bon ! Qu'est-ce qu'il organise ?

TRANG : Les Francojeux. Il y a plein d'animations et un concours de dictée.

LÉA : C'est intéressant ! «Le dimanche vingt mars, de neuf heures à onze heures et demie ». Mais ... c'est ce matin ?

TRANG : Eh oui ! Tu veux participer ?

LÉA : Avec plaisir. Il est quelle heure ?

TRANG : Il est neuf heures moins le quart. Vite, vite !

LÉA : OK, chef !



Compréhension

2 Écoute et coche la bonne case.

	VRAI	FAUX
a. Trang et Léa regardent une carte d'invitation.	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
b. Elles parlent d'une fête du collège.	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>

3 Réécoute et coche la bonne réponse.

a Aux Francojeux, il y a

une grande tombola.

un concours de poésie.

un concours de dictée.

b Pour les Francojeux, Léa

veut participer.

refuse à participer.

hésite à participer.

Grammaire

4 Que disent-elles ? Relis le dialogue et coche.



Léa

- Il est quelle heure ?
 Tu as l'heure ?



Trang

- Il est
 neuf heures.
 neuf heures et quart.
 neuf heures moins le quart.

Lexique

5 Complète avec les verbes.

- a Je (déjeuner) à la cantine.
 b Les ados (rentrer) à 18 heures.
 c Le professeur (écouter) de la musique.
 d Nous (dîner) avec Minh.

Les verbes en -er

Regarder

Je regarde
 Tu regardes
 Il/Elle regarde
 Nous regardons
 Vous regardez
 Ils/Elles regardent
 ⚠ J'aime
 J'organise

6 Observe et complète avec les mots désignant l'activité extrascolaire correspondante.



- a. b. c. d.

Les activités extrascolaires

- faire du sport
- faire de la musique
- faire du camping
- participer à un
- concours de dictée

7 Phonétique. Écoute et répète.

(je), (j'ai), (j'aime)

[ʒə] [ʒɛ] [ʒem]

Je visite un collègue.
 Je regarde la télé.

J'ai cours le samedi.
 J'ai français ce matin.

J'aime le sport.
 J'aime les maths.

Communication

8 Il est quelle heure ? Pose la question à ton voisin ou à ta voisine. Il ou elle répond.



a



b



c



d

Pour demander et dire l'heure

Demander l'heure

- Il est quelle heure ?
- Tu as l'heure ?

Dire l'heure courante

- Il est sept heures.
- Il est sept heures ...
... dix.
... et quart.
... et demie.
... moins le quart.

⚠ Il est vingt heures.
 = Il est huit heures du soir.

- Il est midi.
- Il est minuit.

Leçon 4 : POURQUOI EST-CE QUE TU AIMES LE MERCREDI ?

1 Observe les images. Devine et coche.

Ces adolescents parlent

de leur collègue.

de leur famille.

de leur jour préféré.

Lana

J' aime le samedi.

Félix

J' aime le mercredi.

DIMANCHE
LUNDI
MARDI
MERCREDI
JEUDI
VENDREDI
SAMEDI

1
- Moi, mon jour préféré, c'est le mercredi.
- Pourquoi est-ce que tu aimes le mercredi ?
- Parce que le matin, il y a français, géographie et vietnamien. Et l'après-midi, on a maths et musique. J'adore tout ça.

2
- Tu préfères quel jour de la semaine ? Et pourquoi ?
- Je préfère le samedi, parce que c'est le week-end, on n'a pas cours. J'écoute de la musique et je fais du camping avec des amis. C'est super !

Compréhension

2 Cache les mini-dialogues. Écoute et associe à chaque adolescent le mini-dialogue correspondant.

	Lana	Félix
mini-dialogue	n°.....	n°.....

3 Réécoute et coche la bonne réponse.

a Félix aime le mercredi parce que

ce jour-là, il a ses cours préférés.

le mercredi est au milieu de la semaine.

b Parmi les matières préférées de Félix, il y a

la géographie.

la physique.

c Lana préfère le samedi parce que

le samedi, elle a cours de musique. ce jour-là, elle n'a pas cours.

Grammaire

4 Réécoute les mini-dialogues et complète.

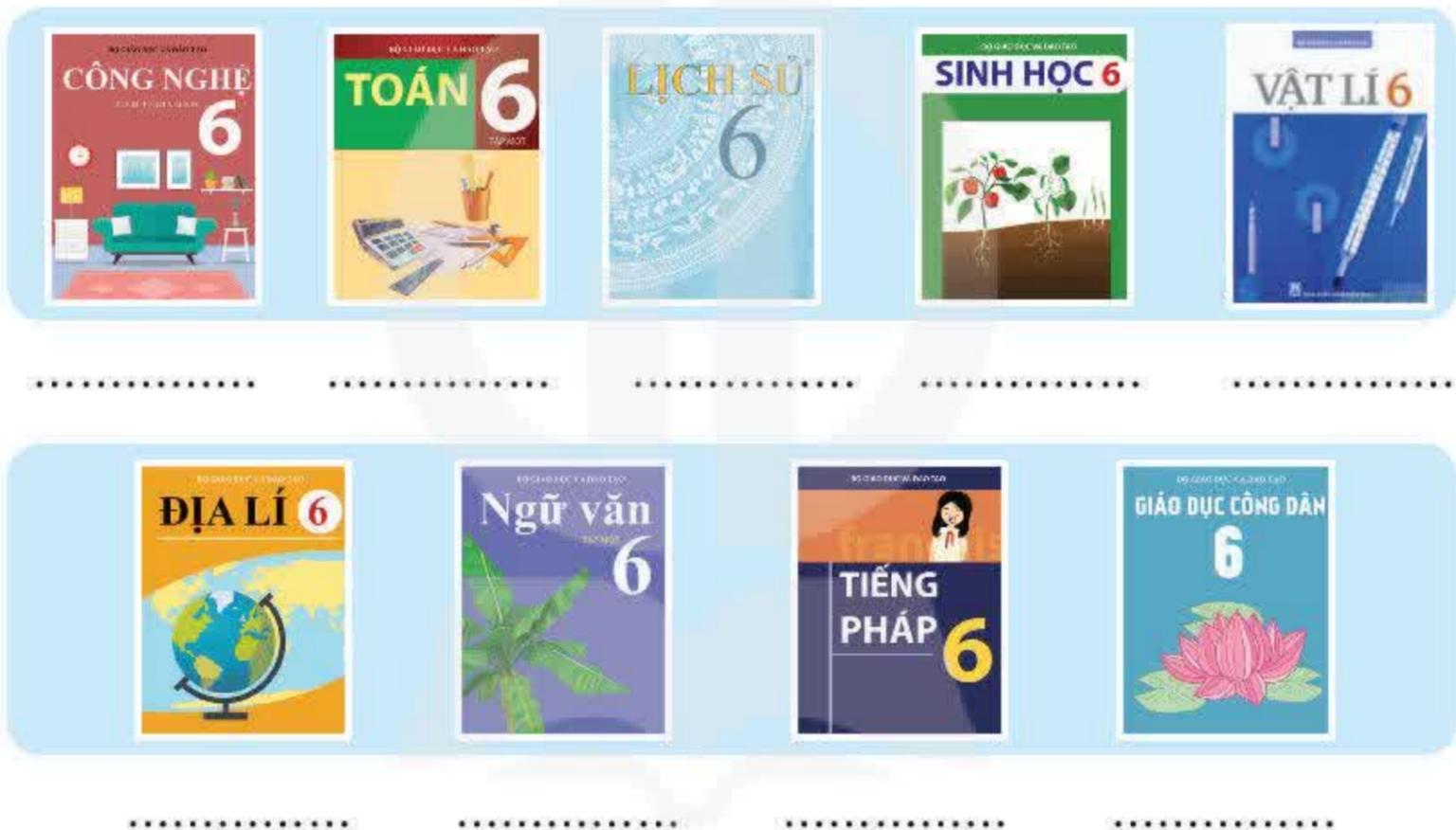
- a. tu aimes le mercredi ?
 b. Tu préfères quel jour de la semaine ? Et

Lexique

5 a Écoute et répète.

Les matières scolaires				
1. La biologie	3. Le français	5. L'histoire	7. La physique	9. Le vietnamien
2. L'éducation civique	4. La géographie	6. Les mathématiques	8. La technologie	

b Observe ces manuels de 6^e et écris les chiffres correspondant aux matières.



6 Phonétique. Écoute et répète.

70 soixante-dix	80 quatre-vingts	90 quatre-vingt-dix	100 cent
71 soixante et onze	81 quatre-vingt-un	91 quatre-vingt-onze	
72 soixante-douze	82 quatre-vingt-deux	92 quatre-vingt-douze	
.....	
79 soixante-dix-neuf	89 quatre-vingt-neuf	99 quatre-vingt-dix-neuf	

Communication

7 Un ami ou une amie préfère un jour de la semaine. Demande-lui pourquoi.

Pour poser des questions avec Pourquoi et répondre

- Pourquoi est-ce que tu aimes le jeudi ?
- Tu préfères le jeudi, pourquoi ?
- Parce que le jeudi, on a maths et moi, j'adore les maths.

CULTURE : LES ACTIVITÉS DES ADOS

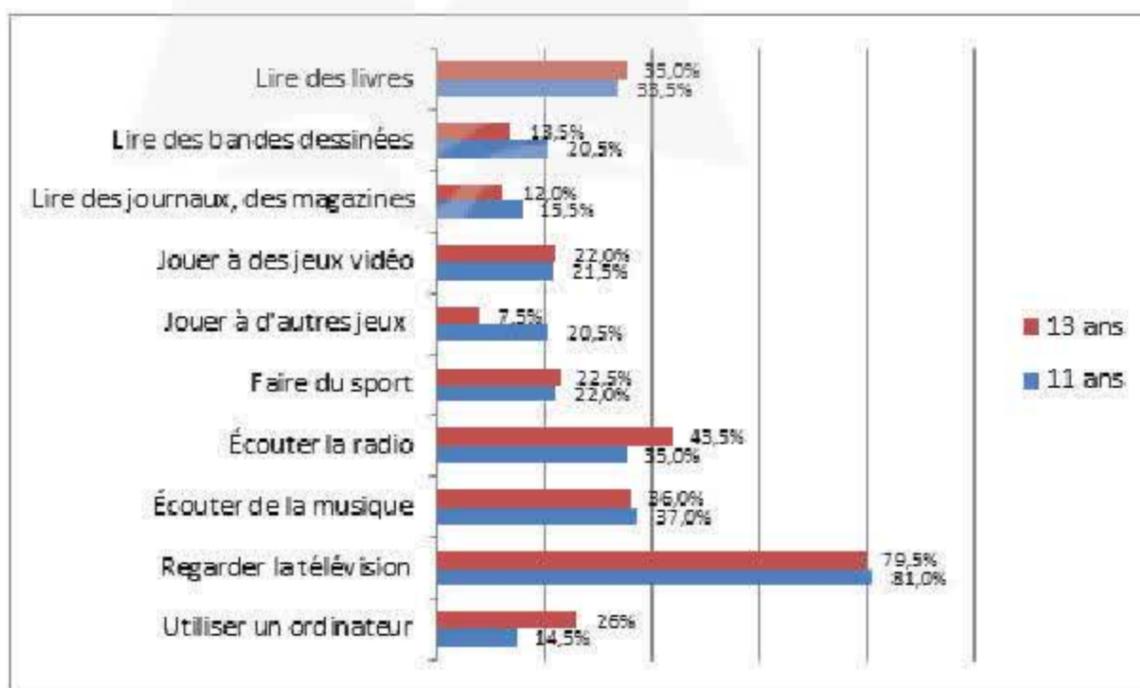
1 Observe et associe chaque phrase à une image.



faire du ski.
dessiner.
jouer au foot ball.
jouer au handball.
lire des BD.
écouter de la musique.
jouer au hockey.
jouer à des jeux vidéo.



2 Observe et classe les activités préférées des adolescents français.



Les activités préférées des 11 ans.

- 1.
- 2.
- 3.
- 4.
- 5.
- 6.

Les activités préférées des 13 ans.

- 1.
- 2.
- 3.
- 4.
- 5.
- 6.

3 Connais-tu ces sports ? Est-ce que tu aimerais les pratiquer ? Pourquoi ?



4 En petits groupes, faites un sondage auprès de vos camarades et notez les cinq activités préférées de la classe.

Les activités préférées de la classe

- 1.
- 2.
- 3.
- 4.
- 5.



ENTRAÎNEMENT

GRAMMAIRE

1 Remets dans l'ordre les éléments de chaque question.

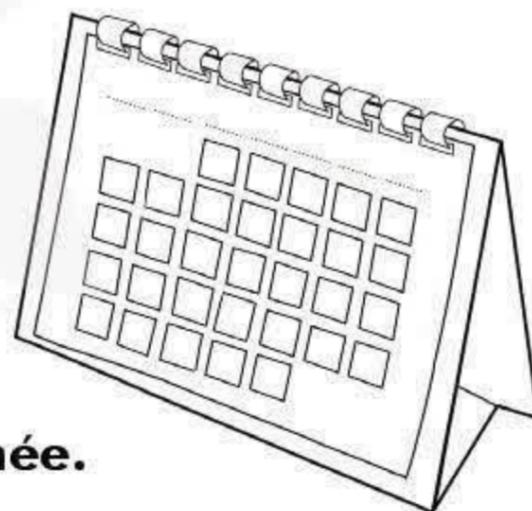
- a as / est-ce que / tu / français ? / Quand
- b est-ce que / sur / Pourquoi / Huy / l'estrade ? / monte
- c a / est-ce que / Trang / Quand / biologie ?
- d est-ce que / longues ? / les / Pourquoi / tables / sont

2 Mets les verbes en bonne forme.

- a Je (participer) à une grande tombola.
- b Les élèves (monter) sur l'estrade pour écrire au tableau.
- c Le soir, nous (dîner) en famille.
- d Vous (aimer) faire du sport ?

LEXIQUE

3 Remplis cette page de calendrier avec les jours de la semaine et les jours du mois courant.



4 Complète avec les moments de la journée.

- Tu as cours aujourd'hui ?
- Oui, et C'est une longue journée !
- Et tu déjeunes à 12 heures ?
- Non, à 11 heures, pas à
- Qu'est-ce que tu fais après 18 heures ?
- Oh !, j'écoute de la musique et je regarde la télé.



5 Écris les heures en toutes lettres.

- | | |
|----------|----------|
| a. 09:05 | c. 10:30 |
| b. 06:45 | d. 03:15 |

6 Écoute les numéros de téléphone et complète.

Sophie : 06 45 18 22

Camille : 01 54 28 62

Paul : 04 35 38 52

PHONÉTIQUE

7 Observe et lis les phrases. Puis écoute pour vérifier.

- a Elle s'appelle Monique.
- b C'est le deuxième jour de la semaine.
- c Tu écoutes de la musique ?
- d J'aime bien tout ça. C'est super !

COMMUNICATION

8 Lis et associe les questions et les réponses.

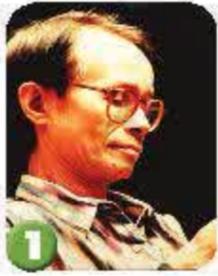
- | | |
|---|--------------------------------------|
| 1 Quand est-ce qu'on a cours de biologie ? | a Dimanche après-midi. |
| 2 Pourquoi est-ce que Lan adore le vendredi ? | b Le mercredi. |
| 3 Pourquoi est-ce que tu aimes les Français ? | c Parce qu'ils sont sympas. |
| 4 Quand est-ce qu'on visite la ville ? | d Parce qu'elle a cours de français. |

9 Avec ton voisin ou ta voisine, écris en français l'emploi du temps de ta classe. Puis chacun pose un  à son jour préféré.

Lundi	Mardi	Mercredi	Jeudi	Vendredi	Samedi
.....
.....
.....
.....
.....
.....

MON COURS DE MUSIQUE

1 Observe et lis les textes. Associe-les aux artistes ?



a. C'est un Américain. Son activité principale : chanteur, danseur, compositeur, producteur, acteur, chorégraphe. Son style musical : disco, funk, hip hop, pop, new jack swing, rock, hard rock.



b. C'est une Canadienne. Son activité principale : chanteuse. Son style musical : variété française, pop, pop rock, country pop, soft rock.



c. C'est un Vietnamien. Son activité principale : compositeur de chanson, artiste-peintre. Son genre musical : musique pour enfants.



d. C'est un Canadien d'origine vietnamienne. Son activité principale : pianiste, compositeur, professeur de piano. Son genre musical : musique classique.

2 Observe et écoute : quels instruments entends-tu ? Complète.



a. un piano

c. une flûte

b. une guitare

d. un tambour

	le piano	le tambour	la flûte	la guitare
Extrait 1				
Extrait 2				
Extrait 3				
Extrait 4				

3 Quel artiste préfères-tu ? Dis pourquoi.

PROJET : CRÉER UN EMPLOI DU TEMPS IDÉAL É

Các em làm việc nhóm và thực hiện theo các bước sau:

Bước 1: Chuẩn bị

- Mỗi nhóm chuẩn bị 1 tờ giấy vẽ, băng dính, hồ dán, giấy màu, bút vẽ và màu vẽ.



- Từng nhóm trao đổi về tiêu chí một thời khoá biểu lý tưởng (ví dụ, thời khoá biểu có phù hợp với đại đa số học sinh không; thời gian học trên lớp tối đa một ngày là bao nhiêu; thời gian nghỉ ăn trưa là bao nhiêu.)

Bước 2: Thực hiện

- Vẽ một chiếc bảng hoặc chọn một thời khoá biểu trống chưa viết gì trên mạng.
- Viết vào bảng những ngày của tuần, các giờ của ngày và các môn học.

- Chọn màu sắc của các môn học để làm cho thời khoá biểu đẹp hơn và độc đáo hơn.

Bước 3: Giới thiệu và đánh giá

- Giới thiệu với lớp thời khoá biểu do nhóm xây dựng và dán hoặc treo lên tường lớp học.
- Đánh giá bằng cách biểu quyết chọn ba thời khoá biểu độc đáo nhất, lý tưởng nhất.

BILAN

1 Barre l'intrus dans chaque liste.

- heure, minute, jour, quand
- mardi, semaine, jeudi, vendredi
- matin, soir, lundi, après-midi
- samedi, après-midi, lundi, mercredi

2 Complète avec quand ou pourquoi.

- - est-ce que tu as cours de maths ?
- Le lundi, le mercredi et le vendredi.
- - est-ce que vous aimez le français ?
- Parce que j'aime la France.
- - est-ce que vous visitez cette ville ?
- Mardi.
- - est-ce que vous visitez Paris ?
- Parce que c'est une très belle ville.
- - Tu rentres ?
- À 11 heures.

3 Écoute et coche la bonne réponse.

	VRAI	FAUX
a. Ce matin, Nicolas a une heure de maths.		
b. Ce matin, Sophie a une heure de maths.		
c. Ce matin, Sophie a deux heures de français.		
d. Nicolas et Sophie sont de la même classe.		

2 Présente oralement une journée de ton emploi du temps.

En famille

- À la fin de l'unité 5, tu seras capable de :
- présenter et parler de ta famille
 - décrire une personne physiquement
 - parler d'un animal domestique
 - demander et dire la date
- Et tu vas aussi :
- découvrir des fêtes familiales en France et dans d'autres pays francophones
 - réaliser un calendrier des fêtes



Leçon 1 : UNE PHOTO DE FAMILLE

1 Observe le dessin. À ton avis, où sont Nicolas et Minh? Et que font-ils là ?

NICOLAS : Oh ! Elle est vieille, cette photo.

MINH : Oui. Elle a dix ans. C'est en février 2009, à l'occasion de l'anniversaire de mon père.

NICOLAS : Là, c'est ton frère ?

MINH : Non, ce n'est pas mon frère. C'est moi. J'ai deux ans sur la photo.

NICOLAS : Et là, ce sont tes parents et ta sœur ?

MINH : Oui, nous sommes quatre dans la famille.

NICOLAS : Eh ! Ton père est beau, et ta mère, elle est élégante. Toi et ta sœur, vous êtes très mignons.



Compréhension

2 Cache le dialogue. Écoute et coche.

a Minh parle de

son anniversaire.

ses quatre amis.

sa famille.

b C'est une famille de

dix personnes.

quatre personnes.

deux personnes.

3 Lis le dialogue et coche.

	VRAI	FAUX
a. Minh n'est pas sur la photo de famille.		
b. Minh n'a pas de frère.		
c. Pour Nicolas, la sœur de Minh est mignonne.		

Grammaire

4 Souligne la bonne réponse.

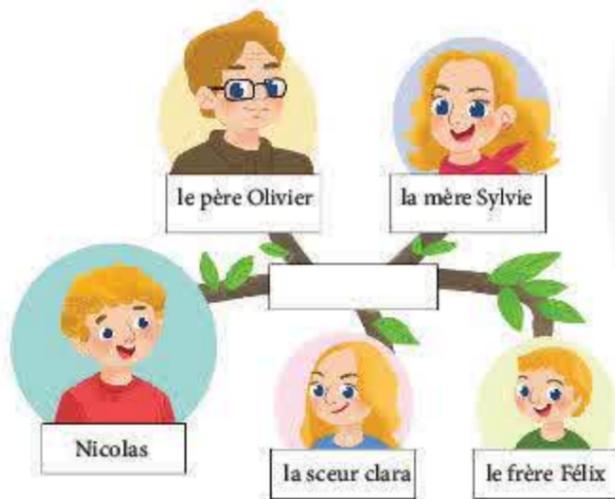
- a** - Tu vas au collège le samedi ?
- Non, je *ne vais pas* / *vais* à l'école le week-end.
- b** - Vous aimez les maths ?
- Non, nous *aimons* / *n'aimons pas* les maths.
- c** - Tes parents regardent le sport à la télé ?
- Oui, ils *ne regardent pas* / *regardent* le sport le dimanche.

La négation avec ne ... pas

- Tu es la sœur de Camille ?
- Non, je *ne suis pas* sa sœur, mais sa fille.
- Bruno, c'est ton frère ?
- Non, ce *n'est pas* mon frère. C'est mon cousin.

Lexique

5 Regarde l'arbre généalogique de la famille de Nicolas. Complète les phrases.



- a** Nicolas est le de Clara et Félix.
- b** Nicolas et Félix ont une
Elle s'appelle Clara.
- c** Les de Nicolas s'appellent Olivier et Sylvie.
- d** Olivier et Sylvie ont trois :
une et deux

La famille

les parents
le père / la mère
les enfants
le fils / la fille
le garçon / la fille
le frère / la sœur

6 Phonétique. Écoute et répète.

Les consonnes en fin de mots

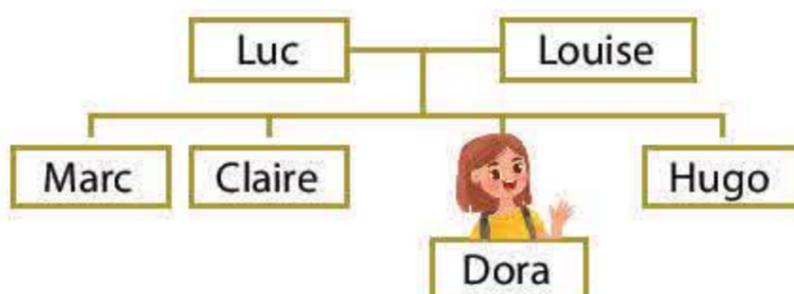
un enfant̄ les parent̄s petit̄ grand̄

Nicolās et Léa sont̄ français̄.

Ils ont̄ des amīs vietnamiens̄.

Communication

7 Voici l'arbre généalogique de Dora. Dessine ton arbre et présente-le à ton voisin ou ta voisine.



Pour parler de la famille

Vous êtes combien dans la famille ?

• *Nous sommes cinq* : mon père, ma mère, mon frère, ma sœur et moi.

• *Il y a cinq personnes dans ma famille.*

Grammaire

4 Transforme comme dans l'exemple.

Exemple : *Maxime a un sac à dos rouge.*

→ *Son sac à dos est rouge.*

- a Tu as une table jaune.
- b J'ai un bureau vert.
- c Marc a des tablettes noires.
- d Clara a des stylos bleus.

Les adjectifs possessifs				
	singulier		pluriel	
	masculin	féminin	masculin	féminin
(je)	mon sac	ma carte	mes sacs	mes cartes
(tu)	ton sac	ta carte	tes sacs	tes cartes
(il/elle)	son sac	sa carte	ses sacs	ses cartes

Lexique

5 Qui est-ce ? Entoure la bonne réponse.



Inès



Emma

Théo



Lucas



La description physique d'une personne

- Elle est mince.
- Il est rond.
- Ils sont âgés.
- Je suis de taille moyenne.
- Mon père fait 1 mètre 70.
- Ma mère a les cheveux longs.
- Son frère a les yeux noirs.

- a Il fait 1 mètre 70, il est grand et il a les cheveux courts et blancs. Il n'est pas jeune. C'est *Lucas / Théo*.
- b Elle est de taille moyenne, elle est mince et elle a les cheveux longs et bruns. C'est *Emma / Inès*.

6 Phonétique. Écoute et répète.

- a Manon a les cheveux longs.
- b Simonne est mignonne.
- c Léonne et Léon font du sport.

Les sons [ʒ] et [ɔ]

[ʒ] : Yvon, mignon

[ɔ] : Yvonne, mignonne

Communication

- 7 Ta classe organise le Jeu des portraits. Chaque élève est invité à se décrire. Fais ton portrait en 20 mots.



Leçon 3 : MON ANIMAL DE COMPAGNIE

1 Observe le dessin. Quel est l'animal que les deux garçons regardent?

NICOLAS : Ah ! Un mail de mes parents ... Regarde, Minh, il y a une photo de mon furet.

MINH : Ton furet ?

NICOLAS : Oui, c'est mon animal de compagnie.

MINH : Wouah, il est super mignon. Comment il s'appelle ?

NICOLAS : Filou. Et toi, tu as aussi un animal de compagnie ?

MINH : Oui, j'ai un chien. Il s'appelle Lucky.

NICOLAS : Qu'est-ce que vous faites ensemble ?

MINH : On se promène et on s'amuse beaucoup.



Compréhension

2 Cache le dialogue. Écoute et coche.

a Les deux garçons parlent

de famille.

d'études.

d'animaux.

b L'animal qu'ils regardent sur l'écran est

un loup.

un furet.

un lapin.

3 Réécoute le dialogue : vrai ou faux ? Coche.

	VRAI	FAUX
a. L'animal de compagnie de Nicolas s'appelle Filou.		
b. L'animal de compagnie de Minh est un chat.		
c. Minh et son animal de compagnie jouent beaucoup ensemble.		

Grammaire

4 Relie avec des flèches.

On	s'	habillons
Elles	m'	habilte
Nous	nous	promèment
Tu	te	promenez
Vous	vous	habiltes
Je	t'	promènes

Le verbe pronominal

se laver

Je **me** lave
 Tu **te** laves
 Il/Elle/On **se** lave
 Nous **nous** lavons
 Vous **vous** lavez
 Ils/Elles **se** lavent

Je **m'**amuse - Je **m'**habilte
 tu **t'**amuses - tu **t'**habiltes
 Il **s'**amuse. - Il **s'**habilte

5 Entoure la bonne réponse.



- a Je **se / me** maquille tous les jours. b Paul et moi, nous **nous / m'**amusons bien. c Toi et ton chien, vous **vous / nous** promenez. d Hervé, tu **te / se** douches vite.

Lexique

Les animaux de compagnie

- 6 Écoute et relève les trois animaux de compagnie cités.

-
-
-



le hamster



le perroquet



le chat



le furet



le chien



la tortue



le lapin



le poisson rouge

- 7 Phonétique. Écoute les phrases. Découpe-les en groupes rythmiques puis répète.

- a Il se promène avec son chien.
 b Luc s'amuse beaucoup avec son furet.
 c Il aime les chiens, les chats et les lapins.

Le groupe rythmique

J'ai un lapin blanc./
 Nicolas / a un beau furet./
 Clara / a un chien / et un chat./

Communication

- 8 Ton ou ta camarade te pose des questions sur ton animal de compagnie. Tu le lui décris. Dis ce que tu fais avec l'animal. À deux, jouez la scène.

Leçon 4 : QUEL JOUR SOMMES-NOUS, AUJOURD'HUI ?

1 Observe le document ci-dessous. C'est

- in affiche publicitaire une carte postale un carton d'invitation



- LÉA :** Allô, maman.
Mme LAMBERT : Oh ! Léa. Ça va au Vietnam ?
LÉA : Oui, oui. Maman, le mariage de Bruno, c'est bien le 29 avril ?
Mme LAMBERT : Oui. Ils se marient à la mairie ce jour-là. Quel jour sommes-nous, aujourd'hui ?
LÉA : Le 22 avril. C'est la semaine prochaine alors.
Mme LAMBERT : Exactement. Mais le repas de noces, c'est en mai, le 2 mai.
LÉA : Maman, je suis contente pour Bruno. Il se marie enfin.

Compréhension

2 Écoute le dialogue et coche.

- a** Léa téléphone à
 sa mère. Bruno. Marie.
- b** Les deux personnes parlent d'un événement
 passé. présent. futur.

3 Réécoute et coche : vrai ou faux ?

	VRAI	FAUX
a. Léa téléphone le 22 avril.		
b. Le mariage à la mairie a lieu le 29 avril.		
c. Le repas de noces a lieu une semaine après le mariage à la mairie.		

Lexique

Janvier - Février - Mars - Avril - Mai - Juin - Juillet - Août - Septembre - Octobre - Novembre - Décembre

4 Écoute et répète.

5 Observe les mois en anglais et écris leurs équivalents en français.

Mois en anglais

- March
- May
- June
- August
- October
- December

Mois en français

-
-
-
-
-
-

6 Monsieur Dupré parle de ses enfants. Observe et associe.



Léo
Né: 11/12/2007



Alice
Né: 30/03/2012



Théo
Né: 11/06/2005



Alex
Né: 29/08/2010

- a Mon premier enfant est né en juin, le 11 exactement.
- b Mon deuxième enfant est né au mois de décembre.
- c Ma fille est née en mars.
- d Mes enfants vont à l'anniversaire de leur cousin en août.

Communication

7 Associe questions et réponses.

- a Quelle est la date de la Fête de la Musique ?
 - b Quel jour sommes-nous aujourd'hui ?
 - c Aujourd'hui, on est le combien ?
 - d C'est quand, le Festival de Hué ?
- 1 Nous sommes le 22 octobre.
 - 2 C'est le 21 juin. On va bien s'amuser.
 - 3 On est samedi. Non, non, c'est vendredi.
 - 4 C'est au mois d'avril. Tu viens à Hué avec moi ?

Pour demander et dire une date

- **Quel jour** sommes-nous ?
 - **On est le combien**, aujourd'hui ?
 - **Quelle est la date** de ton mariage ?
 - **C'est quand**, ton anniversaire ?
- Nous sommes **lundi**.
On **est le lundi 9 mai**.
C'est **en février**.
C'est **au mois de février**.

8 Toi et ton ou ta camarade, vous regardez le calendrier. Tu lui poses des questions sur des dates de vacances ou de fêtes pour les écoles. Il ou Elle te répond. À deux, jouez la scène.

CULTURE : LES FÊTES FAMILIALES EN FRANCE ET AILLEURS

1 Connais-tu des fêtes familiales en France et dans d'autres pays francophones ? Si oui, lesquelles?

.....

.....

.....

2 Associe chaque texte à un dessin.

1 Les adultes et les enfants soufflent des bougies sur un gâteau.

2 Les enfants offrent un cadeau (un petit mot, un bouquet de fleurs, etc) à leur mère.

3 Un couple s'échange des alliances (des bagues), symboles de leur amour.

4 Les enfants cherchent des œufs en chocolat dans les jardins et les parcs.

5 Le Père Noël apporte des cadeaux aux enfants sous le sapin.

6 Les enfants offrent un cadeau (une carte, etc.) à leur père.



3 Complète les noms de fêtes.

Photo b – En avril, il y a _ Â _ U _ S.

Photo a – En mai, il y a la F _ T _ D _ _ M _ R _ _

Photo e – En juin, il y a la F _ T _ D _ _ P _ R _ _

Photo f – En décembre, il y a N _ _ _

4 Lis les textes sur des fêtes familiales dans certains pays francophones. Coche la bonne réponse.



Au Québec, Halloween est une vraie fête ! On vide une citrouille et on la décore. Les enfants se déguisent et vont de maison en maison pour demander des bonbons.

Au Maroc, l'Achoura, c'est la fête de la famille et de l'enfance ! Ce jour-là, les enfants reçoivent des jouets. Ils portent des vêtements traditionnels, ils dansent et ils s'amuse. On mange des dattes et des petits gâteaux secs.



Au Cambodge, le Nouvel An Khmer est la plus grande fête traditionnelle. Elle dure pendant trois jours. On offre des cadeaux à ses parents et à ses grands-parents et on fait jaillir de l'eau sur les gens !

	VRAI	FAUX
a. On fête Halloween au Maroc.		
b. La fête d'Achoura est la fête de la famille et de l'enfance.		
c. Pendant le Nouvel An khmer, on offre des cadeaux aux enfants.		
d. Le Nouvel An khmer dure six jours.		
e. Pendant la fête d'Achoura, on mange des fruits et des gâteaux secs.		
f. Pendant la fête d'Halloween, les enfants vont dans les maisons pour avoir des bonbons.		

5 Quelles sont les fêtes familiales les plus importantes au Vietnam ? Laquelle préfères-tu ? Pourquoi ?

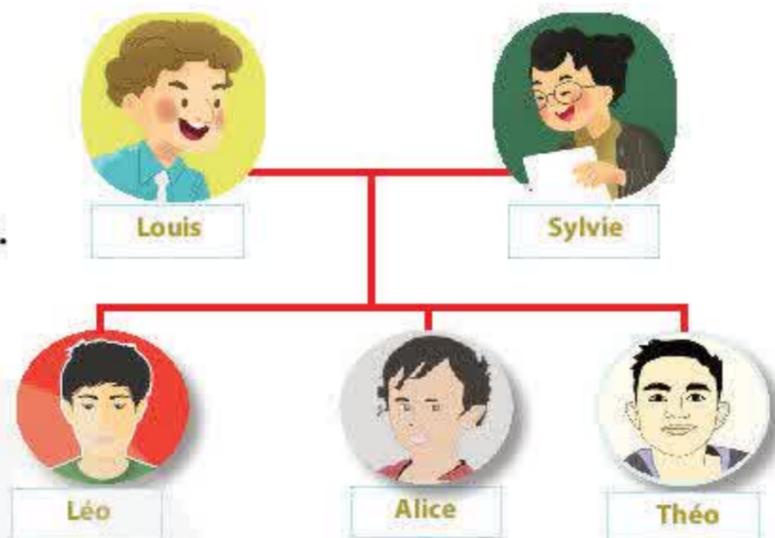
ENTRAÎNEMENT

GRAMMAIRE

1 Regarde l'arbre généalogique de la famille de Léo. Complète les phrases comme dans l'exemple en utilisant des adjectifs possessifs.

Exemple : **Son père** s'appelle Louis.

- a s'appelle Sylvie.
- b s'appellent Louis et Sylvie.
- c, c'est Théo.
- d, c'est Alice.



2 Réponds par **NON**.

- a Est-ce que Maxime est canadien ?
- b Est-ce que Léa est la fille de M. Legrand ?
- c Est-ce que le collège est grand ?
- d Est-ce que le cousin de Trang s'appelle Long ?

- Non,
- Non,
- Non,
- Non,

3 Complète les phrases.

- a Je m'appelle Trang. Et toi, tu (s'appeler) comment ?
- c Nous sommes aux Francojeux. Nous (s'amuser) beaucoup !
- e Laura et Clara, elles (ne pas se maquiller) : elles ont 13 ans.
- d Mon père et ma sœur (se promener) dans le parc.

LEXIQUE

4 Sur le calendrier, certains mois sont effacés. Complète.



5 Écoute et complète les dates des fêtes.

Le **NOUVEL AN**
le

Halloween
le

La Fête de la mi-automne
le

PHONÉTIQUE

6 Écoute et répète.

- a Yvon est mignon, et Yvonne est mignonne.
- b Un garçon avec des cheveux longs, c'est étonnant.
- c Mon frère prend un bon café et une bonne pizza.

7 Lis les phrases. Puis écoute pour vérifier les groupe rythmiques.

- a Manon est grande, mince et élégante.
- b Je me lève à 6 heures, je m'habille et je prends mon petit déjeuner.
- c Nous sommes quatre dans la famille : mon père, ma mère, mon frère et moi.

COMMUNICATION

8 Observe les images et décris comme dans l'exemple.

Exemple : *Elle est grande, mince et élégante, elle a les cheveux bruns.*

- a
- b
- c



9 Remets les répliques du dialogue dans l'ordre.

- A - Deux billets pour Dalat, s'il vous plaît.
- D - C'est pour quand, monsieur ?
- F - Aujourd'hui on est le jeudi 26. Pour le samedi 28 décembre, s'il vous plaît. Nous allons au Festival des fleurs.
- B - Le Festival des fleurs ? Mais c'est fini !
- C - Ah bon ? Quelle est la date du Festival, alors ?
- G - C'est du 20 au 24 décembre, monsieur.
- E - Oh ! Eh bien ! Excusez-moi, madame. Dalat, c'est pour l'année prochaine.

A	D	F	B	C	G	E
1						

MON COURS D'INSTRUCTION CIVIQUE

1 C'est quoi pour toi le respect ? C'est pour moi ...



2 Observe et associe les images aux phrases.



a



b

- a Je respecte tout le monde.
- b Je ne dessine pas sur le mur.
- c J'ai un ticket de bus.
- d Je ne jette pas les ordures par terre.



c



d

3 Observe et trouve les images qui illustrent



1



2

- a le respect de l'environnement
- b le respect du code de la rue
- c le respect des règles en classe
- d le respect des différences



3



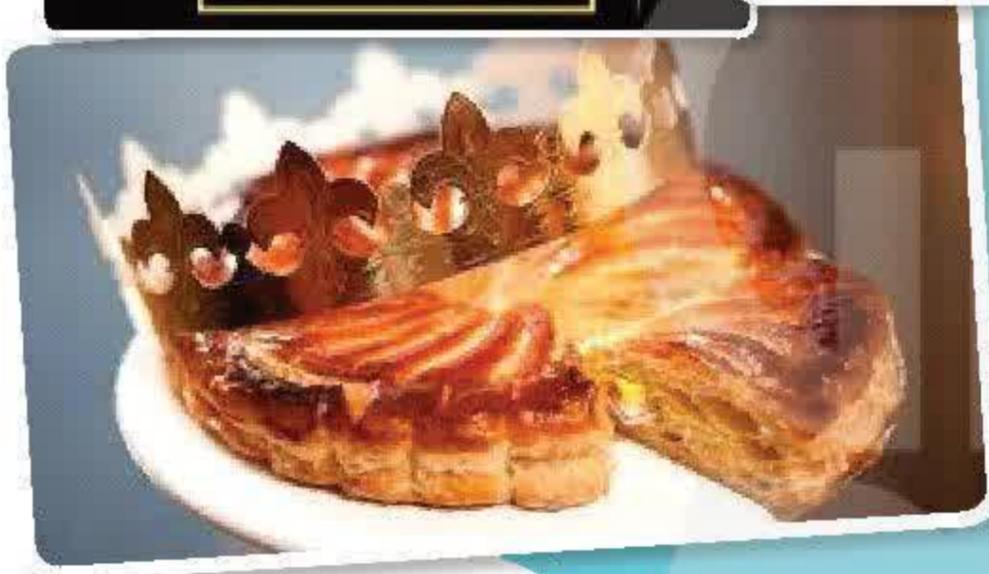
4

4 En groupe, faites la liste des dix règles à respecter dans la classe.

PROJET : RÉALISER LE CALENDRIER DES FÊTES

Các em làm việc nhóm và thực hiện theo các bước sau:

Jours de fête en France



Bước 1: Chuẩn bị

- Chọn năm ngày lễ lớn ở Việt Nam.
- Tìm hiểu các hoạt động diễn ra trong các ngày lễ này.

Bước 2: Thực hiện

- Viết tên ngày lễ và các ngày, tháng, tương ứng.
- Mô tả một số hoạt động chính diễn ra trong các ngày lễ này (khoảng 10 từ mỗi ngày lễ).
- Minh họa lịch các ngày lễ đã chọn này bằng tranh hay ảnh.

Bước 3: Giới thiệu và đánh giá

- Từng nhóm giới thiệu với lớp lịch các ngày lễ do nhóm thực hiện.
- Đánh giá bằng cách biểu quyết chọn ba lịch các ngày lễ ấn tượng nhất.
- Đăng tải lịch các ngày lễ của nhóm trên trang Web của lớp.

BILAN

1 Comment dit-on ces mots en français ?

- February :
- May :
- July :
- September :
- November :

2 Entoure la bonne solution.

- a. Mon / Ma / Mes vélo est rouge, mon / ma / mes table est rouge, mon / ma / mes livres sont rouges.
- b. Dans ton / ta / tes classe, les chaises sont vertes, mais ton / ta / tes chaise est bleue, pourquoi ?
- c. Minh regarde son / sa / ses vélo : il est vieux et moche. Il aime le vélo de son / sa / ses frère.
- d. Qui est ton / ta / tes amie ? Mon / Ma / Mes amie ? C'est Marie.

3 Écoute le document et coche la bonne réponse.

	VRAI	FAUX
a. Lan a 6 ans.		
b. Elle est grande.		
c. Ses yeux sont grands.		
d. Ses cheveux sont longs.		

4 Présente oralement un ami ou une amie de ta classe.

- À la fin de l'unité 6, tu seras capable de :
 - parler des lieux de ta ville
 - parler de tes déplacements et des autres
 - poser des questions avec (où et comment)
- Et tu vas aussi :
 - découvrir des moyens de transport en France
 - réaliser un programme de visite



Leçon 1 : LE JEU DE PISTE

1 Observe le dessin. Les élèves se trouvent où ? À ton avis, ils discutent de quoi ?

NAM : Léa, Lan, Maxime, Huy. Tout le monde est là.

LÉA : Oui, nous sommes prêts pour le jeu de piste.

NAM : Voici les questions pour notre équipe.
Question numéro un : Vous aimez nager.
Où est-ce que vous allez : à la gare, à la piscine ou au marché ?

LÉA : À la piscine, bien sûr !

NAM : Question numéro deux : Combien coûte le ticket d'entrée pour ce lieu ?

MAXIME : Pour avoir la réponse, on va d'abord à la piscine. C'est où ?

LAN : C'est près de chez moi, pas loin d'ici.



Compréhension

2 Cache le dialogue. Écoute et coche.

	VRAI	FAUX
a. Les élèves discutent d'un cours.		
b. Ils doivent répondre à des questions.		

3 Lis le dialogue et coche.

a La question numéro un concerne

le nom d'un lieu.

le prix d'un ticket d'entrée.

la couleur d'un objet.

b Nam et ses amis vont d'abord

à la gare.

à la piscine.

au marché.

c Ce lieu est

près de chez Lan.

loin de chez Lan.

loin du collège.

Grammaire

4 Complète.

- a Vous allez piscine ou marché ?
 b La piscine, c'est près de moi.
 c Maxime va toilettes

Les prépositions de lieu

à ...	chez ...
à la gare	chez moi
à l'école	chez Paul
au marché	chez ses parents
aux toilettes	chez le boulanger
à la boulangerie	

Lexique

5 Relève du dialogue trois lieux de la ville.

.....

Les lieux de la ville

un collège – une gare – un marché
 – une piscine – une poste – un zoo
 – un restaurant – un cinéma

6 Complète en français.



a swimming pool
 une piscine



a zoo



a restaurant



a post office



a market



a train station

7 Phonétique. Écoute et répète. Que remarques-tu ?

[s]	cent	cinéma	ça	poste	classe
[z]	zéro	zoo	gymnase	musée	Les élèves
Ils sont. [s] / Ils ont. [z]					

Communication

8 Ton ou ta correspondant(e) français(e) vient visiter le Vietnam. Tu lui présentes ta ville. Il ou elle te parle aussi de sa ville. Joue la scène.

Le zoo est près de chez moi, ...



Dans ma ville, il y a une gare, deux piscines, des marchés, ...

Leçon 2 : VOUS ALLEZ OÙ ?

1 Observe les documents. À ton avis, qu'est-ce que c'est ?

Étape 1

- Vous aimez nager.
Où est-ce que vous allez ?
 À la gare.
 À la piscine.
 Au marché.
- Combien coûte le ticket d'entrée pour ce lieu ?
 20 000 VND.
 30 000 VND.

Étape 2

- Vous aimez regarder des girafes.
Vous allez où ?
 Au collège.
 À la piscine.
 Au zoo.
- Ce lieu ouvre ses portes :
 à 7 h 30.
 à 8 h.

Étape 3

- Où est-ce que vous pouvez trouver des horaires de train ?
 Au cinéma.
 À la gare.
 Au restaurant.
- Dans ce lieu, les guichets sont :
 en bleu.
 en vert.

Étape 4

- Vous voulez envoyer une lettre.
Vous allez où ?
 Au marché.
 À la poste.
 Au restaurant.
- Dans ce lieu, il y a :
 trois guichets.
 quatre guichets.

Compréhension

2 Lis les documents et entoure la bonne option.

- Ce jeu de piste a *deux étapes / quatre étapes*.
- À chaque étape, les élèves doivent aller dans *un lieu / trois lieux*.

3 Où est-ce que les élèves doivent aller ? Quelles informations est-ce qu'ils doivent chercher ? Relie.

- | | | |
|-----------|-----------------|-------------------------------|
| • Étape 1 | a. À la gare | 1. La couleur des guichets |
| • Étape 2 | b. À la piscine | 2. Le nombre des guichets |
| • Étape 3 | c. Au zoo | 3. Le prix du ticket d'entrée |
| • Étape 4 | d. À la poste | 4. L'heure d'ouverture |

Grammaire

4 Retrouve dans les documents les questions équivalentes.

- a Vous aimez nager. Vous allez où ?
- b Vous pouvez trouver des horaires de train où ?
- c Vous aimez regarder des girafes. Où est-ce que vous allez ?

Où
- Tu vas où ?
- Où est-ce que tu vas ?

Lexique

5 Souligne la bonne forme.

- a Tu *vais* / *vas* au restaurant ?
- b On *va* / *vas* chez Léa ?
- c Nous *allons* / *allez* à la poste.
- d Les ados *va* / *vont* au collège.

Aller	
Je vais	Nous allons
Tu vas	Vous allez
Il/Elle/On va	Ils/Elles vont

6 Phonétique.

a Écoute et répète.

[s]	français	salut	intéressant	ici	soixante
[ʃ]	marché	chambre	chiffre	cheveux	guichet

b Écoute. Tu entends [s] ou [ʃ] ? Coche.

	1	2	3	4	5	6
[s]						
[ʃ]						

Communication

7 Ta classe organise un jeu de piste. Avec ton voisin ou ta voisine, rédige deux questions du jeu avec où.

Leçon 3 : TU VAS À L'ÉCOLE COMMENT ?

1 Observe le dessin. D'après toi, pourquoi les élèves sont-ils dans la rue ? De quoi parlent-ils ?

LÉA : Oh, il y a beaucoup de scooters !

NAM : Oui. Ici, on va au travail, au marché, ... à scooter.

LÉA : Et toi, tu vas à l'école comment ?
À vélo ou à scooter ?

NAM : Moi ? À vélo ou à pied.

MAXIME : Regardez ce grand vélo !

LAN : Non, ce n'est pas un vélo.
C'est un cyclo.

LÉA : Ah oui, un cyclo ! Il a trois roues,
c'est spécial ! Vous allez à l'école
en cyclo aussi ?

NAM : Non, c'est surtout pour les
touristes.



Compréhension

2 Cache le dialogue. Écoute et coche.

	VRAI	FAUX
a. Il y a deux voix dans ce dialogue.		
b. Les élèves parlent de moyens de transport.		

3 Réécoute le dialogue et coche.

a Nam va à l'école

à vélo.

en cyclo.

à scooter.

b Pour Léa, le cyclo est

beau.

spécial.

moche.

c Le cyclo est surtout utilisé par

les élèves.

les touristes.

les professeurs.

Grammaire

4 Complète avec *à* ou *en*.

- a Nous allons à l'école vélo.
 b Ma mère va au marché..... scooter.
 c Les enfants vont au zoo pied.
 d Les touristes visitent la ville..... cyclo.

à / en	
à + moyen de transport	en + moyen de transport
à vélo	en voiture
à rollers	en métro
à scooter	en bus
à pied	en train
	en avion
	en cyclo

Lexique

5 Complète.

Les moyens de transport

le vélo
les rollers

la voiture
le train

le métro
l'avion

le bus
le cyclo

le scooter



a. le vélo



b.....



c.....



d.....



e.....



f.....

Communication

6 Formule les questions d'une autre manière.

- a Comment est-ce que vous allez au travail ?
 b Tu voyages comment ?
 c Comment est-ce qu'on va à la mairie?

Pour poser des questions avec **Comment**

- **Comment est-ce que** tu vas au collège?
- Tu vas au collège **comment** ?
- À vélo. / En voiture.

- 7 Demande à ton ou ta camarade où il ou elle va le dimanche et par quel moyen de transport. Il ou elle répond.

Leçon 4 : TU PRENDS SOUVENT LE TRAIN ?

1 Observe le document. D'après toi, où se trouvent les élèves ?



LAN : Maxime, en France, est-ce qu'on voyage beaucoup en train ?

MAXIME : Oui, c'est un des moyens de transport préférés des Français.

LAN : Et toi, tu prends souvent le train ?

MAXIME : Non. Mes parents et moi, nous prenons souvent l'avion pour les voyages. Et toi, Lan, tu aimes le train ?

LAN : Non. Pendant mes vacances, je prends toujours le bus pour aller à la campagne.

Compréhension

2 Cache le dialogue. Écoute et coche.

	VRAI	FAUX
a. Lan veut savoir comment les Français se déplacent.		
b. Maxime parle de ses déplacements.		

3 Réécoute et souligne la bonne option.

a En France, le train est un moyen de transport *peu* / *très* utilisé.

b Maxime et ses parents prennent souvent *l'avion* / *la voiture* pour les voyages.

c Pour aller à la campagne, Lan prend toujours *le train* / *le bus*.

Grammaire

4 Relie.

- a Tu **1** prend toujours la voiture.
 b Nous **2** prends souvent le train ?
 c Il **3** prene□ le scooter pour aller à la piscine ?
 d Vous **4** prenons souvent l'avion.

Prendre

Je prends	Nous prenons
Tu prends	Vous prenez
Il/Elle/On prend	Ils/Elles prennent

Je prends le vélo pour aller à la gare.

5 Souligne la bonne option.

- a Pour aller à la piscine, tu *prends / prend* le bus ?
 b À midi, ils *prend / prennent* le déjeuner.
 c Vous *prend / prenez* le diner à quelle heure ?
 b Nous *prenons / prenez* souvent le scooter.

6 Phonétique.

a Écoute et répète.

[a]	aller	avion	gare	marché
[ã]	comment	prendre	transport	restaurant

b Lis à haute voix puis écoute pour vérifier la prononciation.

1. En France, on voyage beaucoup ?
2. Pendant mes vacances, j'aime aller à la campagne.
3. Maman, on va au restaurant ce soir ?

Communication

7 Tu prends quel moyen de transport quand ...

- tu vas à l'école ?
- tu vas à ton club de sport ?
- tu sors avec des amis ?
- tu voyages ?
- ...

Pour parler des déplacements

- Je visite la ville à pied.
- Ma sœur voyage **en** avion.
- Mes parents **prennent** la voiture pour aller au travail.

8 Dis à ton voisin ou ta voisine comment se déplacent les membres de ta famille.



CULTURE : LES MOYENS DE TRANSPORT

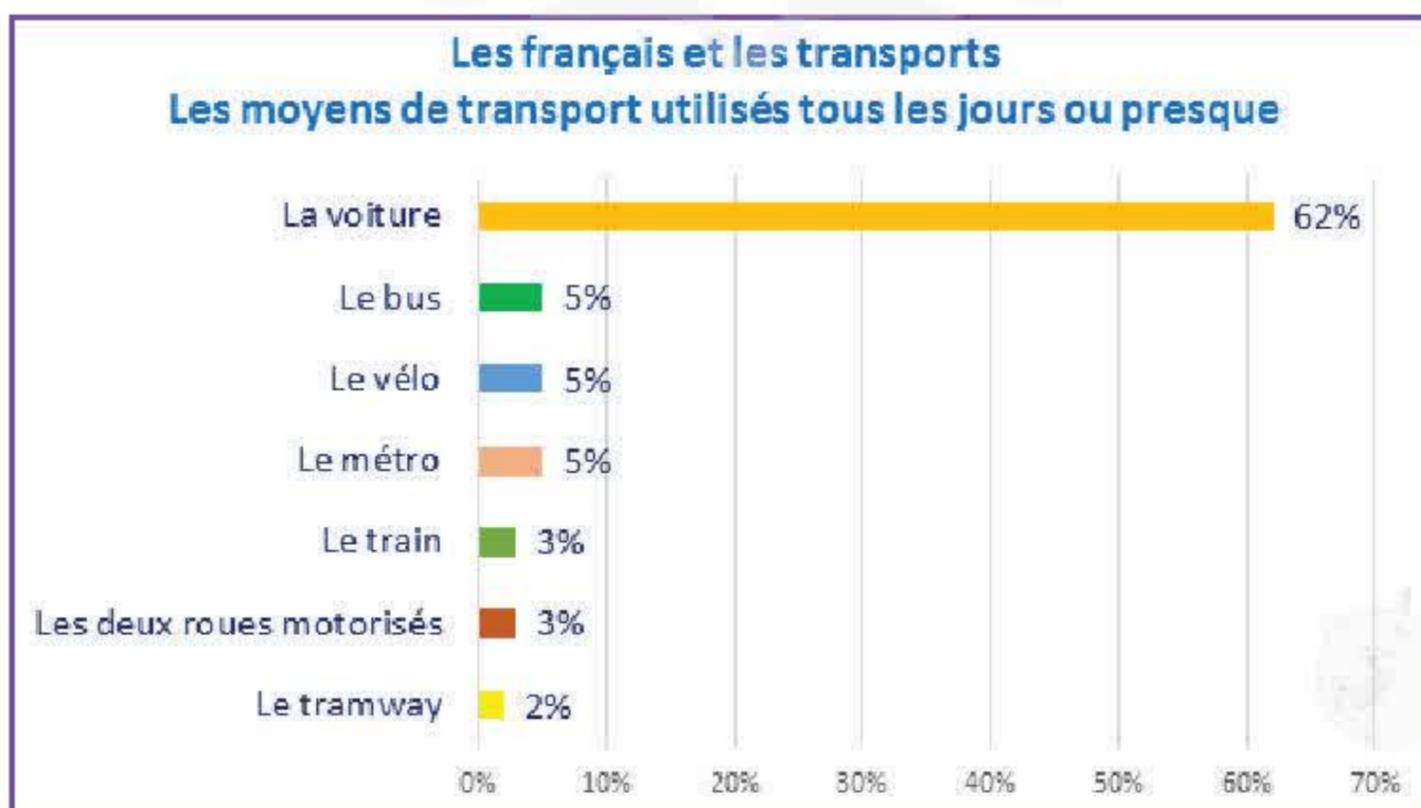
1 Observe les moyens de transport.

a Ecris le nom du moyen de transport sous chaque photo



b Parmi ces moyens de transport, lesquels sont des moyens de transport en commun ?

2 Observe le document et réponds : Vrai ou Faux ?



France/Monde sondage, 25/4/2015

	VRAI	FAUX
a. La voiture est le moyen de transport le plus utilisé par les Français.		
b. Le tramway est souvent utilisé par les Français.		
c. 5% des Français se déplacent à vélo.		
d. 15% des Français utilisent les transports en commun.		

3 Observe ces moyens de transport. À ton avis, dans quel(s) pays sont-ils utilisés ?



Le water-taxi

.....



Le chameau-taxi

.....



Le tuk-tuk

.....



Le coco-taxi

.....



Le rickshaw

.....



L'autorickshaw

.....

a Au Vietnam, quels sont les moyens de transport les plus utilisés ?

.....

b Et toi, quel moyen de transport préfères-tu ? Pourquoi ?

.....



ENTRAÎNEMENT

GRAMMAIRE

1 Souligne le pronom correct.

- a *Il / Je / Nous* va au Vietnam. b Où est-ce que *tu / nous / vous* vas ?
c *Nous / Vous / Ils* allez au collège ? d *Je / Tu / Elles* vont à Ho chi minh-ville.
e *Je / Tu / Elle* vais au cinéma. f *Ils / Elle / Nous* allons où ?

2 Complète avec *aller* ou *prendre*.

- a Tu l'avion pour les voyages ?
b Notre équipe d'abord à la poste.
c Nous souvent le métro.
d Elles le bus pour au travail.
e Vous où pendant les vacances ?

3 Entoure la bonne option.

- a Maxime va *à la / chez* gare. b Je cherche du pain *à la / chez* boulangerie.
c Manon déjeune *à / chez* ses amis. d Vous allez *au / chez* le boulanger ?
e Il va *aux / chez* toilettes. f Tu vas *au / chez* marché ou tu vas *à / chez* lui ?

4 Complète avec *à* ou *en*.

- a Les touristes visitent la ville..... bus.
b Stéphanie se promène rollers.
c Elle préfère aller au marché pied.
d J'aime bien voyager avion.
e Mon père va au travail scooter.

LEXIQUE

5 Remets dans l'ordre et les lettres de chaque mot complète.

PIECINS – PESTO – CMAIÉN – TAURESANT – OZO

- a Nos amis vont au pour regarder des animaux.
- b Le dimanche, nous prenons le dîner dans un près de chez nous.
- c Je vais à la pour envoyer des livres en France.
- d Dans ma ville, il y a un grand : on peut y voir beaucoup de films.
- e Je vais souvent à la parce que j'aime nager.

6 Entoure les noms des moyens de transport.



B	C	D	E	F	G	H	S
A	V	I	O	N	W	O	C
R	O	L	L	E	R	S	O
Z	I	Z	I	N	S	Q	O
S	T	R	A	I	N	P	T
O	U	T	R	A	B	N	E
I	R	P	M	O	E	Z	R
V	E	L	O	X	Y	O	T



PHONÉTIQUE

7 Cherche dans l'activité 5 les mots qui contiennent les sons [a] et [ã].

[a]	[ã]
<i>amis, ...</i>	<i>dimanche, ...</i>

COMMUNICATION

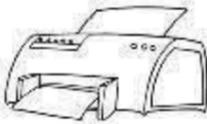
8 Lis et associe les questions et les réponses.

- 1 Où est-ce que nous déjeunons aujourd'hui ? a À la piscine de la ville.
- 2 Comment est-ce que Samuel va à la campagne ? b J'y vais à pied.
- 3 Tu vas comment au collège ? c Il prend le train.
- 4 Vous nagez où ? c Dans un restaurant original !

9 Tu as rendez-vous avec un ami ou une amie. Tu lui envoies un SMS pour demander le lieu du rendez-vous et le moyen à prendre pour y aller. Écris ton message en 30 mots environ.

MON COURS D'INFORMATIQUE

1 Qu'est-ce que c'est ? Relie les mots aux images et écoute pour vérifier.

le scanneur		le téléfax		le webcam	
l'ordinateur		la photocopieuse		la chaîne stéréo	
l'imprimante		la calculette		le portable	

2 Classe les mots suivants dans les catégories ci-dessous.

l'ordinateur – l'imprimante – le scanneur – la photocopieuse –
la calculette – le portable – le webcam – la chaîne stéréo

Écouter de la musique	communiquer	autres

3 Inscris le nom de chaque élément de l'ordinateur sur le dessin ci-dessous, aide-toi de la liste pour orthographier correctement les mots.



- | | | | |
|----------------|-----------------------|----------|---------|
| unité centrale | manette de jeux | modem | clavier |
| imprimante | lecteur de CD-ROM | enceinte | souris |
| moniteur | lecteur de disquettes | scanner | |

PROJET : FAIRE UN PROGRAMME DE VISITE

Các em làm việc nhóm và thực hiện theo các bước sau:

Bước 1: Chuẩn bị

- Thảo luận chọn thời gian tham quan (ngày, giờ...)
- Thảo luận chọn địa điểm tham quan (nông thôn, thành phố, biển, núi, công viên...)
- Xây dựng các tiêu chí của địa điểm tham quan (đẹp, hấp dẫn, hoạt động giải trí, ẩm thực, dịch vụ, đi lại thuận lợi, dễ dàng...)



Bước 2: Thực hiện

- Chọn các địa điểm tham quan theo các tiêu chí đã xác định ở trên.
- Đề xuất các hoạt động khác nhau: sáng, chiều và tối.
- Có thể tìm kiếm các địa điểm tham quan trên mạng, trên các trang quảng cáo.

Bước 3: Giới thiệu và đánh giá

- Giới thiệu với lớp chương trình tham quan đã xây dựng. Đừng quên trình bày ảnh, bưu ảnh, tờ rơi quảng cáo về những địa điểm đẹp nhất và những đặc sản ngon nhất của nơi sẽ đến tham quan.
- Lớp thảo luận cho ý kiến đánh giá chương trình tham quan của từng nhóm và biểu quyết chọn chương trình tham quan nào đáp ứng tốt nhất các tiêu chí đã đề ra.



BILAN

1 Barre l'intrus dans chaque liste.

- gare, école, cinéma, train, zoo
- cousin, mère, sœur, ami, frère
- jeudi, octobre, avril, mai, juin
- bus, moto, gare, train, vélo

2 Entoure la bonne solution.

- Nam va à / au / à la / à l' Lyon.
- Les enfants prennent le bus / en bus / à bus.
- Pour aller au cinéma, Marie ne va / prend pas le bus comme Sophie.
- Nous prenons le train de nuit pour aller à Paris / Paris / à la gare.

3 Réponds aux questions suivantes.

a Comment est-ce que tu vas à la gare ?

→

b Où est-ce que vous allez le samedi soir ?

→

c Ta mère va au marché comment ?

→

d Ce matin, tu vas où et comment ?

→

4 Écoute le document et coche la bonne réponse.

	VRAI	FAUX
a. Le 8 mars est la fête des femmes.		
b. Le matin, nous avons un concours de dictée.		
c. Nous prenons le taxi pour aller au cinéma.		
d. Le soir, nous organisons un concours au karaoké.		

5 Présente oralement ton moyen de déplacement quotidien.

Les actes de communication

Saluer et prendre congé

Saluer	Prendre congé
- Salut. - Bonjour.	- Salut. - Au revoir.

Se présenter et présenter quelqu'un

Se présenter	Présenter quelqu'un
- Je m'appelle Philippe. Je suis Philippe. Moi, c'est Philippe. - Je suis canadien.	- Je te présente Mai. - C'est Valérie, une amie française. - Je vous présente un ami. Il s'appelle Paul.

Parler de la famille

- Vous êtes combien dans la famille ?
- Nous sommes quatre : mon père, ma mère, mon frère et moi.
- Il y a quatre personnes dans ma famille.

Parler de son collègue

- Mon collègue s'appelle Jules Romains.
- Il est + adjectif (grand, petit...)
- Dans mon collège, il y a dix-huit salles de classe, une cantine, un gymnase et deux salles d'informatique.

Dire ce qu'on aime / ce qu'on n'aime pas

- J'aime... (les amis, les magazines, le cinéma...)
- Je n'aime pas... (le football).

Identifier quelque chose / quelqu'un

Identifier quelque chose	Identifier quelqu'un
Qu'est-ce que c'est ? - C'est un livre. - Ce sont des stylos	Qui est-ce ? - C'est un professeur. Il s'appelle Quang. Il est vietnamien. - C'est Catherine Lambert. Elle est française.

Caractériser un lieu ou un objet

- La cour de l'école, **elle est + adjectif** (petit, grand...)
- La salle d'informatique, **c'est + adjectif**

Décrire un objet

- La couleur : – Le tableau est noir.
- La taille : – La table est longue.

Décrire physiquement une personne

- Elle est grande.
- Il est petit.
- Ils sont âgés.
- Je suis de taille moyenne.
 - Mon père fait 1 mètre 65.
 - Ma mère a les cheveux longs.
 - Son frère a les yeux noirs.

Parler des moments de la journée

- Le matin
- À midi
- L'après-midi
- Le soir
- La nuit

Demander et dire l'heure

Demander l'heure	Dire l'heure courante
<ul style="list-style-type: none">– Il est quelle heure ?– Tu as l'heure ?	<ul style="list-style-type: none">– Il est huit heures.– Il est huit heures dix / ... et quart / ... et demie / ... moins le quart.– Il est vingt heures = Il est huit heures du soir.– Il est midi / minuit.

Demander et dire une date

Demander une date	Dire une date
<ul style="list-style-type: none">– Quel jour sommes-nous ?– On est le combien, au jour d'hui ?– Quelle est la date de ton mariage ?– C'est quand, ton anniversaire ?	<ul style="list-style-type: none">– Nous sommes lundi.– On est le lundi 9 mai.– C'est en février.– C'est au mois de février.

Situer dans l'espace

- Le professeur est **devant** le tableau.
- Les élèves sont **derrière** leur ordinateur.
- Laura et Clara sont **sur** un banc dans le parc.

- Ne regardez pas **là-bas**. Je suis **ici**.
- Viens **là / ici**, à côté de moi.

Parler des déplacements

- Je visite la ville à **pied**.
- Ma sœur voyage **en avion**.
- Mes parents **prennent** la voiture pour aller au travail.

Poser des questions

<ul style="list-style-type: none"> - Est-ce que vous avez un site Internet ? = Vous avez un site Internet ? - Quand est-ce que tu as le cours de français ? - Pourquoi est-ce que tu aimes le jeudi ? - Tu préfères le jeudi, pourquoi ? - Tu vas où ? - Où est-ce que tu vas ? - Comment est-ce que tu vas au collège ? - Tu vas au collège comment ? 	<ul style="list-style-type: none"> - Oui, j'ai un site Internet. - Le lundi, le jeudi et le vendredi. - Parce que le jeudi, on a maths et moi, j'adore les maths. - À la bibliothèque de la ville. - Chez Nicolas. - À vélo. / En voiture.
--	---

Précis grammatical

1. Les noms

Maculin-féminin :	un élève - une élève un ami – une amie
Singulier et pluriel :	une table – des tables un professeur – des professeurs

2. Les déterminants

	Masculin	Féminin	Pluriel
Articles définis	le cahier, l'enfant	la chaise, l'école	les noms
Articles indéfinis	un collègue	une dame	des garçons

3. Les adjectifs

Adjectifs qualificatifs

	Masculin	Féminin	Pluriel
Accord en genre et en nombre	un ami français un étudiant canadien	une amie française une étudiante canadienne	des amies françaises des étudiants canadiens
Attention	un objet original	une idée originale	des quartiers originaux

Adjectifs possessifs

	Singulier		Pluriel
	<i>Masculin</i>	<i>Féminin</i>	
Je	Mon livre	Ma cantine/ Mon* école	Mes stylos
Tu	Ton livre	Ta cantine/ Ton* école	Tes stylos
Il / Elle	Son livre	Sa cantine/ Son* école	Ses stylos

* Quand un nom féminin singulier commence par une voyelle,

Ma → Mon

Ta → Ton

Sa → Son

Adjectifs démonstratifs :

Ce monsieur, **cette** date, **ces** chaises

4. Les questions

Est-ce que :	Est-ce que Paul habite à Lyon ?
Quand :	Tu arrives quand ?
Pourquoi :	Pourquoi tu aimes la mer ?
Où :	Où est la gare ?
Comment :	Comment vas-tu ?

5. Locution conjonctive :

Parce que...

Exemple :

Pierre reste à la maison parce qu'il pleut.

6. La négation :

ne... pas

Exemple :

Marie ne parle pas vietnamien.

7. Les prépositions

Prépositions + moyen de transport : à, en

Exemple : à vélo, en bus

Prépositions de lieu : devant, derrière, à, chez

Exemple : Gabriel est devant la cantine.

Le café est derrière la poste.

Emma vient chez elle.

Nous arrivons à Paris.

8. Les pronoms

	Les pronoms personnels sujets	Les pronoms toniques
	Singulier	Singulier
Première personne	Je / J'	Moi
Deuxième personne	Tu	Toi
Troisième personne	Il / Elle / On	Lui / Elle
	Pluriel	
Première personne	Nous	Nous
Deuxième personne	Vous	Vous
Troisième personne	Ils / Elles	Eux / elles

Pron. Indéfini :

on

On = nous

Ce soir, on va au cinéma.

On = les gens

En France, on aime boire du vin.

9. Adverbes de lieu

Ici

ici, là-bas

Vous êtes ici chez vous.

Là-bas

Nous allons là-bas la semaine prochaine. Tu veux venir avec nous ?

Tableaux de conjugaison

Être	je suis tu es il/elle est nous sommes vous êtes ils/elles sont	Aimer	j'aime tu aimes il/elle aime nous aimons vous aimez ils/elles aiment
Avoir	j'ai tu as il/elle a nous avons vous avez ils/elles ont	Regarder	je regarde tu regardes il/elle regarde nous regardons vous regardez ils/elles regardent
Aller	je vais tu vas il/elle va nous allons vous allez ils/elles vont	S'appeler	je m'appelle tu t'appelles il/elle s'appelle nous nous appelons vous vous appelez ils/elles s'appellent
Prendre	je prends tu prends il/elle prend nous prenons vous prenez ils/elles prennent	Se laver	je me lave tu te laves il/elle se lave nous nous lavons vous vous lavez ils/elles se lavent

LEXIQUE MULTILINGUE

Le numéro à gauche est le numéro de l'unité où le mot apparaît pour la première fois. Les noms et les adjectifs sont donnés au masculin et au féminin. Le pluriel est donné s'il est particulier.

adj.	adjectif
adv.	adverbe
conj.	conjonction
fam.	familier
interj.	interjection
loc.	locution
n.f.	nom féminin
n.m.	nom masculin
plur.	Pluriel
prép.	préposition
pron.	pronom
v.aux.	verbe auxiliaire
v.imp.	verbe impersonnel
v. intr.	verbe intransitif
v. pron.	verbe pronominal
v. tr.	verbe transitif

UNITÉ	FRANÇAIS	VIETNAMIEN	ANGLAIS
	A		
2	aimer (v.tr.)	yêu, thích	to like, to love
6	aller (v.intr. ou auxil.)	đi	to go
1	ami(e) (n.)	bạn	friend
2	ancien(ne) (adj.)	cổ xưa, cũ	old
5	animal (n.m.)	con vật	animal
5	année (n.f.)	năm	year
5	anniversaire (n.m.)	sinh nhật	birthday
5	août (n.m.)	tháng tám	August
2	aussi (adv.)	cũng vậy	as well, also
3	avoir (v.tr. ou auxil.)	có	to have
5	avril (n.m.)	tháng tư	April
	B		
3	beau (belle) (adj.)	đẹp	beautiful
2	bibliothèque (n.f.)	thư viện	library
4	biologie (n.f.)	sinh học	biology
3	blanc (blanche) (adj.)	trắng	white
3	bleu(e) (adj.)	xanh da trời	blue
2	bon(ne) (adj.)	tốt	good

6	boulangerie (n.f.)	tiệm bánh mì	bakery
3	brun(e) (adj.)	nâu	brown
3	bureau (n.m.)	bàn làm việc, văn phòng	desk, office
6	bus (n.m.)	xe buýt	bus
C			
3	cahier (n.m.)	vở	notebook
1	Cambodge (n.m.)	nước Cam-pu-chia	Cambodia
1	cambodgien(ne) (adj.)	thuộc về Cam-pu-chia	Cambodian
6	campagne (n.f.)	vùng nông thôn	countryside
4	camping (n.m.)	cắm trại	camping
1	Canada (n.m.)	nước Ca-na-đa	Canada
1	canadien(ne) (adj.)	thuộc về Ca-na-đa	Canadian
2	cantine (n.f.)	căng tin	canteen
3	chaise (n.f.)	ghế	chair
5	chat (n.m.)	con mèo	cat
2	chercher (v.tr.)	tìm kiếm	to search
5	chien (n.m.)	con chó	dog
3	clé USB (n.f.)	USB	USB key
1	collège (n.m.)	trường trung học cơ sở	middle school, secondary school
4	concours (n.m.)	cuộc thi	contes
5	couple (n.m.)	cặp đôi	couple
2	cour de récréation (n.f.)	sân chơi	playground
4	cours (n.m.)	lớp, bài giảng	course
3	court (e) (adj.)	ngắn	short
5	cousin (e) (n.m.)	anh (chị)/em họ	cousin
3	crayon (n.m.)	bút chì	pencil
6	cyclo (n.m.)	xe xích-lô	cyclo
D			
5	décembre (n.m.)	tháng mười hai	December
4	déjeuner (v.)	ăn trưa	to have lunch
4	demi(e) (adj.)	1/2 giờ (30 phút)	half
4	dictée (n.m.)	bài chính tả	dictation
3	dictionnaire (n.m.)	từ điển	dictionary
4	dimanche (n.m.)	chủ nhật	sunday
3	document (n.m.)	tài liệu	document
E			
2	école (n.f.)	trường học	school
4	éducation civique (n.f.)	giáo dục công dân	civic education
5	élégant(e) (adj.)	trang nhã	elegant
1	élève (n.)	học sinh	student
4	emploi du temps (n.m.)	thời gian biểu	timetable
5	enfant (n.m.)	trẻ con	child

3	épais, épaisse (adj.)	dày	thick
3	être (v.intr. ou auxil.)	là	to be
	F		
5	femme (n.f.)	vợ	women
5	fête (n.f.)	ngày lễ âm nhạc	Party
5	février (n.m.)	tháng hai	February
5	fille (n.f.)	con gái	girl
5	fils (n.m.)	con trai	son
1	français(e) (adj.)	thuộc về Pháp	french
1	France (n.f.)	nước Pháp	France
1	francophone (adj.)	Pháp ngữ	French-speaking
5	frère (n.m.)	anh/ em trai	brother
	G		
6	gare (n.f.)	nhà ga	station
4	géographie (n.f.)	địa lý	geography
2	grand(e) (adj.)	to, lớn	big
6	guichet (n.m.)	quầy bán vé	counter
2	gymnase (n.m.)	phòng tập thể dục	gymnasium
	H		
1	heure (n.f.)	giờ	hour
4	histoire (n.f.)	lịch sử	history
6	horaire (n.m.)	bảng giờ (tàu xe)	schedule
	I		
6	impossible (adj.)	không thể được	impossible
4	intéressant(e) (adj.)	lý thú	interesting
5	janvier (n.m.)	tháng một	January
3	jaune (adj.)	vàng	yellow
4	jeudi (n.m.)	thứ năm	Thursday
1	jeune (adj.)	trẻ	young
4	journée (n.f.)	(ban) ngày	day
5	juillet (n.m.)	tháng bảy	July
5	juin (n.m.)	tháng sáu	June
	L		
2	laid (adj.)	xấu xí	ugly
1	Laos (n.m.)	nước Lào	Laos
1	laotien(ne) (adj.)	thuộc về Lào	laotian
5	lapin (n.m.)	con thỏ	rabbit
6	lettre (n.f.)	thư	letter
6	lieu (n.m.)	nơi, chốn, chỗ	location
3	livre (n.m.)	sách	book
6	loin de... (adv.)	xa	far from
3	long, longue (adj.)	dài	long
4	lundi (n.m.)	ngày thứ hai	Monday

M			
1	magazine (n.m.)	tạp chí	magazine
2	magnifique (adj.)	tuyệt đẹp	magnificent
5	mai (n.m.)	tháng năm	May
6	marché (n.m.)	chợ	market
4	mardi (n.m.)	thứ ba	Tuesday
5	mari (n.m.)	chồng	husband
5	mariage (n.m.)	kết hôn	wedding
1	Maroc (n.m.)	nước Ma-rốc	Morocco
1	marocain(e) (adj.)	thuộc về Ma-rốc	moroccan
4	maths, mathématiques (n.f.plur.)	toán	maths
2	mauvais(e) (adj.)	xấu, kém	bad
4	mercredi (n.m.)	thứ tư	Wednesday
5	mère (n.f.)	mẹ, má	mother
6	métro (n.m.)	tàu điện ngầm	subway
5	mignon, mignonne (adj.)	đáng yêu	cute
3	mince (adj.)	mỏng	slim
2	moderne (adj.)	hiện đại	modern
5	mois (n.m.)	tháng	month
6	moyen (n.m.)	phương tiện	way
4	musique (n.f.)	âm nhạc	music
N			
1	nationalité (n.f.)	quốc tịch	nationality
5	né (adj.)	sinh ra	born
3	noir(e) (adj.)	đen	black
5	novembre (n.m.)	tháng mười một	November
O			
3	objet (n.m.)	đồ vật	object
5	octobre (n.m.)	tháng mười	October
3	orange (adj.)	cam	orange
3	original(e, es, aux) (adj.)	độc đáo	original
6	ouvrir (v.tr.)	mở	to open
P			
2	parc (n.m.)	công viên	park
5	parents (n.m.plur.)	bố mẹ	parents
2	parking (n.m.)	bãi đỗ xe	car park
1	pays (n.m.)	đất nước	country
5	père (n.m.)	bố, cha	dad
5	perroquet (n.m.)	con vẹt	parrot
2	petit(e) (adj.)	nhỏ	small
4	physique (n.f.)	vật lí	physical
6	piscine (n.f.)	bể bơi	swimming pool
5	poisson (n.m.)	con cá	fish

6	porte (n.f.)	cửa	door
6	poste (n.f.)	bưu điện	post
6	pouvoir (v.)	có thể	to can
4	préfére (adj.)	được yêu thích	prefer
5	premier	thứ nhất	first
6	prendre (v.tr.)	lấy	to take
1	présenter (v.tr.)	giới thiệu	to present/ show
1	prof, professeur (n.m.)	thầy (cô) giáo	teacher
2	propre (adj.)	sạch sẽ	clean
	Q		
3	quelques (adj.)	một vài	a few
	R		
6	restaurant (n.m.)	nhà hàng	restaurant
6	roller (n.m.)	giày trượt pa-tanh	roller
5	rond(e) (adj.)	tròn, béo	round
3	rose (adj.)	hồng	pink
3	rouge (adj.)	đỏ	red
3	rue (n.f.)	đường phố, phố	street
	S		
3	sac à dos (n.m.)	túi đeo vai	backpack
2	sale (adj.)	dơ	dirty
2	salle de classe (n.f.)	phòng học	classroom
4	samedi (n.m.)	thứ bảy	Saturday
1	s'appeler (v.pron.)	tên là/được gọi là	to be called
6	scooter (n.m.)	xe máy, mô-tô bánh nhỏ	scooter
4	semaine (n.f.)	tuần	week
2	septembre (n.m.)	tháng chín	September
5	sœur (n.f.)	chị/em gái	sister
2	spécialité (n.f.)	đặc sản	specialty
4	sport (n.m.)	thể thao	sport
3	stylo (n.m.)	bút máy	pen
1	sympa, sympathique (adj.)	đáng mến	friendly/ nice
	T		
3	table (n.f.)	bàn	table
3	tableau (n.m.)	bảng	board
3	tablette (n.f.)	máy tính bảng	tablet
4	technologie (n.f.)	công nghệ	technology
2	toilettes (n.f.plur.)	nhà vệ sinh	bathroom
5	tortue (n.f.)	con rùa	tortoise
6	train (n.m.)	xe lửa, tàu hỏa	train
6	transport (n.m.)	vận chuyển	transport

U			
1	un (numéral),	một	one
1	un, une,	một (định từ)	a, an
V			
6	vacances, n.f.plur.	kỳ nghỉ	holidays
2	vélo, n.m.	xe đạp	bike
4	vendredi, n.m.	thứ sáu	Friday
3	venez (impératif),	hãy đến	to come
3	vente, n.f.	bán	sale
3	vert, e, adj.	xanh lá cây	green
3	vêtement, n.m.	áo quần	clothing
5	vieille, n.f.	cũ, già	old
1	Vietnam, n.m.	nước Việt Nam	Vietnam
1	vietnamien, -ne, adj.	người Việt Nam	vietnamese
1	ville, n.f.	thành phố	city
3	vingt--> vingt-neuf,	hai mươi --> hai mươi chín	twenty -> twentynine
4	visite, n.f.	chuyến thăm viếng	visit
2	visiter (on), v.tr.	tham quan	to visit
4	vite, adv.	nhanh	quickly
4	voici, prép.	đây là	here is
3	voilà, prép.	đây là	there is, there are
6	voiture, n.m.	xe ô tô	car
4	vouloir, v.	muốn	to want
3	vous, pron.	các bạn	you
2	vous, pron.	anh, chị (đại từ)	you (-look for)
3	voyage, n.m.	chuyến du lịch	trip
6	voyager (on), v.intr.	đi đường, đi du lịch	to travel
W Y Z			
4	week-end, n.m.	cuối tuần	weekend
1	Wouah !,	Ui dà!	Wow!
6	y, pron.	ở đấy (đại từ)	there
5	yeux, n.m.plur.	đôi mắt	eyes
1	zéro,	không	zero
6	zoo, n.m.	sở thú	zoo

La prononciation du français

ALPHABET PHONÉTIQUE

Voyelles			17 Consonnes	
10 voyelles orales			[b] bus [s] son [d] dans [f] faire [g] gare [ʃ] je [k] car [l] le [m] mes	[n] ne [k] campagne [p] papa [v] revoir [t] tante [ʃ] chien [v] vers [z] zoo
antérieures	centrales	postérieures		
[i] ici	[y] tu	[u] où		
[e] des	[ø] deux	[o] auto		
[ɛ] mais	[œ] cœur	[ɑ] nord		
[a] sa				
3 voyelles nasales				
[ɑ̃] pain	[ɑ̃] grand	[ɑ̃] bonbon		
3 semi-voyelles				
[j] fille	[ɥ] lui	[w] moi		

L'intonation

Elle s'appelle Léa ?

Alain est belge.

La liaison :

Ils ont un chien.

Vous êtes canadien.

L'enchaînement :

Il aime le football.

Elle est cambodgienne.

Les groupes rythmiques : Bonjour, / je m'appelle / Catherine.

L'accentuation de la dernière syllabe : tableau, supermarché, document

Les consonnes finales muettes : blanc, dans, petit

Transcriptions des enregistrements

No : numéro de la piste audio

U : Unité

L : Leçon

act. : activité

p. : page

LEÇON 0

No 1

U1 L0 act.1 p.10

- Hola !
Hello !
Salut !
Hallo !
- Merci !
Thank you !
Gracias !
Danke !
- Auf wiedersehen !
Adiós !
Goodbye !
Au revoir !

No 2

U1 L0 act.2 p.10

ABCDEFGHIJKLMN OPQRSTUVWXYZ

No 3

U1 L0 act.3 p.

- Je m'appelle Léa Martin. Léa L-E-A Martin M-A-R-T-I-N.
- Je suis monsieur Vinh. V-I-N-H.
- Moi, c'est Minh. M-I-N-H.

No 4

U1 L0 act.4 p.1

- Comment tu t'appelles ? Léa Martin
- Tu peux épeler ton nom ? Oui. M.A.R.T.I.N

No 5

U1 L0 act.8 p.13

un
deux
trois
quatre
cinq
six
sept
huit
neuf
dix

onze
douze
treize
quatorze
quinze
seize
dix-sept
dix-huit
dix-neuf
vingt

No 6

U1 L0 act.10a p.14

- Répétez.
- Ouvrez vos livres.
- Observez le dessin.
- Écoutez.
- Lisez.
- Répondez.
- Écrivez
- Travaillez en groupe.
- Parlez plus fort

No 7

U1 L0 act.10b p.14

- Comment ça s'écrit ?
- Je ne comprends pas.
- Vous pouvez répéter, s'il vous plaît ?
- Vous pouvez épeler ?
- Comment on dit «bike» en français ?

UNITE 1

No 8

U1 L1 act.2 p.16

AN : Salut ! Tu es française ?

LÉA : Salut ! Oui, je suis française !

AN : Super ! Comment tu t'appelles ?

LÉA : Léa. Et toi ?

AN : Moi, je m'appelle An.

MINH : Et moi, je suis Minh.

LÉA : Comment ça s'écrit ?

MINH : M.I.N.H.

LÉA : D'accord, Minh. (...) Wouah ! Il est sympa, le collègue !

[...]

AN : C'est l'heure ! Au revoir Léa !

LÉA : Au revoir.

No 9

U1 L1 act.5 p.17

D - E - F - J - O - U - W - Z

No 10

U1 L1 act.6 p.17

a. Maxime est sympa.

b. Maxime est sympa ?

No 11

U1 L1 act.7 p.17

- a. – Salut Léa. Moi, je suis Lan.
– Salut Lan.
b. – Bonjour ! Tu es français ?
– Bonjour ! Oui, je suis français.
c. – Au revoir, Maxime.
– Au revoir, Minh.

No 12

U1 L2 act.4 p.18

- a. Maxime est français.
b. Anh Huy est vietnamien.
c. Véronique est canadienne.
d. Karim est marocain.
e. Lim est cambodgien.

No 13

U1 L2 act.5 p.19

- a. Maxime est français. Léa est française.
b. Véronique est canadienne. Patrick est canadien.
c. Karim est marocain. Nadia est marocaine.

- Masculin et féminin :
français – française
marocain - marocaine
vietnamien – vietnamienne
canadien - canadienne

No 14

U1 L2 act.6 p.19

- a. cambodgienne
b. laotien
c. française

No 15

U1 L3 act.2,3 p.20

MAXIME : Lui, c'est qui ?
TRANG : C'est le prof de français.
MAXIME : Chouette ! Il est jeune !
TRANG : Et il est très sympa. Il n'est pas de Hué. Il est de Hanoï.
MAXIME : Tu es de Hué, toi ?
TRANG : Oui, Minh, Lan et moi, on est tous de Hué. Huy, lui, est de Danang.
MAXIME : Moi, je suis de Lyon.
TRANG : Léa aussi ?
MAXIME : Non, Léa est de Paris.

No 16

U1 L3 act.6 p.21

- a. Il est de Rabat. b. Elle est de Lyon.

No 17

U1 L4 act.2,3 p.22

a. Bonjour. Je m'appelle Trang. Je suis vietnamienne. Je vous présente Hoa. Elle est de Hanoï.

b. Salut ! Je suis français. Je m'appelle Maxime. Là, c'est une amie. Elle est marocaine. Elle s'appelle Netty.

c. Moi, je suis Léa. Je vous présente Emma, une amie. Elle est de Paris.

No 18

U1 L4 act.6 p.23

zéro – un – deux – trois – quatre – cinq – six – sept – huit – neuf

No 19

U1 Entraînement act.3 p.26

B – D – E – F – H – J – N – Q

No 20

U1 Entraînement act.5 p.27

- a. Claude est canadien.
b. Alex est française.
c. Lim est cambodgien ?

UNITE 2

No 21

U2 L1 act.2 p.32

TRANG : On visite le collège ?

MAXIME : Oui, avec plaisir.

TRANG : Ici, c'est la salle de classe de sixième.

LÉA : Oh ! C'est grand.

TRANG : Au collège, il y a une cantine.

LÉA : Vous avez aussi un gymnase ?

TRANG : Oui, bien sûr.

MAXIME : Et la salle d'informatique, c'est où ?

TRANG : Elle est là-bas.

No 22

U2 L1 act.4 p.33

un collège, des salles, une cantine, des nationalités, un pays, une ville

No 23

U2 L1 act.6 p.33

Dix – onze – douze – treize – quatorze – quinze – seize – dix-sept – dix-huit – dix-neuf

No 24

U2 L3 act.2,3,4 p.36

HUY : La cantine, c'est là.

LÉA : Oh ! C'est petit. Mais c'est propre.

HUY : On mange un phở ?

LÉA : C'est quoi ?

HUY : Le phở, c'est une spécialité vietnamienne. C'est très bon !

LÉA : Oui, avec plaisir ! Avec un coca, s'il te plaît.

No 25

U2 L3 Tableau phonétique p.37

Liaison avec [z]

les écoles – des ordinateurs – dix amis – vous avez

No 26

U2 L3 act.6 p.37

a. Je suis Marion.

b. Elle dit bonjour à ses élèves.

c. Il s'appelle Maxime.

d. Lucia a deux ordinateurs.

No 27

U2 L4 act.2,3,4 p.38

M Vinh : Vous cherchez ?

Maxime : S'il vous plaît, Monsieur. C'est où, la salle d'informatique ?

M Phap : Eh bien ! Regardez devant vous.

Nicolas : C'est la salle derrière les bancs ?

M Phap : Oui, entre la bibliothèque et la salle des professeurs.

Nicolas : Merci, Monsieur.

No 28

U2 L4 act.6 p.39

[ã] cantine - Évan - Cambodge

[õ] bonjour - prénom - Léon

[ê] Florin - informatique - sympa

a. Léon est à la cantine.

b. Évan est sympa.

c. Florin est du Cambodge.

No 29

U2 Entraînement act.6 p.43

a. Robin a cinq amis très sympas.

b. Yvan est sur un banc devant la cantine.

c. Simon dit bonjour à Gaston et à Ombelyne.

No 30

U2 Entraînement act.7 p.43

Trois - huit - quatorze - seize - neuf - onze - quinze

No 31

U2 Bilan act.4 p.46

LAN : Salut Nicolas. Minh, il est où, tu sais ?

NICOLAS : Minh ? Il est dans le gymnase du collège.

LAN : Mais c'est où, le gymnase ?

NICOLAS : Il est derrière la bibliothèque. Ici, on est devant la bibliothèque.

UNITE 3**No 32**

U3 L1 act.2 p.48

MAXIME : La salle est grande !

MINH : Oui, nous sommes quarante dans la classe.

MAXIME : Oh, vous êtes nombreux ! Et les tables, elles sont longues !

TRANG : Oui, il y a trois ou quatre élèves par table.

NICOLAS : Ça, qu'est-ce que c'est ?

MINH : C'est une estrade. On monte dessus pour écrire au tableau.

LÉA : Regardez, il y a un ordinateur !

MINH : Oui, c'est pour le professeur.

No 33

U3 L1 act.7 p.49

a. C'est une estrade.

b. Nous sommes quarante dans la classe.

c. Et les tables, elles sont longues !

No 34

U3 L2 act.5 p.51

vert - orange - rose - jaune - brun - bleu - rouge - blanc - noir

No 35

U3 L2 act.7 p.51

vert-verte, grand-grande, brun-brune, long-longue, épais- épaisse

No 36

U3 L3 act.2,3,4 p.52

TRANG : Regardez. Nous avons ici une belle statue !

NICOLAS : Elle est grande ! Qui est-ce ?

TRANG : C'est Quang Trung, un empereur vietnamien.

LÉA : Les vêtements sont originaux !

NICOLAS : Et ils sont très beaux.

LÉA : Vous avez des documents sur Quang Trung ?

TRANG : Oui, à la bibliothèque.

No 37

U3 L3 act.7 p.53

une statue - des statues magnifique - magnifiques beau - beaux original - originaux

No 38

U3 L4 act.2,3 p.54

NICOLAS : Est-ce que vous avez un site Internet ?

TRANG : Oui, attendez ... Voilà le site du collège Quang Trung.

MAXIME : Oh, c'est très beau ! Alors, vous avez vingt-quatre classes, soixante-huit professeurs, ...

NICOLAS : C'est presque comme dans mon collège Jean Rostand !

TRANG : Ah bon ! Vous avez combien de classes ?

MAXIME : Vingt-deux. Et nous avons aussi un site Internet.

No 39

U3 L4 act.5 p.55

vingt, vingt et un, vingt-deux, vingt-trois, vingt-quatre, vingt-cinq, vingt-six, vingt-sept, vingt-huit, vingt-neuf, trente, quarante, cinquante, soixante

No 40

U3 Entraînement act.3 p.58

Dans cette salle de classe, il y a douze table et trente-six chaises. Sur le bureau du professeur, il y a un ordinateur. Le tableau est très grand. Sur les tables, on voit beaucoup de livres, de cahiers, de stylos et de crayons.

No 41

U3 Interdisciplinarité act.1 p.60

Les opérations et leurs signes :

une addition, une soustraction, une division, une multiplication

un plus deux égale trois ($1+2 = 3$)vingt moins dix égale dix ($20 - 10 = 10$)dix huit divisé par deux égale neuf ($18 : 2 = 9$)quatre fois trois égale douze. ($4 \times 3 = 12$)**No 42**

U3 Bilan act.3 p.62

MARIE : Pierre, tu as un vélo vietnamien. Paul aussi, il a un vélo vietnamien.

PIERRE : Il est comment, le vélo de Paul ? Il est beau ?

MARIE : Oui, il est beau.

PIERRE : Est-ce qu'il est rouge ?

MARIE : Non, il est bleu.

UNITE 4**No 43**

U4 L1 act.2 p.64

TRANG : Entre, Léa. Voici ma chambre.

LÉA : Oh ! Elle est magnifique ! (...) C'est ton emploi du temps ?

TRANG : Oui.

LÉA : C'est quoi, 1, 2, 3, 4, 5, 6 ? Ce sont les jours de la semaine ?

TRANG : Oui, 2, c'est lundi, c'est le deuxième jour de la semaine. 3, c'est mardi. Et 4, c'est mercredi ...

LÉA : Oh, c'est intéressant. Quand est-ce que tu as cours de français ?

TRANG : Le lundi, le jeudi et le vendredi.

No 44

U4 L1 act.7 p.65

musique – semaine – dimanche – magnifique – seize

No 45

U4 L2 act.6 p.67

a. J'ai cours.

b. Salut !

c. Super !

d. C'est court.

e. Bonjour.

f. Bien sûr !

Les sons [y] et [u]

[y] : tu, sur

[u] : tout, sous

No 46

U4 L3 act.2,3 p.68

TRANG : Regarde, Léa.

LÉA : Qu'est-ce que c'est ?

TRANG : Une invitation de l'Institut français !

LÉA : Ah bon ! Qu'est-ce qu'il organise ?

TRANG : Les Francojeux. Il y a plein d'animations et un concours de dictée.

LÉA : C'est intéressant ! « Le dimanche vingt mars, de neuf heures à onze heures et demie ». Mais ... c'est ce matin ?

TRANG : Eh oui ! Tu veux participer ?

LÉA : Avec plaisir. Il est quelle heure ?

TRANG : Il est neuf heures moins le quart. Vite, vite !

LÉA : OK, chef !

No 47

U4 L3 act.7 p.69

Je visite un collègue.

Je regarde la télé.

J'ai cours le samedi.

J'ai français ce matin.

J'aime le sport.

J'aime les maths.

No 48

U4 L4 act.2,3,4 p.70

1

- Moi, mon jour préféré, c'est le mercredi.

- Pourquoi est-ce que tu aimes le mercredi ?

- Parce que le matin, il y a français, géographie et vietnamien. Et l'après-midi, on a maths et musique. J'adore tout ça.

2

- Tu préfères quel jour de la semaine ? Et pourquoi ?

- Je préfère le samedi parce que c'est le week-end, on n'a pas cours. J'écoute de la musique, je fais du camping avec des amis. C'est super !

No 49

U4 L4 act.5 p.71

1. La biologie
2. L'éducation civique
3. Le français
4. La géographie
5. L'histoire
6. Les mathématiques
7. La physique
8. La technologie
9. Le vietnamien

No 50

U4 L4 act.6 p.71
 - soixante-dix, soixante et onze, soixante-douze, soixante-dix-neuf
 - quatre-vingts, quatre-vingt-un, quatre-vingt-deux, quatre-vingt-neuf
 - quatre-vingt-dix, quatre-vingt-onze, quatre-vingt-douze, quatre-vingt-dix-neuf
 - cent

No 51

U4 Entraînement act.5 p.75
 Voici le numéro de téléphone de Sophie, c'est le 06 45 18 70 22. Pour Camille, c'est le 01 54 85 28 62. Et le numéro de Paul, c'est le 04 96 35 38 52.

No 52

U4 Bilan act.3 p.78
 SOPHIE : Ce matin, tu as cours de maths, Nicolas ?
 NICOLAS : Oui, trois heures de maths.
 SOPHIE : Trois heures ?
 NICOLAS : Oui, Sophie. Et toi, ce matin, tu as trois heures de maths comme moi ?
 SOPHIE : Ah non. Une heure de maths et deux heures de français.

UNITE 5**No 53**

U5 L1 act.2 p.80
 Nicolas : Oh, elle est vieille, cette photo.
 Minh : Oui. Elle a dix ans. C'est en février 2009, à l'occasion de l'anniversaire de mon père.
 NICOLAS : Là, c'est ton frère ?
 MINH : Non, ce n'est pas mon frère. C'est moi. J'ai deux ans sur la photo.
 NICOLAS : Et là, ce sont tes parents et ta sœur ?
 MINH : Oui, nous sommes quatre dans ma famille.
 NICOLAS : Eh ! Ton père est beau, et ta mère, elle est élégante. Toi et ta sœur, vous êtes très mignons.

No 54

U5 L1 act.6 p.81
 un enfant, les parents, petit, grand
 Nicolas et Léa sont français.
 Ils ont des amis vietnamiens.

No 55

U5 L2 act.6 p.83
 Enregistrement 1 :
 Manon - mignon ; Yvonne - mignonne

Enregistrement 2 :
 a. Manon a les cheveux longs.
 b. Yvonne est mignonne.
 c. Léonne et Léon font du sport.

No 56

U5 L3 act.2 p.84
 NICOLAS : Ah ! Un mail de mes parents... Regarde, Minh, il y a une photo de mon furet.
 MINH : Ton furet ?
 NICOLAS : Oui, c'est mon animal de compagnie.
 MINH : Wouah, il est super mignon. Comment il s'appelle ?
 NICOLAS : Filou. Et toi, tu as aussi un animal de compagnie ?
 MINH : Oui, j'ai un chien. Il s'appelle Lucky.
 NICOLAS : Qu'est-ce que vous faites ensemble ?
 MINH : On se promène et on s'amuse beaucoup.

No 57

U5 L3 act.6 p.85
 J'ai un lapin blanc. /
 Nicolas / a un beau furet.
 Clara / a un chien / et un chat.

No 58

U5 L3 act.7 p.85
 Il se promène avec son chien.
 Luc s'amuse beaucoup avec son furet.
 Il aime les chiens, les chats et les lapins.

No 59

U5 L4 act.2,3 p.86
 Léa : Allô, maman.
 Mme Lambert : Oh ! Léa. Ça va au Vietnam ?
 Léa : Oui, oui. Maman, le mariage de Bruno, c'est bien le 29 avril ?
 Mme Lambert : Oui. Ils se marient à la mairie ce jour-là. Quel jour sommes-nous, aujourd'hui ?
 Léa : Le 22 avril. C'est la semaine prochaine alors.
 Mme Lambert : Exactement. Mais le repas de noces, c'est en mai, le 2 mai.
 Léa : Maman, je suis contente pour Bruno. Il se marie enfin.

No 60

U5 L4 act.4 p.87
 Janvier - Février - Mars - Avril - Mai - Juin - Juillet - Août - Septembre - Octobre - Novembre - Décembre

No 61

U5 Entraînement act.5 p.91
 a. le mardi 1er janvier / le 1er janvier
 b. le jeudi 31 octobre / le 31 octobre
 c. le vendredi 13 septembre / le 13 septembre

No 62

U5 Entraînement act.6 p.91
 a. Yvon est mignon, et Yvonne est mignonne.
 b. Un garçon avec des cheveux longs, c'est étonnant.
 c. Mon frère prend un bon café et une bonne pizza.

No 63

U5 Entraînement act.7 p.91

- a. Manon / est grande /, mince /et élégante./
 b. Je me lève à 6 heures /, je m'habille /et je prends mon petit déjeuner./
 c. Nous sommes quatre dans la famille /: mon père /, ma mère/, mon frère/ et ma sœur./

No 64

U5 Bilan act.3 p.94

HOA : Regarde la photo.

MARIE : Qui est-ce ? C'est ta sœur ?

HOA : Oui, c'est ma petite sœur. Elle s'appelle Lan. Elle a 10 ans.

MARIE : Elle est petite. Elle a les yeux grands. Ses cheveux sont longs.

UNITE 6**No 65**

U6 L1 act.2 p.96

NAM : Léa, Lan, Maxime, Huy. Tout le monde est là.

LÉA : Oui, nous sommes prêts pour le jeu de piste.

NAM : Voici les questions pour notre équipe. Question numéro un : Vous aimez nager. Où est-ce que vous allez : à la gare, à la piscine ou au marché ?

LÉA : À la piscine, bien sûr !

NAM : Question numéro deux : Combien coûte le ticket d'entrée pour ce lieu ?

MAXIME : Pour avoir la réponse, on va d'abord à la piscine. C'est où ?

LAN : C'est près de chez moi, pas loin d'ici.

No 66

U6 L1 act.7 p.97

[s] cent, cinéma, ça, poste, classe

[z] zéro, zoo, gymnase, musée, Les élèves

Ils sont. / Ils ont.

No 67

U6 L2 act.6 p.99

a.

[s] : français – salut – intéressant – ici – soixante

[ʃ] : marché – chambre – chiffre – cheveux – guichet

b.

1. Merci.

2. Ça va ?

3. Le chat

4. Cette salle

5. Le chien

6. Chouette !

No 68

U6 L3 act.2,3 p.100

(Bruit de la rue)

LÉA : Oh, il y a beaucoup de scooters !

NAM : Oui. Ici, on va au travail, au marché, ... à scooter.

LÉA : Et toi, tu vas à l'école comment ? À vélo ou à scooter ?

NAM : Moi ? À vélo ou à pied.

MAXIME : Regardez ce grand vélo !

LAN : Non, ce n'est pas un vélo. C'est un cyclo.

LÉA : Ah oui, un cyclo ! Il a trois roues, c'est spécial !

Vous allez à l'école en cyclo aussi ?

NAM : Non, c'est surtout pour les touristes.

No 69

U6 L4 act.2,3 p.102

LAN : Maxime, en France, est-ce qu'on voyage beaucoup en train ?

MAXIME : Oui, c'est un des moyens de transport préférés des Français.

LAN : Et toi, tu prends souvent le train ?

MAXIME : Non. Mes parents et moi, nous prenons souvent l'avion pour les voyages. Et toi, Lan, tu aimes le train ?

LAN : Non. Pendant mes vacances, je prends toujours le bus pour aller à la campagne.

No 70

U6 L4 act.5 p.103

a.

[a] aller, avion, gare, marché

[ā] comment, prendre, transport, restaurant

b.

1. En France, on voyage beaucoup ?

2. Pendant mes vacances, j'aime aller à la campagne.

3. Maman, on va au restaurant ce soir ?

No 71

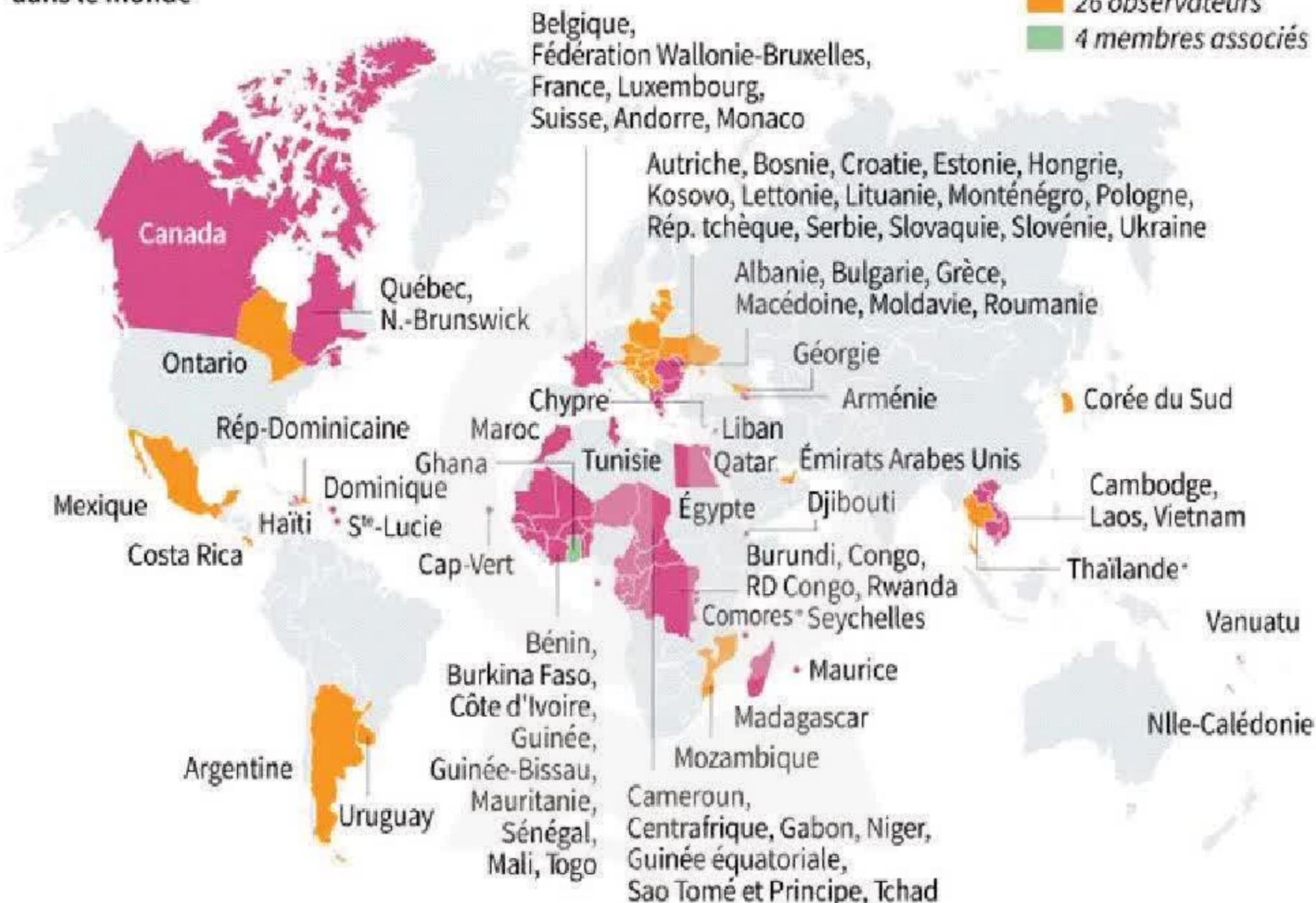
U6 Bilan act.4 p.110

Nous sommes le dimanche 8 mars. C'est la fête des femmes. Le matin, nous avons trois activités : faire du sport, faire de la musique et participer à un concours de dictée française. À 14 heures, nous allons au cinéma. Nous prenons le bus. Le film est super ! Le soir, nous allons au karaoké pour le concours de chant. Nous aimons bien la fête.

L'Organisation internationale de la francophonie

274 millions de locuteurs de français dans le monde

- 54 membres
- 26 observateurs
- 4 membres associés



Source : OIF *Suspendue des instances

© AFP



BAITAP365.COM



BAITAP365.COM